

*Dịu dàng áo trắng chung chiêm
Em về thánh thất tịnh nhiên cõi lòng
Chắp tay nguyện giữa thình không
Từ bi hoa nở kết vòng yêu thương
Hẹn nhau chung một con đường
Đại đồng thế giới mười phương hòa bình
Thiết tha vun cội nhân sinh
Gieo trồng quả phúc hiện tình Chí Tôn . . .
KIM ANH (Tâm ca áo trắng)*



SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN

ISBN: 978-604-89-9657-4



31

ĐẠO UYÊN THU 2019

NXB HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYÊN

THU 2019



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠO UYÊN THU 2019

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 31

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2019

NỘI DUNG

Giao Cảm – Ban Ấn Tổng	3
THÁNH GIÁO	
Lập Lại Pháp Luật, Nối Lại Thông Công – Đức Ngô Đại Tiên	4
Thánh Thi Tặng Giáo Sinh – Đức Nguyễn Chơn Khai	13
Xây Dựng Đại Đồng Xã – Đức Hưng Đạo Tổng Lý	17
KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI	
Hiệp Tâm Cầu Nguyên / Nén Hương Lòng – Ban Ấn Tổng	25, 27
Vĩnh Ly Xin Kính Đồi Lờ – Ban Ấn Tổng	28
Bốn Bài Dân Tam Bửu Ban Sơ – Huệ Khải	31
Hãy Chú Tâm Vào Bước Đường Tu Công Lập Đức – Diệu Nguyên	45
Lá Vàng Thu, <i>thơ</i> – Hoàng Nguyên	58
Ngài Hiền Viên Huỳnh Để Hối Đạo . . . – Lê Anh Minh	59
Nguyễn Cầu, <i>thơ</i> – Vũ Hoàng Chương	64
. . . Nên Gọi Thế Nào Cho Chính Danh? – Trần Văn Toàn	65
Chuyện Cũ Kể Lại: Thấy Một Chữ – Khải Minh	79
Vì Sao Người Ta Làm Thơ? – Nguyễn Đức Tùng	83
Đến Sông Quê Ta, <i>thơ</i> – Đỗ Thị Kết	108
Hoài Niệm Từ Calgary – Trần Ngọc Hường	109
Lá Thư Trà Vinh – Từ Ảnh	113
Thư Viện Liên Hoa Cửu Cung – Thiên Đạo Học Đường – Ban Ấn Tổng	116
Thơ – Trần Dã Sơn, Phạm Văn Long, Võ Văn Pho, Nguyễn Quốc Huân	119
Gió Bốn Phương – Huệ Khải	125
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tổng	140, 141

Bìa 1: Ban nhạc lễ Cao Đài (Tòa Thánh Tây Ninh, tháng 7-1948).

Ảnh: Tạp chí LIFE (Hoa Kỳ)

Bìa 4: Trước thánh đường Quảng Nam (Quảng Tín cũ).

Ảnh: Đàm Thị Lệ Hồng (ngày 24-02-2019, lễ khánh thành nhà tu Trí Huệ, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Tam Kỳ, Quảng Nam).

Trong đạo Cao Đài từ xưa tới nay, Ở Trên giảng cơ ban truyền thánh huấn vẫn hay mượn nhiều thể thơ khác nhau để khuyên dạy chúng ta. Ngay cả khi xưng hồng danh mở đầu bài thánh giáo cũng là thơ, hoặc bốn câu, hoặc tám câu.

GIAO CẨM

Đại để thơ có mấy đặc điểm thể này: đảo ngữ cho phù hợp luật thơ; kiệm lời cho đúng số chữ quy định ở từng câu và từng bài (như ngũ ngôn tứ tuyệt thì chỉ được vồn vẹn hai mươi chữ); chữ nghĩa bóng bảy theo kiểu mượn mây vẽ trăng, mượn cảnh nói tình, mượn người nói ta, v.v... Phải chăng vì thế mà phần đông đại chúng thường không dễ dàng đồng cảm với những điều ẩn áo mà lời thơ cô đọng đã kín đáo gợi trao? Có lẽ cũng bởi vậy mà nhiều bài thơ dấu rất hay vẫn thường bị hững hờ, lạnh nhạt. Dem thái độ này mà đọc thánh thi thì tất nhiên khó lòng cảm thụ, thấm thía ý tứ Ở Trên gói gắm trong từng chữ, từng câu, từng vần điệu mỹ miều, u ảo.

Trừ những ai sẵn khiếu Trời cho, mỗi một loại hình nghệ thuật nếu muốn có thể thưởng ngoạn tới bến tới bờ thì đều cần được hướng dẫn. Thơ cũng cần như vậy. Do đó, Đạo Uyển Thu 2019 hoan hỷ gởi tới quý đạo hữu bài *Vĩ Sao Người Ta Làm Thơ?* của Nguyễn Đức Tùng. Dĩ nhiên một bài viết dù công phu thể nào chẳng nữa cũng không thể trong “nháy mắt” giải quyết được trọn vẹn khoảng trống cách ngăn giữa người đọc và thơ. Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo do đó vẫn phải cần thêm nhiều nỗ lực và đóng góp khác nữa để tạo điều kiện thuận lợi trợ giúp hiệu quả việc học hỏi thánh giáo nói chung và cảm thụ thánh thi nói riêng.

BAN ẤN TỐNG

Thánh giáo

LẬP LẠI PHÁP LUẬT, NỔ LẠI THÔNG CÔNG

Phước Huệ Đoàn
ngày 08-11 Kỷ Hợi (Thứ Hai 07-12-1959)

TÁI CẦU

THI

Ngô thị ⁽¹⁾ *Ngôi Lời* ⁽²⁾ *xuống thế gian*

Đại đồng ⁽³⁾ *lập pháp* ⁽⁴⁾ *dựng Nam bang* ⁽⁵⁾

Tiên phạm ai biết làm sao biện ⁽⁶⁾

Giáng giáng thẳng thẳng Phước Huệ Đoàn.

Chào chư Thiên ân, chư hiền đồ.

⁽¹⁾ **ngô thị** 吾是 (*I am*): Ta là.

⁽²⁾ **Ngôi Lời** (Thánh Ngôn 聖言 / *Word*): Ngôi Hai, còn gọi là Ngôi Con. **Ngô thị Ngôi Lời xuống thế gian**: Ta là Ngôi Lời (Ngôi Hai) xuống cõi trần. Đức Đại Tiên Ngô Minh Chiêu đắc vị Ngôi Hai Giáo Chủ (03-8-1934).

⁽³⁾ **đại đồng** 大同 (*great harmony*): Đại là lớn (*great*); đồng là hòa 和 (*harmony*). Đại đồng là cả thế gian cùng sống vui, hòa hiệp với nhau, không tranh cạnh.

⁽⁴⁾ **lập pháp** 立法 (*legislating, making laws*): Làm ra luật lệ cho một nước. **Đại đồng lập pháp dựng Nam bang**: Làm ra luật lệ mang tính đại đồng để xây dựng nước Nam.

⁽⁵⁾ **Nam bang** 南邦 (*Vietnam*): Nước Nam.

⁽⁶⁾ **biện** 辨 (*distinguishing / recognising*): Phân biệt, nhận rõ. Td: *Tiên phạm ai biết làm sao biện*. (NĐT, PHĐ, 07-12-1959)

Giờ này Bần Đạo đến đây ban ơn, nối lại mối thông công⁽⁷⁾ cho nguồn nước lành chảy đến, hầu các hiền đồ làm trọn nguyện lực⁽⁸⁾ của mình.

Từ khi chư hiền đồ cùng Bần Đạo đã lập giao ước,⁽⁹⁾ Bần Đạo cũng để lòng từ bi lân mẫn⁽¹⁰⁾ tận độ, nhưng chư hiền đồ còn cả mang⁽¹¹⁾ theo bên mình bao nhiêu dục vọng làm cho ma quỷ lợi dụng xúi giục, rồi lại tự xé lời nguyện.⁽¹²⁾

⁽⁷⁾ **thông công** 通功 (*communion; communicating with*): Liên lạc, tiếp xúc (các Đấng thiêng liêng).

⁽⁸⁾ **nguyện lực** 願力 (*vow power*): Sức mạnh của thề nguyện. Người tu nhờ lập nguyện, phát nguyện mà thành đạo. Người xưa nói: *Vô nguyện bất thành Phật dữ Tiên; Phật Tiên vô nguyện bất điều hiền*. 無愿不成佛與仙; 佛仙無愿不調賢. (Người không lập nguyện chẳng thành Phật Tiên; Phật Tiên chẳng độ người không lập nguyện.) Sinh thời, tiền khai Ngô Minh Chiêu có bốn lời nguyện này: *Một là sanh chúng hằng hà / Dốc lòng cứu vớt, lòng ta thề nguyện / Hai là phiền não nối chuyền / Thề nguyện đoạn tuyệt như thuyền ra khơi / Ba là chí học chiêu mời / Phép màu sâu nhiệm, thanh thoi có ngày / Bốn là Phật Đạo công dày / Nguyện thành chánh quả kíp tày chí ta*.

⁽⁹⁾ **giao ước** 交約 (*testament, covenant, contract, agreement*): Những quy định (cam kết) về quyền lợi và trách nhiệm giữa hai bên để hai bên căn cứ theo đó thực hiện. Giao ước cũng là *minh ước* 盟約.

⁽¹⁰⁾ **lân mẫn** 憐愍 (*pitying sb, feeling pity for sb*): Thương xót, xót xa.

⁽¹¹⁾ **cả mang** (*taking all of sth*): Mang trọn, mang hết, mang tất cả.

⁽¹²⁾ **tự xé lời nguyện** (*breaking the vow oneself*): Tự mình hủy lời thề nguyện. Thí dụ, khi làm lễ nhập môn trước Thiên bàn, người tân tín đồ thề: *“Đệ tử tên là X Y Z, ba mươi tuổi, từ nay biết một Đức Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp cùng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục.”* Sau



Nhà tu Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam) ngày nay.
Ảnh: Trần Thanh Tạo (Quầy Kinh Sách Cao Đài), gởi 16-11-2018.

Bần Đạo không nỡ để cho tà quái hành phạt,⁽¹³⁾ nên cũng thể⁽¹⁴⁾ lòng từ bi, một lần nữa đến điều độ⁽¹⁵⁾ các hiền. Các hiền đồ có thấy mình chống nghịch lại với Thầy, bạn không? Nếu một phen thử thách hành phạt thì còn mong gì trông lại vị cũ⁽¹⁶⁾ quê xưa.⁽¹⁷⁾

này nếu bỏ Đạo Thầy, bỏ sang tôn giáo khác, thì người ấy tự xé lời nguyện.

⁽¹³⁾ **hành phạt** 行罰 (*torturing sb; punishing sb*): Làm cho cực kỳ khổ sở, điều đứng; bắt tội, trừng phạt.

⁽¹⁴⁾ **thể** (*according to*): Tùy theo.

⁽¹⁵⁾ **điều độ** 調度 (*guiding, leading*): Tạm hiểu là điều dắt.

⁽¹⁶⁾ **vị cũ** (cựu vị 舊位 / *former position in heaven*): Ngôi vị cũ ở trên trời, trước khi xuống trần làm người.

Hôm nay, tuy [nhiên], sự hành phạt ấy chưa phải chấm dứt được, vì tội lỗi không thể chấm dứt ngoài luật Thiên điều. Tuy đã biết ăn năn nhưng cũng chưa thật thà cho lắm. Mà có thành thật mới tạo cho con người hướng đạo [tu] giải thoát có một đức tin mạnh mẽ, một giác ngộ căn bản. Nên còn hành phạt nhiều thì đường tu mới tiến bộ, Giáo Hội mới thành hình, người Thiên ân mới trở nên quyền pháp. Nhưng càng hành phạt lắm, thì cửa Đạo không còn được mấy người, mà kẻ thiếu căn cũng không mong hưởng cơ tận độ, nên Thầy cũng tùy duyên, tùy sức chịu đựng mà ban ơn mở đường cứu chuộc.

Hôm nay khắp trong Hội Thánh bị một kỳ sát hạch ⁽¹⁸⁾ bởi cơ tiền định. Mà Thầy cũng muốn trừ dẹp cái lòng nũng nịu, chả chót ⁽¹⁹⁾ để biết lo biết sợ, hầu xứng đáng làm môn đệ của Người, làm hướng đạo cho nhơn sinh. Thì ngay bây giờ các hiền đồ cũng nên mau mau sám hối, tự khắc phục lấy bản thân để được hồng ân, đưa bước đời qua hồi hỗn độn.

Ngày mai đây Thầy sẽ dẫn các chuông chiên ⁽²⁰⁾ lẻ tẻ về một, trao cho các hiền đồ còi, gậy ⁽²¹⁾ hầu được trông nom.

⁽¹⁷⁾ **quê xưa** (cổ quận 故郡 / *former homeland in heaven*): Quê cũ trên trời, trước khi xuống trần làm người.

⁽¹⁸⁾ **sát hạch** 察核 (*investigating*): Kiểm tra, xem xét.

⁽¹⁹⁾ **chả chót** (fig., childish): Đả đót; (trẻ con) nói ngọng nghịu, chưa sỏi; nghĩa bóng là như trẻ con.

⁽²⁰⁾ **chiên** (cao dương 羔羊 / *lamb*; fig., *believer*): Cừu; nghĩa bóng là tín đồ. – **chuông chiên** (cao dương bằng xá 羔羊棚舍 / *lamb shed*; fig., *a parish*): Nơi nhốt giữ cừu; nghĩa bóng là một họ đạo.

⁽²¹⁾ **còi, gậy** (sáo tử dữ trượng 哨子與杖 / *whistle and crook*; fig., *the dharma power conferred to a dignitary to administer his*

Nhưng chiên được ngoan ngoãn, hiền lành; trái lại kẻ chăn chiên ⁽²²⁾ lại hung hăng, táo bạo. Chiên mỗi đàn đã giao cho người chăn giữ, nhưng giữa nhóm người chăn chiên lại giành nhau ở cùng bầy này qua bầy nọ, làm cho rối loạn trật tự. Điều ấy Thầy không bằng lòng. Giữa các người chưa đủ tư cách chịu lấy mạng Trời thì mong gì độ ai. Chẳng những không độ được người mà làm cho con cái của Thầy phải lần lữa xa cửa Đạo. Các hiền đồ nếu thấy được tội lỗi thì nên tự ăn năn chịu tất cả phần sám hối. Được sám hối rồi thì lo gì không thấy yếng sáng ⁽²³⁾ chân lý rọi đến.

Thầy lúc nào cũng thương yêu, mà tại các hiền muốn xa Thầy để gần tà quái. Bởi muốn đó mới có tà quái chung lộn trong nội bộ để gây nhiều vết thương đau đớn mà giữa nhau không muốn nhìn nhau. Các hiền đồ không nhìn nhau là việc dễ. Đến khi Thầy không nhìn các hiền đồ nữa thì dầu muốn trăm ngàn lần sám hối cũng vô hiệu lực.

Vậy nên thấy sứ mạng [mà] ân cần ⁽²⁴⁾ Sứ mạng có hai phần. Dù kẻ nghịch lại cùng sứ mạng cũng bởi sứ mạng. Tại sao kẻ nghịch lại cũng sứ mạng?

Vì sứ mạng cứu chuộc đã đến thế gian trao cho Thiên ân

parish): Người chăn cừu dùng còi để sai khiến chó canh giữ cừu (*sheepdogs*), dùng gậy để lừa cừu và đánh đuổi thú dữ (*predators*) tới bắt cừu; nghĩa bóng là quyền pháp trao cho một chức sắc cai quản họ đạo.

⁽²²⁾ **kẻ chăn chiên** (mục nhân 牧人 / *shepherd*; fig., *dignitary administering a parish*): Người chăn cừu; nghĩa bóng là chức sắc cai quản một họ đạo.

⁽²³⁾ **yếng sáng** 光 (*light*): Ánh sáng.

⁽²⁴⁾ **ân cần** 殷勤 (*solicitous and attentive*): Quan tâm, để tâm lo liệu.

lập pháp. Đến khi Thiên ân đã phá pháp thì sứ mạng Thầy lại trao cho kẻ nghịch đến phá hoại sứ mạng trước, hầu cứu chuộc danh nghĩa cho Đại Đạo, nên khi các hiền đồ đã hủy hoại pháp luật thì sẽ bị một cuộc hành phạt sau đó.

Giờ cũng còn đủ ngày giờ **lập lại pháp luật, nối lại thông công** ⁽²⁵⁾ các tỉnh. Trong nội bộ liên lý ⁽²⁶⁾ thì các phái Đạo sẽ được lành mạnh, mà sứ mạng trung hưng đã đổ nát thì mong gì có sự thống nhất ngày mai.

Cũng có nhiều hiền đồ trong Hội Thánh Truyền Giáo không tin được sứ mạng đã cho mình, vì nghĩ rằng một Hội Thánh sinh sau, người tu lại ít, hướng đạo còn non, đem so với các phái, các chi thì chưa đáng một giọt nước làm tươi rừng bách thọ.⁽²⁷⁾ Ôi! Một giọt nước có thể nhỏ vào một ao nước kia, nó làm loãng được không phải chơi đâu, cũng như các chất hóa học. Để phân tách qua một quan niệm hẹp chặt như vậy là nguyên nhân thiếu đức tin, tự trút phũ mình khỏi ơn cứu chuộc.

Một ngày tới đây thế giới nhơn loại sẽ tìm đến cái chơn lý Cao Đài. Cái chơn lý đó là vạn thù quy nhứt bốn,⁽²⁸⁾ bởi trong [lẽ] nhứt bốn tán vạn thù.⁽²⁹⁾ Nhưng nhứt bốn tán vạn thù là

⁽²⁵⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽²⁶⁾ **liên lý** 漢 (*faultless, unimpaired*): Khít khao, lành lặn, liên lạc, không sút mẻ, không bị hở.

⁽²⁷⁾ **rừng bách thọ** (*bách thụ chi lâm* 百樹之林 / *forest of high trees*): Rừng có cả trăm cây, rất nhiều cây; ý nói rừng già.

⁽²⁸⁾ **vạn thù quy nhứt bốn** 萬殊歸一本 (*all differences returning to one origin*): Muôn vàn khác biệt đều trở về một gốc.

⁽²⁹⁾ **nhứt bốn tán vạn thù** 一本散萬殊 (*one origin dispersing into*

chi? Có phải một mở của Đạo Trời? Một mở đó là nhứt âm tượng hình, nhứt nguyên biến dịch. Hễ có mở là có đóng. Hễ có tán tất có tụ. Nên một đóng của cơ vạn thù quy nhứt bốn là bảo hợp thái hòa,⁽³⁰⁾ dựng nền đạo pháp.

Vì các hiền đồ quá chênh chệ,⁽³¹⁾ để ngơ,⁽³²⁾ phạm hồng ân mà không được tiếp mười hai chương lý giải lẽ biến hóa của Đạo trời đất vạn vật. Đáng ra, tại tu xá này ⁽³³⁾ hôm nay đã hoàn thành một chương giải thoát, nhưng tại sao? Tại theo cựa pháp.

Cựa pháp là gì? Là luật phân phối. Luật phân phối là luật nhứt bốn tán vạn thù, thành [thử] không kết tụ được tinh ba ⁽³⁴⁾ của Tạo Hóa vạn vật. Tinh ba của vạn vật Tạo Hóa được kết tụ bởi ở sứ mạng. Mà sứ mạng Đạo Trời lần này cái chủ đích là vạn pháp đồng nhứt,⁽³⁵⁾ Tam Giáo đồng nguyên. Nên khi hạ lệnh thành lập Trung Hưng Bửu Tòa, Thầy đã đặt cho đó một cái tòa ngự để làm ngôi thượng tọa, kết tập kinh

all differences): Một gốc phân tán ra muôn vàn khác biệt.

⁽³⁰⁾ **bảo hợp thái hòa** 保合大和 (*preserving great harmony in union*): Giữ gìn cái hòa rất lớn trong sự hợp nhất. (Giảng theo James Legge, *Thoán Truyện* quẻ Càn.)

⁽³¹⁾ **chênh chệ**: Tạm hiểu là tự mãn, tự đắc. (*Chênh chệ, chểm chệ* diễn tả dáng ngồi bệ vệ.)

⁽³²⁾ **để ngơ** (*khinh thị* 輕視 / *disrespecting*): Coi thường, không nể, không sợ.

⁽³³⁾ **tu xá này**: Nhà tu nữ Phước Huệ Đàn (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), tại Tam Kỳ, Quảng Nam.

⁽³⁴⁾ **tinh ba** (*tinh hoa* 精華 / *essence*): Phần tinh túy, tốt đẹp nhất.

⁽³⁵⁾ **vạn pháp đồng nhứt** 萬法同一 (*all dharma is the same or identical*): Tất cả các pháp đều như nhau, không khác.

vẫn đem dung hợp các thời cữ ước (Thích, Nho, Gia, Lão), đặt theo nguyên tắc tứ phân làm Tứ Tượng để xây thành Bát Quái, quy định tân, cữ ước ⁽³⁶⁾ đồng cơ. Thế mà rất tiếc thay! Đến nay cái gì cũng lỗ dờ!⁽³⁷⁾ Bởi vậy tục ngữ nói: “Liệu bề đất dặng thì đan;⁽³⁸⁾ gầy ra ⁽³⁹⁾ mà bỏ, thể gian chê cười.” Bỏ thì mất tre, tổn công, mà lẽ nào lại bỏ? Nếu mà đất không dặng thì mượn người đất cho. Thầy cũng định vậy, sẽ mượn các chi phái làm tứ vi,⁽⁴⁰⁾ nhưng mở cơ tiến hành thì giữa nội bộ của Hội Thánh lại bị khảo đảo.

Bây giờ có làm không? Muốn làm phải tu. Tu là nguyên nhân của phần lập trụ. Vậy các hiền nên cố làm. Làm phải có lòng bao dung,⁽⁴¹⁾ có tình Bồ Tát.⁽⁴²⁾ Có lòng bao dung mới có

⁽³⁶⁾ **tân ước** 新約 (*new covenant*): Giao ước thời Tam Kỳ Phổ Độ. –

cữ ước 舊約 (*old covenant*): Giao ước thời Nhất và Nhị Kỳ Phổ Độ.

⁽³⁷⁾ **lỗ dờ** (*missing*): Lỗ làng, không còn cơ hội thuận lợi, đánh mất thời kỳ phù hợp.

⁽³⁸⁾ **đan đất** (*weaving thin strips of bamboo*): Luồn qua luồn lại những nan tre mỏng để kết thành đồ dùng như rổ rá, thúng mủng, v.v... (Người miền Nam nói *đươn* thay vì *đan*.)

⁽³⁹⁾ **gầy ra** (*displaying, arranging*): Bày ra, sắp đặt. Thí dụ: *gầy nan đan đất*: Sắp đặt nan tre để đan thành đồ dùng. – *gầy ví*: Sắp đặt nan tre để đan thành tấm ví.

⁽⁴⁰⁾ **tứ vi** 四圍 (*four sides; fig., encircling, surrounding*): Bốn bên; ý nói bao bọc xung quanh (để che chở, như thể làm phen dậu).

⁽⁴¹⁾ **bao dung** 包容 (*inclusive, forgiving; tolerant*): Gồm chứa (dung nạp) hết thấy, khoan dung tha thứ; sẵn lòng chấp nhận sự hiện hữu của các ý kiến, đức tin, v.v... mặc dù mình không cần phải đồng tình.

⁽⁴²⁾ **tình Bồ Tát** (*Bồ Tát chi tình 菩薩之情 / Bodhisattva's love*): Lòng Bồ Tát thương xót và sẵn sàng cứu vớt tất cả chúng sanh.

chỗ chứa đựng thiên hạ. Có tình Bồ Tát mới không cầu toàn trách bị, ⁽⁴³⁾ thương ghét rẽ riêng.

Vậy phải tha thứ cho kẻ lầm lỗi, vì lầm lỗi không phải là tội. Tại sao? Vô ý làm lỗi là không cố tâm gây ác làm tội. Mà dầu ai có cố tâm gây ác cũng tha thứ khi nó biết cải tà quy chánh,⁽⁴⁴⁾ tự khắc chế bản thân, coi người nào cũng là người bạn đồng chí.⁽⁴⁵⁾ Tại sao nghịch chống nhau mà gọi là đồng chí? Đồng chí chỗ ưu ái ⁽⁴⁶⁾ xây dựng Đạo. Không đồng chí tại nghe, ngó và trình độ giác ngộ khác nhau. Nên tất cả các hiền phải nghĩ là bạn tốt. Nếu mỗi bên đều nghĩ người kia là kẻ nghịch thì thế nào cũng đi đến nghịch hằn.

(...)

Thôi, Bần Đạo ban ơn và nguyện diu dất. Bần Đạo chào.

⁽⁴³⁾ **cầu toàn trách bị** 求全責備 (*demanding perfection*): Đòi hỏi phải được hoàn toàn.

⁽⁴⁴⁾ **cải tà quy chánh** 改邪歸正 (*turning over a new leaf*): Bỏ sai trái mà trở lại đường ngay nẻo phải.

⁽⁴⁵⁾ **đồng chí** 同志 (*of the same aspiration or ideal*): Cùng chí hướng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung.

⁽⁴⁶⁾ **ưu ái** 憂愛 (*loving and concerning oneself with*): yêu mến và lo lắng cho.

HUỆ KHẢI chú thích
LÊ ANH MINH hiệu đính

THÁNH THI TẶNG GIÁO SINH

Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 19-11 Kỷ Hợi (Thứ Sáu 18-12-1959)

THI

*Dòm lại cuộc đời luống khổ tâm
Lợi danh tài sắc kéo đi lằm⁽¹⁾
Cậy ai giác ngộ dịu sanh chúng
Dựng Đạo lần Ba phải tận tâm.*

Bản Thánh NGUYỄN CHƠN KHAI chào Hội Thánh và chư đạo hữu.

Giờ này Bản Thánh vâng lệnh Đức Giáo Tông đến cùng anh em giáo sinh⁽²⁾ để lời nhắc nhở đường tu, gắng công kịp bước cùng chư Thánh đã qua, làm gương cho chư Thánh sắp tới. Đã nói là làm gương cho chư Thánh sắp tới, lẽ tất nhiên đã mặc nhận⁽³⁾ anh em là chư Thánh hiện tiền, mà phải làm được Thánh sinh mới đủ tư cách hóa dân⁽⁴⁾ cứu chúng.

(...)

(1) **kéo đi lằm** (*pulling sb away from the right path*): Lôi kéo vào chỗ lằm đường lạc lối.

(2) **giáo sinh**: Học viên khóa giáo sĩ.

(3) **mặc nhận** (*mặc nhiên thừa nhận 默然承認 / implicitly acknowledging*): Ngầm nhìn nhận, ngầm chấp nhận.

(4) **hóa dân** 化民 (*transforming the people*): Dạy dỗ cho dân chúng từ xấu thành tốt.



Đức Thánh Chơn Khai
Nguyễn Quang Châu (1912-1955)

Đây Bản Thánh xin tặng cho anh em giáo sinh hiện diện một bài liên phong để suy nghĩ.

THI

*Nền Đạo chính nghiêng phải thế nào
Anh em giáo sĩ liệu làm sao
Danh Thầy không lẽ cho mờ tối?
Ta phải đồng tâm⁽⁵⁾ tiến thủ⁽⁶⁾ nào!*

*Nào ai vì Đạo hy sinh
Vì đời mà được quên mình cứu dân?
Nhìn quanh hàng ngũ xa gần
Kẻ xuôi người ngược muôn phần đau không?*

(5) **đồng tâm** 同心 (*being of one mind*): Một lòng một dạ.

(6) **tiến thủ** 進取 (*moving forward to grasp the success*): Tiến lên để nắm lấy thành công.

Không biết thì thôi biết thế nào
Thế nào ngơ mặt ⁽⁷⁾ bỏ qua sao?
Tiền phong hướng đạo ⁽⁸⁾ toan ⁽⁹⁾ xây dựng
Sự nghiệp trung hưng mới được trao.

Trao cho sứ mệnh canh tân ⁽¹⁰⁾
Anh em giáo sĩ lãnh phần đảm đương
Ngày mai Đạo khắp mười phương
Ngày nay rửa bước lên đường phổ thông.

Thông rồi nên gắng dạ hy sinh
Đặt nặng lòng tu dựng thánh hình
Hình thức thế gian vậy ⁽¹¹⁾ đã đủ
Đủ rồi chớ quá nặng gia đình.

Đình danh đình lợi ⁽¹²⁾ từ đây
Gắng công giúp Đạo, tin Thầy mà tu
Công trình, công quả, công phu
Đắt người ra khỏi bốn tù ⁽¹³⁾ trầm luân.

Luân chuyển Đạo Trời ai biết đâu
Trong cơn khảo thí quá linh mầu
Kẻ còn cũng phải đôi phần yếu
Người mất lạ gì, tại tách nhau.

Tách nhau tình đạo chưa thông
Lẽ nào kẻ Bắc người Đông chẳng buồn
Làm sao đâu đó chảy xuôi
Pháp quyền sáng tỏ theo khuôn Đạo nhà.

Đạo nhà đâu đó được vững vàng
Đại đồng sơ bộ gắng lo toan
Họ ⁽¹⁴⁾ nào xã ⁽¹⁵⁾ nấy tình thương hiện
Lẽ thật sống còn được vẻ vang.

Vang lên chư đệ nhà ta
Đuổi xua tà quái đang xa đạo tràng ⁽¹⁶⁾
Làm cho liên đới ⁽¹⁷⁾ tương quan ⁽¹⁸⁾
Làm cho quyền Đạo huy hoàng từ đây.

(...)

Thôi, xin chào quý hiền Thiên ân. Chào quý đệ.

⁽⁷⁾ **ngơ mặt** 漢 (*ignoring*): Làm ngơ, không để ý tới.

⁽⁸⁾ **tiền phong hướng đạo** (前鋒向導 / *the vanguard of Caodai leading teams*): Lớp người đi đầu hướng dẫn đồng đạo.

⁽⁹⁾ **toan** (*intending to do sth*): Định làm gì.

⁽¹⁰⁾ **canh tân** 更新 (*renovating*): Đổi mới.

⁽¹¹⁾ **vậy** (*like this*): Như vậy, như thế này.

⁽¹²⁾ **đình danh đình lợi** (đình danh dử lợi 停名與利 / *stopping pursuing fame and profit*): Ngừng chạy theo danh lợi.

⁽¹³⁾ **bốn tù** (tứ đồ 四堵; tứ đồ tường 四堵牆 / *the four jail walls, i.e., alcohol, sex, money, and drugs*): Nói tắt bốn vách trần tù. Đồ và tường đều là vách tường. Thế gian có bốn thứ giam hãm con người trong ham muốn và nghiện ngập, khiến con người mất tự

do, giống như bị nhốt trong bốn vách nhà tù. Bốn tù là *tửu, sắc, tài, khí* 酒色財氣 (rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy).

⁽¹⁴⁾ **họ**: Họ đạo (*giáo khu* 教區 / *parish*).

⁽¹⁵⁾ **xã**: Xã đạo (*sub-parish*).

⁽¹⁶⁾ **đạo tràng** (trường) 道場 (*religious premises*): Nơi sinh hoạt tôn giáo (chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện...).

⁽¹⁷⁾ **liên đới** 連帶 (*being related*): Liên hệ, ràng buộc với nhau.

⁽¹⁸⁾ **tương quan** 相關 (*being interrelated*): Liên quan lẫn nhau.

Huệ Khải chú thích; **Lê Anh Minh** hiệu đính

XÂY DỰNG ĐẠI ĐỒNG XÃ

Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 13-12 Kỷ Hợi (Thứ Hai 11-01-1960)

THI

HƯNG vượng lần ba giải khổ đời
ĐẠO mầu gieo rải tận nơi nơi
TỔNG quy trăm họ ⁽¹⁾ chung về một
LÝ chánh đường chơn dẫn dắt người.

Bản Thánh chào chư liệt vị Thiên ân. Chào chư đạo tâm nam nữ.

BÀI

Muốn cho trăm họ thân hòa
Xa gần đều được chung nhà ấm no
Ai giác ngộ toan lo xây dựng
Ai anh minh ⁽²⁾ chận đứng tệ đời ⁽³⁾
Ai vâng chịu lấy mạng Trời
Tiền phong ⁽⁴⁾ xốc gánh, dẫn người lại quê.

⁽¹⁾ **trăm họ** (bá tánh 百姓 / all citizens): Muôn dân, mọi người, dân chúng.

⁽²⁾ **anh minh** 英明 (brilliant, wise): Khôn ngoan, sáng suốt.

⁽³⁾ **tệ** 弊 (harm, detriment): Điều xấu, có hại. – **tệ đời** (harm or detriment in the world): Những điều xấu, có hại trong cuộc đời.

⁽⁴⁾ **tiền phong** 前鋒 (vanguard): Người đi đầu trong một lãnh vực hoạt động.

Đời là chỗ sông mê bể khổ
Người quần quanh trong chỗ tối tăm
Làm sao khỏi phải mê lầm
Biết lầm sớm tỉnh mà tâm lý chơn.

Kỳ tận độ được ơn giáo hóa
Buổi hạ nguơn đại xá cho đời
Bốn phương chung hưởng ơn Trời
Sống chung hạnh phúc, chết thời đăng Tiên.⁽⁵⁾

Muốn ai cũng về miền cực lạc
Ai cũng thành Bồ Tát gặng tu
Giải nàn nhờ sức công phu ⁽⁶⁾
Lập thân hành đạo, bốn tù ⁽⁷⁾ dưng vương.

Công phu tạo con đường giải thoát
Giải thoát rồi thuyền bát nhẹ khơi ⁽⁸⁾
Nhẹ không, lòng chẳng nhuộm đời
Đời người thanh sạch, thanh thoi thanh nhàn.

⁽⁵⁾ **đăng Tiên** 登仙 (ascending to the Immortal world; becoming immortal): Lên cõi Tiên, thành Tiên.

⁽⁶⁾ **công phu** 功夫 (practising inner self-cultivation; practising meditation): Ngồi thiền, tu tịnh, tịnh luyện.

⁽⁷⁾ **bốn tù** (tứ đồ 四堵; tứ đồ tường 四堵牆 / the four jail walls, i.e., alcohol, sex, money, and drugs): Nói tắt thành ngữ bốn vách trần tù. Đồ và tường đều là vách tường. Thế gian có bốn thứ giam hãm con người trong ham muốn và nghiện ngập, khiến con người mất tự do, giống như bị nhốt trong bốn vách nhà tù. Bốn tù (tứ đồ tường) là *tửu*, *sắc*, *tài*, *khí* 酒色財氣 (rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy).

⁽⁸⁾ **thuyền bát nhẹ khơi** (the prajna boat smoothly sailing to the open sea): Thuyền bát nhã nhẹ nhàng ra khơi.

Muốn đời được vinh quang hạnh phúc
Muốn thoát ngoài bể dục⁽⁹⁾ ao sâu
Thì là tỉnh ngộ mau mau
Lập công bồi đức, khổ đau đâu còn.

Trong khu Thánh Vệ⁽¹⁰⁾ đều là người háo đức lạc thiện,⁽¹¹⁾ ngày tháng vui với đạo màu, sẵn sàng đem thân phục vụ cho chơn lý, cho chính nghĩa. Lòng người trong khu an lạc địa không cầu danh cạnh lợi,⁽¹²⁾ san đều mức sống, hòa nhịp cùng thiên nhiên, chung một khối thương yêu, lấy sự tu thân làm gốc.

Tu thân để tề gia,⁽¹³⁾ cầu lấy đầm ấm, thảo thuận làm hạnh phúc cho gia đình. Cha mẹ là mẫu mực của con cháu. Anh chị là phép tắc của đàn em. Chồng đĩnh chính,⁽¹⁴⁾ vợ thuận hòa. Dưới biết kính trên, trên để lòng lo cho kẻ dưới. Sống một cuộc đời tươi đẹp, không một chút sóng gió gợn lên. Gia đình được hòa thuận ấm no. Trong nhà, ngoài vườn sạch sẽ, ngăn nắp. Nghèo cũng thanh cao, giàu không bẩn thỉu.

⁽⁹⁾ **bể dục** (dục hải 欲海 / sea of desires): Ý nói ham muốn nhiều như biển cả.

⁽¹⁰⁾ **Thánh Vệ**: Trong lúc chiến tranh ác liệt vào giữa thế kỷ 20, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài chọn các gia đình đạo hữu sống tại Đà Nẵng lập thành một đoàn thể gọi là Thánh Vệ để bảo vệ Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng.

⁽¹¹⁾ **háo (hiếu) đức lạc thiện** 好德樂善 (being fond of virtue and happy with goodness): Ưa thích đạo đức và vui với việc lành.

⁽¹²⁾ **cầu danh cạnh lợi** 漢 (seeking fame and striving for wealth): Cầu cạnh danh lợi (bằng cách xin xỏ, quỵ lụy người quyền thế).

⁽¹³⁾ **tề gia** 齊家 (managing one's family): Quản lý gia đình.

⁽¹⁴⁾ **đĩnh chính** 訂正 (righteous, rightful): Đúng đắn, đàng hoàng.

Tề được nhà mình, còn phải góp phần xây dựng nhà bạn, nhà trong láng giềng, lân lý⁽¹⁵⁾ gần xa. Láng giềng, lân hữu⁽¹⁶⁾ được đồng hóa⁽¹⁷⁾ theo con đường tu thân tề gia, thì việc trị quốc, bình thiên hạ cũng chẳng khó gì. Nếu thân chưa tu, nhà chưa tề thì có nước cũng không giữ được, có thiên hạ trong tay cũng khó thể bình.

Vì vậy Đại Đồng Xã⁽¹⁸⁾ cần làm sao, bất cứ nữ hay nam, già

⁽¹⁵⁾ **lân lý** 鄰里 (neighbour): Bạn hàng xóm, bạn láng giềng.

⁽¹⁶⁾ **lân hữu** 鄰友 (neighbour): Bạn hàng xóm, bạn láng giềng.

⁽¹⁷⁾ **đồng hóa** 同化 (assimilating): Làm cho giống nhau.

⁽¹⁸⁾ **Đại Đồng Xã** 大同社 (society of great harmony): Trong lúc chiến tranh ác liệt vào giữa thế kỷ 20, bốn đạo chạy loạn đổ xô về Đà Nẵng rất đông. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tập hợp tín hữu tản cư lại và tổ chức thành Đại Đồng Xã để chăm sóc đời sống và hướng dẫn tâm linh. Khi chiến tranh lắng dịu, tín hữu trở về quê cũ, Đại Đồng Xã vì thế không còn nữa. Vị trí của Đại Đồng Xã sau này trở thành thánh thất Trung Đồng, tại số 170 đường Trường Chinh (quốc lộ 1), quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.



Thánh thất Trung Đồng (quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng)

nua hay trẻ nhỏ, đều uốn nắn con người theo một khuôn phép đạo đức, cách ăn thói ở đều được tốt lành. Lòng mỗi người đều có sẵn một đức tin, một lòng hồi hướng về Thượng Đế. Người người biết tuân nghe quyền pháp, hành động không vượt ngoài khuôn viên đạo đức làm người. Đói cho sạch, rách cho thơm. Tư cách ấy khả dĩ tượng trưng cho một người dân trong thánh địa.

Trong xã có chia nhiều đoàn đội để tập thể sống bằng học hỏi, bằng sinh hoạt, bằng cộng sự, thực hành xây dựng nền tảng. Có trường trại giảng dạy, có đất đai trồng trọt, làm các vườn hoa thảo, yên dưỡng cho tráng lão, cho ấu nhi, cô nhi. Có nhà tu, dưỡng lão viên, giải thoát viên, an lạc viên, thanh tịnh viên, bảo tích viên, v.v... Trong lúc đó còn tổ chức đời sống công thương kỹ nghệ tập đoàn, hoặc văn nghệ thể thao. Nếu đầy đủ thì còn nhiều, nhiều lắm trong các công việc xây dựng Đại Đồng Xã.

Bây giờ đây đất đai chật hẹp, người ở cách bức xa xôi, chung trộn trong nhiều dòng tư tưởng, nhiều hạng nhơn dân. Muốn đi đến một xã thành hình phải nhiều công phu,⁽¹⁹⁾ phải cả một sự cố gắng và phần đông giác ngộ. Mà ở trong cảnh địa như hoàn cảnh thành đạo ⁽²⁰⁾ nơi này, một đô thành náo nhiệt, người người đương cạnh tranh miếnց mỗi danh lợi vật chất. Ai ai cũng toan sống để ăn để mặc, để chơi cho mê ly đắm đuối, nghiêng ngả đủ đầy; sống không nghĩ ngày mai;

⁽¹⁹⁾ **công phu** 功夫: Khó khăn, vất vả, tốn nhiều thời gian mới xong việc. Cùng nghĩa *công trình*.

⁽²⁰⁾ **thành đạo**: Đơn vị hành chánh của đạo bao gồm các tín đồ trong cùng thành phố. (Ở xã gọi là xã đạo, ở quận là quận đạo, ở tỉnh là tỉnh đạo.)

sống không tương liên, không dính líu gì với vận mệnh chung về nhà hay về đời.

Toàn bộ đạo hữu ta được nứt nở, hiện hình một tổ chức, có đoàn thể bảo trợ, có quyền pháp xây dựng, có tổ chức điều khiển an bài, có Thiên ân giáo hóa dẫn đạo, có toàn đạo cộng sự chung, có thiện gia ⁽²¹⁾ lành mạnh gương mẫu, có hương tộc đóng góp sự sống tình thương giữa nhau. Ai cũng tượng trưng một đời đạo đức, một người đạo đức. Đời sống sanh đau già chết là bốn cảnh khổ, mà khổ ấy toàn đạo đều xúm nhau san sát lẫn nhau.

Việc cưới gả, việc quy liễu là tình đồng đạo. Ai cũng chú ý dựng nên một đời có vợ chồng, rồi có con có cháu. Vợ chồng là hiệp nhau mà làm xong cái sứ mạng xây đắp gia đình, đúc nắn một lớp người tương lai. Dòng giống đó được truyền thụ một tinh thần minh lãng,⁽²²⁾ một dòng máu ấm áp nhiệt thành, một khuôn phép truyền thống nghìn đời cho con.

Vợ chồng nào phải gặp nhau để thỏa mãn tình dục, mà cả một ái tình thiêng liêng bất diệt. Nên trước khi gả con lấy chồng, hay nói vợ ⁽²³⁾ cho con là phải được một sự dẫn dắt, một sự uốn nắn rèn tập ở khuôn viên gia đình, ở tinh thần của mẹ cha tiêm xạ vào lòng con, ở sự giáo hóa nhà trường, ở các giảng đường dạy đạo. Vì muốn có một nòi giống tốt đẹp tương lai, có những gia đình kiểu mẫu của xã hội là phải bắt

⁽²¹⁾ **thiện gia** 善家 (*good family*): Tín đồ còn được Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài gọi là **thiện dân** 善民 (*good citizen*). Gia đình của thiện dân gọi là **thiện gia**.

⁽²²⁾ **minh lãng** 明朗 (*bright and cheerful*): Trong sáng và hân hoan.

⁽²³⁾ **nói vợ**: Hối vợ.

đầu xây dựng, xây dựng đứa con còn trong bụng mẹ. Người mẹ lúc nào cũng tươi tỉnh sáng suốt, đi đứng ngồi nằm được phân minh đúng chính. Không nghe điều dữ, không nói chuyện nhảm, không nghĩ điều quấy, không thấy tuồng khiêu khích vô nghĩa.⁽²⁴⁾ Lòng mỗi lúc đều nghĩ đến đứa con sau này, đứa con của quyền năng. Phải hết lòng tu dưỡng trong hồi thai nghén. Khi sinh ra, lúc lớn lên, cha mẹ phải bỏ nhiều công phu, gởi gắm bao nhiêu danh phận sự nghiệp cho con sau này. Đứa trẻ lớn lên, trai cho học gì, gái cho học gì, [là] cả một chương trình xây dựng Đại Đồng Xã.

Việc cải tạo nhà cửa cũng phải công trình⁽²⁵⁾ lắm lắm. Dầu sang giàu hay nghèo khổ, điều ấy không buộc làm y nhau, mà buộc mọi người phải có một ý thức dựng lên gia đình.

Về phần thiêng liêng, đối với tổ phụ phải làm sao hằng ngày để hết bốn phận của con cháu. Con cháu thờ phụng tiên linh⁽²⁶⁾ không phải chỉ biết ngày xuân thu kỳ lạp,⁽²⁷⁾ hương lửa giữ gìn, mà còn có bốn phận làm cho giống cây gia tộc nảy nở hoa đẹp trái lành, làm cho dòng máu gia tộc được nồng hậu anh minh. Nếu ông bà ngày xưa có những gương tốt nên soi, công nghiệp hậu, ta nên mở mang giữ gìn; bằng⁽²⁸⁾ [ông bà] chưa danh gì với núi sông, [chưa] ơn gì với

⁽²⁴⁾ **vô nghĩa** (vô nghĩa 無義 / immoral): Không có lẽ nghĩa.

⁽²⁵⁾ **công trình** 工程: Khó khăn, vất vả, tốn nhiều thời gian mới xong việc. Cùng nghĩa *công phu*.

⁽²⁶⁾ **tiên linh** 先靈 (*ancestors' spirits*): Linh hồn tổ tiên.

⁽²⁷⁾ **kỳ lạp** 忌臘 (*observing an ancestor's death anniversary*): Cúng giỗ, giỗ quải.

⁽²⁸⁾ **bằng** (if): Nếu như.

con cháu thì cũng [là] một hạt giống đã thành cây, ta có bốn phận bón xới, trông nom cho nhánh được nở, cành được tươi, lấy sức làm cho cây gia tộc được đứng ngang hàng cùng các vườn bách thảo khác, làm cho con cháu nhận định được một sứ mạng của mình, thực hiện xong chương trình mà ông cha làm còn lỡ dở. Muốn vậy, đời mình đã nửa đời, trăm năm nào chắc, [chỉ] còn mong mỗi bầy con lũ cháu sau này đi theo con đường của tổ tiên, làm cho tổ tiên đẹp lòng, muôn người trông cậy.

Về tinh thần, còn tế nhị ở chỗ dính líu làm một giữa nòi giống với Thượng Đế quyền năng.

Về hình thức, ý niệm tiền của, nhà cửa, ruộng vườn, ăn mặc và tiêu pha, [là] cả một vấn đề quan trọng, nên thông hiểu được phần đó. Nó tác hại thế nào cho tinh thần ý chí toàn bộ hay nó trợ trưỡng thúc đẩy cho tinh thần được nhiều sự ích lợi. Có để làm gì? Có phải sử dụng làm sao? Lòng mình phải nghĩ đến cái thừa, biết đến cái thiếu, hầu xây dựng một lập trường lý tưởng trong gia đình.

Về trật tự, vệ sinh, giao tế, hành động, lại cũng [là] một vấn đề cần được học. Nên **xây dựng Đại Đồng Xã**⁽²⁹⁾ phải đề cập đến bao nhiêu việc, mà việc trước nhất là làm người có tu thân tề gia.

(...)

Thôi, Bản Thánh để lời khuyên và ban lãnh cho toàn đạo.

⁽²⁹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

Huệ Khải chú thích; **Lê Anh Minh** hiệu đính

HIỆP TÂM CẦU NGUYỆN



THƯA SỨ NGUYỄN THANH GIANG
(1923-2019)

Đạo trưởng Nguyễn Thanh Giang sinh ngày 15-01 Quý Hợi (Thứ Sáu 02-3-1923) tại làng Thăng Trường, tổng Châu Đức, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Bình Phú, huyện Thăng Bình).

Năm Đinh Sửu (1937), đạo trưởng tu Minh Sư.

Năm Mậu Dần (1938), đạo trưởng quy hiệp Cao Đài.

Năm Bính Tý (1996), Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tổ chức Đại Hội Nhân Sinh lần thứ nhất tại Trung Hưng Bửu Tòa (63 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Đạo trưởng được Đại Hội công cử làm Chương Quản chi Pháp, đứng đầu Tòa Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh.

Ngày 25-8 Kỷ Mão (Thứ Hai 04-10-1999), Hội Thánh cầu phong đạo trưởng lên phẩm Thừa Sứ.

Năm Tân Tỵ (2001), Đại Hội Nhân Sinh lần thứ hai công cử đạo trưởng Thừa Sứ làm Phó Chủ Tịch Hội Đồng Hội Thánh.

Ngày 25-4 Kỷ Hợi (Thứ Tư 29-5-2019), đạo trưởng Thừa Sứ đương nhiệm Phó Ban Thường Trực Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Chủ Quản Tòa Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài, quy thiên tại Trung Hưng Bửu Tòa.

Trong ba ngày 26, 27 và 28-4 Kỷ Hợi (30, 31-5 và 01-6-2019), Hội Thánh trang trọng tổ chức tang lễ đạo trưởng Thừa Sứ tại Trung Hưng Bửu Tòa.

Ngày 29-4 Kỷ Hợi (Chủ Nhật 02-6-2019), Hội Thánh đưa di hài đạo trưởng về an táng tại Thánh Lâm Phước Địa (thôn Đại La, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng).

Hiệp tâm cùng quý Thiên ân chúc sắc, chức việc, môn sanh Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và gia đình đạo trưởng, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo chúng con kính thành cầu nguyện Đức Chí Tôn ban hồng ân đến Thừa Sứ Nguyễn Thanh Giang là bậc hướng đạo chân tu và là người con thương yêu của Đại Từ Phụ.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

NÉN HƯƠNG LÒNG

Nhiều năm qua, quý đạo hữu hâm mộ Kinh Dịch, quan tâm học hỏi kỳ thư này, hẳn đều biết tới bộ sách ba quyển *Dịch Kinh Đại Toàn* của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) soạn chung với Huyền Linh Yến Lê, xuất bản tại Hoa Kỳ.

Huyền Linh Yến Lê tức là Lê Thị Yến – người bạn đời và bạn văn của nhà đạo học Nhân Tử (bác sĩ Nguyễn Văn Thọ).

Cụ Huyền Linh sinh ngày 29-5-1934 tại Hà Nội, và quy thiên ngày 21-6-2019 vì bệnh tim tại thành phố Woodinville, King County, bang Washington, Hoa Kỳ.

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo kính thành thắp nén hương lòng vọng bái giác linh cụ Huyền Linh Lê Thị Yến và cầu nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ và Đức Phật Mẫu Diêu Trì ban hồng ân cho giác linh Lê Thị Yến nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Chúng tôi xin kính thành chia buồn cùng anh chị Nguyễn Quốc Bình.

BAN ẤN TỔNG



HUYỀN LINH LÊ THỊ YẾN
(1934-2019)

VĨNH LY XIN KÍNH ĐÔI LỜI

Năm ngoái, với bài viết *Mấy Ý Kiến Về Bộ Sách Giáo Khoa Môn Văn Của Nhóm Cánh Buồm* của học giả Trần Văn Chánh, Đạo Uyển Đông 2018 (tập 28, tr. 57-68) đã có dịp giới thiệu nhà trí thức lỗi lạc, đáng kính Phạm Toàn với quý bạn đọc Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Sau đó, Ban Ấn Tổng gọi điện thoại ra Hà Nội và được bác giáo Phạm Toàn nhiệt tình cho phép Đạo

Uyển trích đăng lại các bài đã in trong bộ sách giáo khoa độc đáo của Nhóm Cánh Buồm. Buổi sơ giao, vậy mà cách bậc lão trượng nói chuyện, giọng nói của bác khiến chúng tôi cảm thấy rất gần gũi, tưởng như cố tri từ thuở.

Đầu năm nay, Đạo Uyển Xuân 2019 (tập 29) khởi đầu in lại hai bài rất hay trong sách giáo khoa của Nhóm Cánh Buồm: *Tranh Tết, Một Vốn Cổ Quý Báu* của Anh Ngọc (tr. 83-93) và *Vì Sao Người Ta Làm Ra Tác Phẩm Nghệ Thuật* của Phạm Toàn (tr. 103-114). Sách in xong, Ban Ấn Tổng gửi ngay một gói ra Hà Nội, để cảm ơn bác giáo và kính nhờ bác



PHẠM TOÀN (1932-2019)

chia sẻ sách với thành viên của Nhóm Cánh Buồm. Nhận được sách, bác gọi điện cảm ơn, vẫn với giọng nói ấm tình nồng nghĩa của con người tài hoa nặng lòng vì tương lai văn hóa, đạo đức dân tộc Hồng Lạc.

Đạo Uyển Thu 2019 (tập 31) đang chuẩn bị bản thảo. Ban Ấn Tống đã đưa vào nội dung sách này bài *Vì Sao Người Ta Làm Thơ?* rất công phu của Nguyễn Đức Tùng, thuộc Nhóm Cánh Buồm. Sách chưa in, chưa có dịp gởi ra kính biểu và cảm ơn bác giáo Phạm, thì ngày 26-6 được biết cánh chim đầu đàn của Nhóm Cánh Buồm đã bay thẳng về cõi trời.

Hành trạng rất phong phú của nhà trí thức chơn chánh Phạm Toàn (1932-2019) rồi sẽ được những bậc tài tuệ nhiều năm qua luôn sát cánh với lý tưởng, hoài bão xây dựng văn hóa, giáo dục của bác Phạm viết ra. Giờ đây, để cùng thấp nén tâm hương kính tiễn Người về chốn non Bồng nước Nhược, mời quý bạn đọc xem qua một ít dữ kiện về Phạm Toàn, nhìn ở góc độ một dịch giả và tác giả (chưa đầy đủ).

* Nhà văn **Châu Diên** (bút danh của Phạm Toàn) đã in:

1960: *Mái Nhà Ấm* (truyện ngắn, Nxb Văn Học).

1962: *Con Nhện Vàng* (truyện ngắn, Nxb Thanh Niên); *Sống Giữa Những Người Anh Hùng* (bút ký, Nxb Thanh Niên).

2004: *Người Sông Mê* (tiểu thuyết, Nxb Hội Nhà Văn – Nxb Thời Đại và Đông Tây tái bản, 2010).

2007: *Bảy Mươi Ba Chiếc Cối Đá* (truyện ngắn, Nxb Hội Nhà Văn).

2010: *Sấm Trên Núi* (truyện ngắn, Nxb Thời Đại và Đông Tây).

* Dịch giả **Châu Diên** đã in:

1982: *Chín Mươi Ba* (của Victor Hugo, Pháp, Nxb Văn Học – tái bản 1987); *Cô Chủ Quán* (của Carlo Goldoni, Ý, Nxb Văn Học).

1983: *Sự Tử* (của Joseph Kessel, Pháp, Nxb Văn Học).

1989: *Ruổi* (của Jean-Paul Sartre, Pháp, Nxb Văn Học).

1994: *Nhà Tiên Tri* (của Khalil Gibran, Mỹ gốc Lebanon, Nxb Hội Nhà Văn – Nxb Thời Đại tái bản, 2010).

1986: *Bay Đêm* (của Antoine de Saint-Exupéry, Nxb Văn Học).

2007: *Mặc Cảm Của Đ.* (của Đới Tư Kiệt 戴思傑 / Sijie Dai, Pháp gốc Hoa, Nxb Phụ Nữ).

2008: *Hoàng Tử Bé* (của Antoine de Saint-Exupéry, Pháp, Nxb Lao Động và Đông Tây).

2010: *Vào Một Đêm Không Trăng* (của Đới Tư Kiệt 戴思傑 / Sijie Dai, Pháp gốc Hoa, Nxb Phụ Nữ).

* Dịch giả **Phạm Toàn** đã in:

1997: *Cơ Cấu Trí Khôn* (của Howard Gardner, Mỹ, Nxb Giáo Dục).

2007: *Nền Dân Trị Mỹ* (của Alexis de Tocqueville, Pháp, Nxb Tri Thức – tái bản 2008).

* Soạn giả **Phạm Toàn** đã in:

2000: *Công Nghệ Dạy Văn* (Nxb Đại Học Quốc Gia – Nxb Tri Thức tái bản, 2007).

2008: *Hợp Lưu Các Dòng Tâm Lý Giáo Dục* (Nxb Tri Thức).

Bản thảo giáo khoa Cao Đài

Trong đạo Cao Đài hiện nay đang có nhu cầu biên soạn các bài giảng về kinh cúng, giáo lý căn bản, v.v... ngõ hầu triển khai trong các khóa học được tổ chức tại các Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh, học viện, v.v... Mục **BẢN THẢO GIÁO KHOA CAO ĐÀI** mở ra nhằm dần dần đáp ứng chút ít tài liệu tham khảo, ước mong góp phần bé mọn để quý đạo hữu giảng viên có thể nhẹ bớt phần nào “gánh nặng” trong muôn một.

Biển học vô bờ. Chúng tôi kính mong và tin tưởng quý đạo hữu luôn hoan hỷ lượng thứ mọi nhầm lẫn, thiếu sót nếu chúng tôi vướng phải, và sẽ vui lòng chỉ giáo để chúng tôi kịp thời sửa chữa chỗ sai lầm, bổ túc chỗ thiếu sót. Gợi mục này là “Bản thảo giáo khoa” cũng vì lẽ ấy. (H.Kh.)

BỐN BÀI DÂNG TAM BỬU BAN SƠ

I. KINH VĂN

BÀI DƯNG BÔNG

Hoa tươi năm sắc, sắc thiên nhiên
Đầu cúi xin dâng lễ kính thiêng
Cảm Đức Cao Đài lòng đoái tưởng
Từ bi cứu thế giáng đàn Tiên.

BÀI DƯNG BỒ ĐÀO

Bồ đào cam giá tửu Tây Phương
Bả trần cung trần mỹ vị hương
Đệ tử thành tâm kiên phụng hiến
Cao Đài hoan lạc kết trình tường.

BÀI DƯNG RƯỢU TRẮNG

Tửu vị hương hề tửu vị hương
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.

BÀI DƯNG TRÀ

Đồng độ thanh trà mỹ vị hương
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.

II. LỊCH SỬ

1. Tương truyền, các bài này do tiền khai Ngô Văn Chiêu (1878-1932) mượn của đàn Hiệp Minh ở Cái Khế (Cần Thơ).⁽¹⁾ Bởi có xuất xứ từ đàn Tiên ở Cái Khế,⁽²⁾ nên câu 4 *Bài Dưng Bông* là: *Từ bi cứu thế giáng đàn Tiên*. Đàn Tiên tức là đàn cầu cơ thỉnh Tiên (*Immortal-evoking seance*).

2. Khoảng hạ tuần tháng 01-1926 (trung tuần tháng 12 Ất Sửu), Đức Cao Đài dạy ba vị Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Cao Hoài Sang (1901-1971), Phạm Công Tắc (1890-1959) phải hiệp cùng tiền khai Ngô Văn Chiêu, và phải kính Ngô tiền khai là Anh Cả. Sau đó ba vị được Ngô tiền khai chỉ dẫn nghi thức thờ phượng, nhất là cách sắp đặt bàn thờ (Thiên bàn)

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo [Huệ Nhẫn soạn], *Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển I: Khai Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2005, tr. 452.

⁽²⁾ Xem: Huệ Khải, “Vài nét Về Đàn Tiên Hiệp Minh Ở Cái Khế”, *Đạo Uyển Xuân 2018*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 61-73.

có thánh tượng Thiên Nhân. Các bài dâng tam bửu vì thế đã được ba vị Cao-Phạm tiếp nhận từ Anh Cả Ngô Văn Chiêu.⁽³⁾

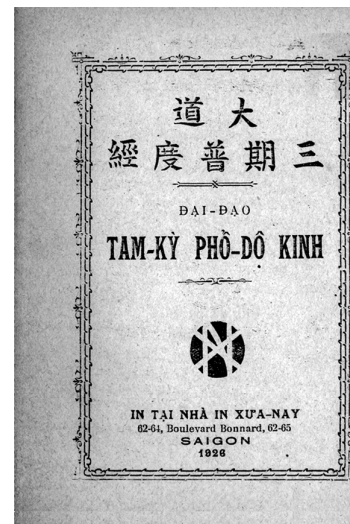
3. Năm 1926, tiền khai Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in Xưa Nay, 34 trang ruột và bìa, khổ 12x15,5cm). Trang 10 in ba bài *Dâng Bông, Dâng Trà, Dâng Rượu Trắng*. Trang 11 in bài *Dâng Rượu Lễ* (tức là *Bài Dưng Bỏ Đào*). Khi khảo dị, gọi đây là bản NNT 1926.

4. Năm 1927, tiền khai Hương Thanh (1874-1937) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in L'Union, 40 trang ruột và bìa, khổ 12x15cm). Trang 10 in bốn bài *Dâng Bông, Dâng Trà, Dâng Rượu Trắng, Dâng Rượu Lễ* (tức là *Bài Dưng Bỏ Đào*). Khi khảo dị, gọi đây là bản HT 1927.

5. Năm 1928, ông Võ Văn Tuấn 武文峻 ở Vĩnh Nguyên Tự in *Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh* (Chợ Lớn: nhà in My Khouan, 56 trang ruột, khổ 13,3x18,4cm). Trang 38-40 in *Bài Dưng Tiên Hoa, Bài Dưng Rượu Bỏ Đào, Bài Dưng Rượu Tiên, Bài Dưng Trà Tiên*. Khi khảo dị, gọi đây là bản VVT 1928.

6. Năm 1960, Chiêu Minh Tam Thanh – Vô vi bạch cân (áo khăn toàn trắng), tức Thánh Đức Tổ Đình Chiêu Minh Cần Thơ, ấn hành *Kinh Cúng Tứ Thời* của Chiêu Minh Tam Thanh – Vô vi bạch cân (áo khăn toàn trắng), in lần thứ nhất tại nhà in Nguyễn Văn Châu, số 159 Cô Giang, Sài Gòn (56 trang, 15,5x23cm), theo giấy phép số 56 của HĐKD, ngày 11-01-

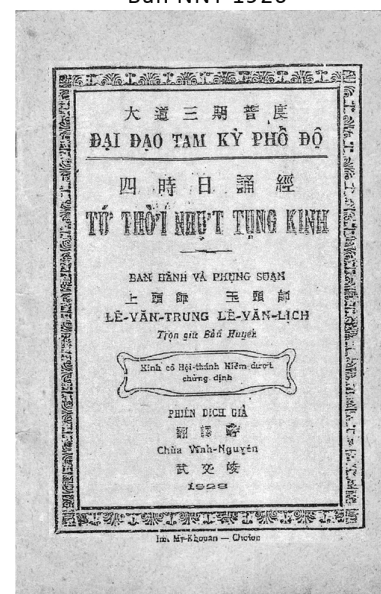
⁽³⁾ Huệ Khải, *Lược Sử Đạo Cao Đài – Thời Tiềm Ẩn 1920-1926 / A Concise Caodai History – The Earliest Beginnings 1920-1926*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, tr. 54.



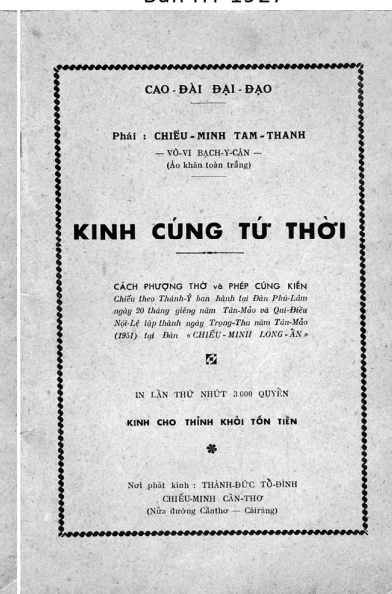
Bản NNT 1926



Bản HT 1927



Bản VVT 1928



Bản CM 1960

1960. Quyển này được Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo tái bản (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, 80 trang, 14,5x20,5cm) và sửa các lỗi chánh tả trong bản in 1960. Trong bản in 2011, bốn bài dâng tam bửu in ở trang 34-35. Khi khảo dị, gọi đây là bản CM 1960/2011.

Vì các bài dâng tam bửu được truyền từ Ngô tiền khai nên tôi dùng bản CM 1960/2011 làm bản trực (hay bản nền) khi khảo dị văn bản. (Lẽ ra phải dùng bản trực là bản có trước năm 1926.) Khi chú giải cũng dùng bản trực nói trên.

Tôi không dẫn lại đây các bản kinh cúng tứ thời của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo... , vì các dị bản xét ra cũng không ra ngoài ba bản NNT 1926, HT 1927, VVT 1928.

7. Năm 1929, với phẩm vị Tiếp Lễ Nhạc Quân tại Tòa Thánh Tây Ninh, tiền bối Cao Quỳnh Diêu (1884-1958) đã soạn và trình Hội Thánh ba bài dâng tam bửu khác để thay thế ba bài đã thọ nhận từ Ngô tiền khai.

Thứ Sáu 21-6-1929 (15-5 Kỷ Tỵ), Đức Chí Tôn giáng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh, chỉnh sửa ba bài dâng tam bửu do Tiếp Lễ Nhạc Quân soạn.

Thứ Hai 11-8-1930 (17-6 Canh Ngọ), Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh ban hành quyền *Nghi Tiết Đại Đàn Và Tiểu Đàn Tại Tòa Thánh Và Thánh Thất Các Nơi* (in tại Chơn Truyền Ấn Quán, thuộc Tòa Thánh Tây Ninh).⁽⁴⁾ Như vậy, kể từ tháng 8-1930 trở đi, Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đã chánh thức

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo [Huệ Nhẫn soạn], *Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển II: Truyền Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, tr. 176-177.

không dùng ba bài dâng tam bửu đã do các vị Cao-Phạm thọ nhận từ Anh Cả Ngô Văn Chiêu khi còn ở phố Hàng Dừa, Sài Gòn (1926).

Ở đây, tôi chỉ khảo sát bốn bài dâng tam bửu bản sơ, trực truyền từ Ngô tiền khai (1926), nên tạm thời chưa bàn tới ba bài dâng tam bửu do Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh chính thức ban hành từ tháng 8-1930.

III. KHẢO DỊ

1. Bài Dưng Bông

1.1. Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Bông*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Tiên Hoa*.

1.2. Câu 3, bản NNT 1926, HT 1927 in là *cám*. VVT 1928 in là *cám* nhưng chưa chữ Nho là 感 (đọc là *cảm*).

1.3. Câu 4, bản VVT 1928 in là *đàn tiền*. Đàn tiền 壇前 tức là trước bàn thờ (*before the altar*).

2. Bài Dưng Bỏ Đào

Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Rượu Lễ*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Rượu Bỏ Đào*.

3. Bài Dưng Rượu Trắng

3.1. Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Rượu Trắng*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Rượu Tiên*.

3.2. Câu 2, bản HT 1927, bản VVT 1928 in là *hồ tương*. Bản VVT 1928 chưa chữ Nho là 漿; chữ 漿 không thích đáng vì nó chỉ chất lỏng sền sệt hay hồ dán (*starch paste*).

Bản HT 1927 cho thấy khoảng từ năm 1927 trở đi đã có

cách đọc *Khẩu đầu cung hiến chước* hồ tương, thay cho cách đọc ban sơ là hồ trường.

4. Bài Dưng Trà

Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Trà*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Trà Tiên*.

IV. CHÚ GIẢI

1. Bài Dưng Bông

Câu 1: *Hoa tươi năm sắc, sắc thiên nhiên*

Năm sắc (ngũ sắc 五色 / five colours): Năm màu, gồm có: xanh, trắng, đỏ, đen, vàng (thanh 青, bạch 白, xích 赤, hắc 黑, hoàng hay huỳnh 黃 / blue or green, white, red, black, yellow).

Sắc thiên nhiên (tự nhiên chi sắc 自然之色 / natural colours): Màu tự nhiên, không phải màu do con người tạo ra.

Câu 2: *Đầu cúi xin dâng lễ kính thiêng*

Kính thiêng (kính thành 敬誠 / respect and sincerity): Cung kính và thành thật.

Câu 3: *Cảm Đức Cao Đài lòng đoái tưởng*

Cảm 感 (being grateful): Mang ơn, biết ơn.

Đoái tưởng (deigning to think of sb): Bề trên nghĩ đến kẻ dưới, cũng như hạ cố 下顧.

Câu 4: *Từ bi cứu thế giáng đàn Tiên*

Đàn Tiên (Tiên đàn 仙壇 / Immortal-evoking seance; God's altar): Đàn cầu Tiên, dùng cơ bút; Thiên bàn, nơi thờ Thượng

Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (*Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva*).

2. Bài Dưng Bồn Đào

Câu 1: *Bồn đào cam giá tửu Tây Phương*

Bồn đào 葡萄 (*grape*): Trái nho. – **Bồn đào tửu** 葡萄酒 (*wine*): Rượu nho.

Cam giá 甘蔗 (*sugar cane*): Cây mía. – **Cam giá tửu** 甘蔗酒 (*rum*): Rượu mía, rượu rum.

Tây phương 西方 (*the West, the Occident; Western countries*): Phương Tây; các nước Âu Mỹ.

Câu 1 ý nói: Rượu nho và rượu mía của phương Tây.

Câu 2: *Bỏ trần cung trần mỹ vị hương*

Bỏ 把 (*holding*): Cầm trên tay.

Trần 盞 (*small cup*): Cái chén nhỏ.

Cung trần 恭陳 (*respectfully arranging*): Cung kính sắp bày.

Mỹ 美 (*delicious*): Thơm ngon.

Vị hương 味香 (*flavour and fragrance*): Vị và mùi thơm.

Mỹ vị hương 美味香 (*delicious flavour and fragrance*): Mùi vị thơm ngon.

Câu 2 ý nói: Tay cầm chén rượu mùi vị thơm ngon cung kính sắp bày lễ dâng lên.

Câu 3: *Đệ tử thành tâm kiên phụng hiến*

Đệ tử 弟子 (*we the disciples*): Học trò, lời môn đệ Đức Cao Đài tự xưng.

Thành tâm 誠心 (*sincerity*): Lòng thành thật.

Kiên 虔 (*respectfully*): Tôn kính, kính cẩn.

Phụng hiến 奉獻 (*offering*): Dâng lên.

Câu 3 ý nói: Với lòng thành đệ tử kính cẩn dâng lên.

Câu 4: Cao Đài hoan lạc kết trình tường

Hoan lạc 歡樂 (*happy, glad*): Vui mừng.

Kiết (cát 吉 / *auspicious*): Tốt lành.

Trình tường 禎祥 (*auspicious*): Tốt lành.

3. Bài Dưng Rượu

Câu 1: Tửu vị hương hề tửu vị hương

Tửu vị 酒味 (*flavour of liquor*): Vị rượu.

Hương 香 (*being scented*): Có mùi thơm, thơm tho.

Hề 兮 (*Chinese character used to express exclamation, placed in the middle or at the end of a sentence*): Từ đặt ở giữa hay cuối câu, dùng diễn tả ý cảm thán.

Câu 1 ý nói: Mùi vị rượu thơm ngon vậy thay!

Câu 2: Khấu đầu cung hiến chúc hồ trường

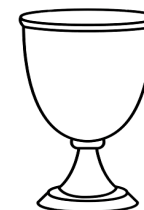
Khấu đầu 叩頭 (*kowtowing*): Rập đầu xuống đất để lạy.

Cung hiến 恭獻 (*respectfully offering something*): Kính cẩn dâng hiến.

Chước 酌 (*pouring liquor*): Rót rượu ra.

Hồ 壺 (*pot*): Cái bình, cái bầu, cái vò chứa nước hay rượu. Bình rượu, vò rượu gọi là *tửu hồ* 酒壺 (*liquor pot*). Bình trà gọi là *trà hồ* 茶壺 (*tea pot*). Bình trà có vòi dài ngoằng gọi là *trường chủy trà hồ* 長嘴茶壺 (*long spout teapot*).

Trường 觴 (*goblet, chalice, drinking glass with a foot and a stem*): Ly, cốc có chân đế, dùng uống rượu hay uống trà. Chữ 觴 này đứng ra đọc là *thương* (shāng).



Nguyễn Bá Trác (1881-1945) viết bài thơ bất hủ *Hồ Trường* (hai mươi một câu), trong đó có đoạn (câu 8-13):

Vỗ gươm mà hát
Nghiêng bầu mà hỏi
Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường
Hồ trường! Hồ trường!
Ta biết rót về đâu?

Như vậy, khi nói *hồ trường* thì phải chăng có thể hiểu là bình và chén uống rượu (hay uống trà)? ⁽⁵⁾

Câu 2 ý nói: Cung kính rót rượu, cúi lạy dâng lên.

⁽⁵⁾ Nguyễn Hiến Lê (1912–1984) giảng: Về chữ 觴 [trường] đó, từ điển T.H. [Trung Hoa] giải nghĩa là tên chỉ chung các đồ (chén) đựng rượu thời xưa. / Tiếng đó cổ quá rồi, tôi chỉ gặp nó mỗi một lần trong 1 bài thơ đời Đường. / (...) người ta không đựng rượu mà đựng trà thì cũng có thể dùng chữ đó được (...). (Huệ Khải, *Tám Lòng Một Người Thầy*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 60.)

Câu 3: *Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhĩ*

Cao Đài 高臺 (*Caodai God*): Đức Chí Tôn, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Hứng cảnh 興景 (*feeling happy enjoying the scenery*): Vui thích trước cảnh đẹp.

Nhàn 閒 (*leisurely*): Thông dong, thông thả.

Quan nhĩ 觀雅 (*beholding a fine sight*): Ngắm, xem cảnh đẹp mắt.

Câu 3 ý nói: Đức Cao Đài vui lòng trước cảnh hiển lễ của đệ tử (*Cao Đài hứng cảnh*) và Ngài thông thả ngắm xem cảnh tượng đẹp mắt này (*nhàn quan nhĩ*).

Câu 4: *Đệ tử cung trần mỹ vị hương*

Đệ tử 弟子 (*we the disciples*): Học trò, tiếng môn đệ Đức Cao Đài tự xưng.

Cung trần 恭陳 (*respectfully arranging*): Cung kính sắp bày.

Mỹ 美 (*delicious*): Thơm ngon.

Vị hương 味香 (*flavour and fragrance*): Vị và mùi thơm.

Mỹ vị hương 美味香 (*delicious flavour and fragrance*): Mùi vị thơm ngon.

Câu 4 ý nói: Môn sanh Đức Cao Đài kính cẩn sắp bày rượu thơm ngon dâng lên.

4. Bài Dưng Trà

Câu 1: *Đông độ thanh trà mỹ vị hương*

Đông độ 東土 (*the East, the Orient; the East Asian countries*): Phương Đông; các nước Á Đông.

Thanh trà 青茶 (*green tea*): Cũng gọi *lục trà* 綠茶, là trà xanh.

Đông độ thanh trà (*East Asian green tea*): Trà xanh ở Á Đông.

Mỹ vị hương: Xem câu 4 *Bài Dưng Rượu*.

Câu 1 ý nói: Trà xanh ở Á Đông có mùi vị thơm ngon.

Câu 2, 3 và 4: Xem *Bài Dưng Rượu*.

V. TỔNG LUẬN

1. Hoa, rượu, trà trong nghi lễ Cao Đài tượng trưng cho tinh, khí, thần, tức là tam bửu hay tam bảo (*the three precious ones*).

Theo đạo Cao Đài, tam bửu ở trời là nhật, nguyệt, tinh tức là mặt trời hay thái dương, mặt trăng hay thái âm, và các ngôi sao hay tinh tú; tam bửu ở đất là thủy, hỏa, phong hay nước, lửa, gió; tam bửu ở người là tinh, khí, thần.

Đại Thừa Chơn Giáo (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016, tr. 166) giảng giải như sau:

Trời nhờ ba báu ấy mà dưỡng dục muôn loài, hóa sanh vạn vật, luân chuyển càn khôn mới chia ra ngày đêm, sáng tối.

Đất nhờ ba báu đó mà phong vũ [gió mưa] điều hòa, cỏ cây tươi nhuận, phân ra thời tiết xuân, hạ, thu, đông.

Người nhờ ba báu đó mà tạo Tiên tác Phật.

Khi cúng tứ thời, dâng tam bửu là ngụ ý phải quý trọng,

giữ gìn ba báu của con người, bởi lẽ: *Tinh, khí, thần hiệp nhứt mới thành đạo...* (Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 166).

Theo Đại Thừa Chơn Giáo (tr. 130), tam bửu của con người hao mòn vì ba nguyên nhân chánh:

Như con người lo lắng vọng tưởng điều nầy sự nọ thì hao thần (linh hồn); còn muốn ham, mơ mộng phú quý vinh hoa thì tán khí; bằng say đắm mê sa tình trường dục hải thì tổn tinh [sperm].

Hễ tam bửu hao mòn thì nào khác chi cái ngọn đèn tàn, dầu hao tìm lụn, leo lét canh khuya, khi mờ khi tỏ, tất nhiên một hồi phải tắt ngay. Vả như tam bửu hư hoại thì tự nhiên ngũ hành, ngũ tạng cũng phải xiêu bè suy nhược theo nhau.

Người tu phải biết bảo tinh, dưỡng khí, tồn thần, rồi luyện sao “cho tinh hóa khí, khí hóa thần, thần huồn hư. Ba báu quy về tại kim đánh là thành đạo.” (Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 168).

2. Khi cúng dâng hoa năm màu là ngụ ý nhắc đến mối tương quan giữa ngũ sắc với các “nhóm năm” như sau:

5 màu	Xanh	Trắng	Đỏ	Đen	Vàng
5 đức	Nhân	Nghĩa	Lễ	Trí	Tín
5 giới	Sát sanh	Du đạo	Tà dâm	Tửu nhục	Vọng ngữ
5 hành	Mộc	Kim	Hỏa	Thủy	Thổ
5 khí	Ấm áp	Mát mẻ	Khô nóng	Lạnh lẽo	Ấm thấp
5 phương	Đông	Tây	Nam	Bắc	Trung ương
5 tạng	Gan	Phổi	Tim	Thận	Lá lách

Theo Đại Thừa Chơn Giáo (tr. 168): *Trời có ngũ khí thì đất có ngũ phương, người có ngũ tạng.⁽⁶⁾ Người ngộ đạo phải lấy ngũ hành ấy chế tạo mà luyện kim đan cho thành xá lợi. Muốn thành xá lợi cần vận chuyển pháp luân cho ngũ khí triều nguồn, tam huê tụ đỉnh.*

Như vậy, dâng hoa năm màu, rượu và trà trong lễ cúng tứ thời hằng ngày là mượn vật chất hữu hình thể hiện lễ đạo sâu kín nhiệm màu vô hình vô vi của tâm pháp Cao Đài.

HUỆ KHẢI

⁽⁶⁾ Dưỡng Chơn Tập (4. Nhơn Sanh / Con Người) giải thích:

(T)rời có **ngũ hành** là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. (...).

(N)gười ta có **ngũ thường** là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. (...)

Nhưng ngũ hành, ngũ thường này đều có đủ trong mình ta, tức là **ngũ tạng**: Tâm, Can, Tì, Phế, Thận. Ngũ tạng đây là gốc lớn sanh con người. Nếu phạm đến gốc lớn này thì không thể nào sống được. Cho nên thầy thuốc rành nghề trị bệnh, thì trước phải điều hòa ngũ tạng. Khi phát ra trong việc làm hằng ngày thì gọi là **ngũ luân**: Quân Thần, Phụ Tử, Phu Thê, Huynh Đệ, Bằng Hữu.

(Nguyễn Minh Thiện dịch)



HÃY CHÚ TÂM VÀO BƯỚC ĐƯỜNG TU CÔNG LẬP ĐỨC

Thiên Lý Đàn, ngày 15-4 Ất Tỵ (Thứ Bảy 15-5-1965)

DIỆU NGUYÊN

1. THÁNH GIÁO

DIỆU TRÌ KIM MẪU, Mẹ Linh Hồn các con.

THI

*Vô ý các con vướng lỗi hoài
Cực lòng chẳng những kiếp trần ai
Từ tâm lập đức bòn công để
Tôn tử khỏi phiền buổi hậu lai.*

1.1. Vô ý các con vướng lỗi hoài.

• Con người nơi thế gian (kể cả những người tu thân học đạo), mấy ai không phạm lỗi. Có khi phạm lỗi do vô tình, có khi phạm lỗi do cố ý. Dù vô ý hay cố tình, đã phạm lỗi thì đều gây tạo nghiệp xấu cho mình. Muốn không “vô ý vướng lỗi hoài”, người tu cần phải tỉnh giác, kiểm điểm nội tâm từng giờ, từng phút, từng giây như lời Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, luôn luôn kiểm điểm nội tâm, kiểm chế lòng mình như đang đi trên chiếc cầu vồng bằng ván mỏng bắc qua đại dương không tay vịn. Nếu sơ hở một chút là không phân biệt được cái nào là thiện với ác, thanh với trược, ích kỷ với vị tha, chánh tín với mê tín.⁽¹⁾

Làm đúng theo lời Đức Bồ Tát dạy như trên, đó là chúng ta

⁽¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 02-4 Kỷ Dậu (17-5-1969).

biết thực hành câu *Đạo bất khả tu du ly dã* (trong sách *Trung Dung*), nghĩa là không giây phút nào xa lìa Đạo và sẽ không còn vô ý phạm lỗi nữa.

1.2. Cực lòng chẳng những kiếp trần ai.

• Khi phạm lỗi với người khác thì ta làm cho họ phải phiền lòng hay đau khổ. Chẳng hạn, khi vô ý phê phán hay chỉ trích thiếu tế nhị thì ta làm cho đạo hữu của mình buồn phiền. Nếu cứ vô ý vướng lỗi hoài, gây tạo nghiệp chướng hoài thì làm sao ta có thể trở về với Đức Mẹ nơi Diêu Trì Cung? Do đó, khi phạm lỗi, chúng ta *chẳng những* làm cho người thế gian phiền lòng mà còn làm *cực lòng* Đức Chí Tôn, Đức Mẹ cùng các Đấng đã hết lòng dạy dỗ, dìu dắt chúng ta. Bởi thế, Đức Mẹ từng than:

*Con đến trần gian chịu khổ nằn
Mẹ nơi Diêu Điện dễ nào an
Mây sầu đờ gót lâm trần thế
Bút lệ nương cơ tả mấy hàng.⁽²⁾*

Hay là:

*Nhớ đến con thơ chốn cõi trần
Nặng lòng Từ Mẫu vội dời chân.⁽³⁾*

Những câu như *Mẹ nơi Diêu Điện dễ nào an*, hay những từ ngữ như *mây sầu, bút lệ, nặng lòng* cho chúng ta thấy Đức Mẹ đã *cực lòng* với chúng ta biết dường nào.

1.3. Từ tâm lập đức bòn công để / Tôn tử khỏi phiền buổi hậu lai.

⁽²⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân (11-5-1968).

⁽³⁾ Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 20-11 Ất Tỵ (12-12-1965).

- *Từ tâm* là lòng từ ái, biết yêu thương.

Lập đức bòn công là mót bòn công quả để tạo gầy âm đức.

Tử tôn là con cháu.

Mẹ khuyên chúng ta hãy lấy lòng từ ái mà mót bòn công quả, tạo gầy âm chất để khỏi gây phiền toái cho con cháu sau này.

Thật vậy, có những người suốt cuộc đời miệt mài lo gầy dựng sự nghiệp vật chất, tiền tài danh vọng nên đã gây tạo biết bao lỗi lầm. Điều này đưa đến hai hậu quả:

a. Họ khiến cho con cháu đời sau phải gánh chịu lấy nghiệp quả do cha ông gây tạo. Tục ngữ có câu: *Đời cha ăn mặn; đời con khát nước*. Kinh Sám Hối dạy rằng nếu ta tạo ác nghiệp thì có khi quả báo trả liền (chính ta trả quả), có khi trả chậm (tức là con cháu phải nhận lãnh):

*... Cũng có khi tai họa trả liền
Đó là báo ứng nhãn tiền
Mau thì mình chịu, lâu truyền cháu con.*

b. Lúc sống họ không biết tu, gây tạo nhiều nghiệp xấu, sau khi từ giã cõi trần bị đọa địa ngục, phải nhờ đến con cháu tu hành cầu siêu mới thoát cảnh Diêm Phù. Chẳng hạn, vào năm Quý Dậu (1933), tại Trước Tiết Tàng Thơ (Thủ Thiêm, Sài Gòn), có một đạo hữu Cao Đài nhờ hồng ân đại xá của Đức Chí Tôn đã được về đàn cơ, trách các con: *Đã ba phen cha có cho các con biết cha bị đọa nơi chốn A Tỳ, cầu các con tu đặng độ cha mà các con mơ mơ màng màng*.

Chính vì thế, Đức Mẹ khuyên chúng ta hãy gắng lập công bồi đức trong kiếp này để tự cứu lấy bản thân và chẳng

những không gây phiền cho con cháu mà cháu con còn được thừa hưởng phước đức do ông bà, cha mẹ gầy dựng.

2. THÁNH GIÁO

Giờ nay, Mẹ đến để nhắc nhở các con, nhứt là nữ phái, hãy chú tâm vào bước đường tu công lập đức ⁽⁴⁾ *của mình.*

2.1. Giờ nay, Mẹ đến để nhắc nhở các con...

- *Các con* nói đây bao gồm tất cả con cái của Mẹ, kể cả nam lẫn nữ; tuy nhiên, Mẹ lại nhấn mạnh: *nhứt là nữ phái, hãy chú tâm vào bước đường tu công lập đức của mình*. Vì sao Mẹ lại nhấn mạnh *nhứt là nữ phái*?

Chúng ta thường thấy, nơi thánh đường, chùa thất, am tự... bao giờ nữ cũng đông hơn nam. Tuy nhiên, nữ phái tu nhiều mà đặc vị chẳng bao nhiêu, bởi lẽ nữ phái bị ràng buộc biết bao nghiệp lực trái oan: nào gia đình chồng con, nào cơm áo gạo tiền, nào cháu nội cháu ngoại. Ngoài ra, nữ phái còn hay nhẹ dạ non lòng trước lời phỉnh phờ gạt gẫm giả dối nên dễ sai đường lạc nẻo, rơi vào chỗ tội lỗi, mê tín dị đoan. Bởi lẽ ấy, có lần Đức Mẹ than:

*Nhớ đến nữ lưu Mẹ khổ lòng
Nặng nề duyên nghiệp chốn trần hồng
Ráng tu, đã có huyền linh Mẹ
Định tánh, đừng mơ nẻo bắc đông.* ⁽⁵⁾

Thế nên, nữ phái cần phải một lòng chuyên nhứt, chú tâm vào bước đường tu công lập đức mới mong hoàn thành sứ

⁽⁴⁾ Tạm mượn các chữ in đậm làm nhan đề thánh giáo của Đức Mẹ.

⁽⁵⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-3 Bính Ngọ (05-4-1966).

mạng làm người và trả dứt mọi oan trái kiếp trước để được trở về với Mẹ như lời Mẹ dặn dò:

*Vào đời độ chúng lập công
Rồi quày trở lại hiệp cùng Mẹ con.*⁽⁶⁾

2.2. ... hãy chú tâm vào bước đường tu công lập đức của mình.

• *Chú tâm* nghĩa là để hết lòng chuyên chú vào một việc, không lúc nào buông lơi. Ở đây, Mẹ dạy chúng ta phải chú tâm vào việc tu học, thực hành tam công, gầy dựng âm đức không lúc nào ngơi nghỉ, bởi lẽ nào ai biết được mình sống được bao nhiêu năm trên cõi đời này. Ngày cỗi bỏ xác phàm, xuôi tay ra đi vẫn luôn là một ẩn số đối với con người. Nếu chẳng may phải từ giã cõi trần lúc công quả, công trình, công phu vẫn còn thiếu bạc thì chúng ta lại phải tái kiếp luân hồi.

3. THÁNH GIÁO

Con ôi! Một kiếp phù sanh tuy ước hẹn ba vạn sáu ngàn ngày, nhưng trăm năm nào có mấy ai hưởng đặng.

• Thật vậy, chúng ta thấy có người sống đến năm bảy mươi tuổi, nhưng cũng có người mới sinh ra đôi ba năm thì đã từ giã cõi trần. Thậm chí có người sống được chỉ vài ngày hoặc vài tuần mà thôi:

*Năm, bảy mươi tấc hơi không hẹn
Đôi ba năm cũng vẹn một đời
Một hai tuần nhứt con ôi
Biết đâu số kiếp một đời nhân sanh.*⁽⁷⁾

⁽⁶⁾ Trúc Lâm Thiền Điện, 04-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

Chuyện xưa kể,⁽⁸⁾ có ba ông lão vừa khề khà nhấp rượu vừa bàn luận lẽ đời vô thường (nay còn mai mất). Một ông cảm khái: *Năm nay chiếu rượu cùng ngồi / Sang năm chẳng biết vắng người nào đây?*⁽⁹⁾

Cho rằng bạn nói quá xa vời, ông thứ hai bèn sửa: *Cởi giày lột vớ chiều hôm / Sáng mai nào biết có còn xỏ chân?*⁽¹⁰⁾

Như thế, thời gian một năm rút lại chỉ còn một sớm một tối. Vẫn không bằng lòng, ông thứ ba sửa lại: *Một hơi ra khỏi mũi rồi / Biết chẳng còn có một hơi hít vào?*⁽¹¹⁾

Bởi đời người vô thường nên Thánh xưa khuyên dạy: *Chớ bảo đợi già sẽ học đạo / Mồ hoang chẳng thiếu kẻ đầu xanh.*⁽¹²⁾

4. THÁNH GIÁO

*Thiền quang giục thúc, bóng quang âm đưa đẩy lại qua;
bao gió tạt, nắng tấp, mưa sa, tấm nhục thể căn cỗi yếu già,
mà lòng ham sống chưa hay nắm mờ gần bên cạnh.*

• *Thiền quang* hay *bóng quang âm* đều có nghĩa là thời

⁽⁷⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965).

⁽⁸⁾ Huệ Khái, *Bắc Cầu Tâm Linh*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 41-42.

⁽⁹⁾ Kim niên tửu tịch diên tiền hội / Bất tri lai niên hựu thiếu thù?
今年酒席筵前會 / 不知來年又少誰?

⁽¹⁰⁾ Kim văn thoát hạ hài hòa miệt / Bất tri minh nhật xuyên bất xuyên?
今晚脫下鞋和襪 / 不知明日穿不穿?

⁽¹¹⁾ Giá khẩu khí ký nhiên xuất khứ / Bất tri tấn lai, bất tấn lai?
口氣既然出去 / 不知進來不進來?

⁽¹²⁾ Mạc đãi lão lai phương học đạo / Cô phần đô thị thiếu niên nhân.
莫待老來方學道 / 孤墳都是少年人.

gian. Thời gian trôi nhanh như *bóng ngựa trắng vút qua khe hở*.⁽¹³⁾ Đời người trăm năm tưởng là lâu dài nhưng thật ra trôi qua rất mau lẹ, chóng vánh.

Vì cứ mãi mê quay cuồng trong vòng sống, ăn, mặc, ở; mãi lo gây dựng sự nghiệp cho bản thân, cho gia đình và con cháu... nên con người không còn nhận ra rằng thời gian đang vùn vụt trôi qua. Đến khi sức tỉnh, nhìn lại mình thì thấy tóc đã bạc, lưng đã còng, răng đã rụng, gối đã mỏi, nắm mồ đã gần kề bên cạnh. Nào ai biết được mình đã vay bao nhiêu oan trái, đã gây tạo bao nhiêu tội lỗi oan khiên từ bao kiếp trước. Nếu cứ giải đãi biếng lười hoặc chần chừ không lo tu hành lập công bồi đức thì e rằng một kiếp sống trăm năm vẫn không đủ để trả xong nghiệp cũ.

5. THÁNH GIÁO

Ai ai cũng lo trau chuốt, tưng tiu, gìn giữ mảnh hình hài cho sung sướng mà lại quên gìn giữ chơn tánh với bốn căn. Gặp lúc loạn ly, thế thời tai biến, lo chạy đó chạy đây để tìm đường an ổn cho chính thân mình và cho toàn gia quyến, nhưng nào hay duyên nghiệp đưa đẩy về đâu. Có biết đặt mỗi người trong gia quyến đó đồng căn đồng kiếp, đồng phúc đồng duyên hay là phải nghiệp ai nấy gánh!

- Con người chúng ta, ai cũng có hai phần: thể xác và linh hồn. Thế nhưng, phần đông thể nhân chỉ biết lo cho thể xác được ăn sung mặc sướng, ở nhà cao cửa rộng cho dù phải

⁽¹³⁾ *Trang Tử Nam Hoa Kinh* 莊子南華經, thiên *Trí Bắc Du* 知北遊 có câu: *Nhân sinh thiên địa chi gian, nhưc bạch câu chi quá khích*. 人生天地之間, 若白駒之過隙. Người ta ở trong trời đất như ngựa trắng khỏe vút qua khe hở. (Đạo Uyển chú)

làm những chuyện độc ác bất lương mà quên mất rằng phần linh hồn phải gánh chịu hậu quả. Do đó, gặp hồi cuộc thế loạn ly, tai biến xảy ra thì mỗi người phải chấp nhận những gì xảy đến cho mình tùy theo duyên nghiệp mình đã gây tạo. Dù cùng chung một gia đình vẫn chẳng ai có thể gánh giùm nghiệp quả báo ứng thay cho ai.

Trong đoạn thánh giáo này, Đức Mẹ khuyên chúng ta hãy tích cực chuyên tâm lo tu hành, trau dồi bản linh chơn tánh bằng cách tu công lập đức. Đừng đợi đến khi tai trời ách nước xảy ra, dù có bốn ba hồi hải cũng không còn kịp nữa, ngay cả tấm thân này cũng khó mong giữ được. Nếu chẳng may phải từ già cõi đời thì không biết kiếp sau có còn được tái sinh làm người và may duyên gặp chánh đạo để tiếp tục tu hành tiến hóa, hay là bạc phước mà thoái hóa trong kiếp mang lòng đội sừng như lời Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

*Có căn mới được kiếp con người
Phải biết mà tu chớ dễ người
Kẻo trở lại đời trong thoái hóa
Khó mong gặp được phúc ân Trời.*⁽¹⁴⁾

6. THÁNH GIÁO

*Trong cảnh tang thương sắp đến, tài cán cũng khoanh tay,
Để nhìn luật trả vay, cùng nghiệp duyên vay trả.
Dẫu bốn ba hồi hải cũng khó tránh được lưới Trời.
Luật công bình bao quát khơi khơi,
Cân công lý dễ mấy tay phàm chen sửa đổi.*

(...)

⁽¹⁴⁾ Thánh thất Tân Định, 03-01 Ất Ty (04-02-1965).

*Vung Trời đã úp, tài giỏi khó thoát ra,
Tuy rộng hoát bao la, nhưng một mảy hào không sơ lọt.*

• Chúng ta thấy nơi cõi thế gian, có những người phạm tội bị đem ra xử trước pháp luật, nhưng gia đình dùng tiền chạy chọt, đút lót quan tòa mà tội nhân trắng án, tức là từ có tội thành vô tội, cán cân công lý bị thiên lệch bởi đồng tiền.

Nhưng luật Thiên điều thì không như thế. Mẹ dạy: *Luật công bình bao quát khơi khơi / Cân công lý dễ mảy tay phạm chen sửa đổi.*

7. THÁNH GIÁO

*Mãi bảo vệ tấn tuồng giả dối,
Từ giả này liên tục những cái giả kia.
Tham, sân, si tạo mãi, quê cũ khó mong về,
Hỉ, lạc, ái, ố, cứ quanh quẩn chốn sông mê đành lặn hụp.
(...)*

*Mãi tham vọng giả trần càng bận bịu,
Kiếp luân hồi lên xuống xuống lên;
Quanh quẩn, quẩn quanh như miệng chậu kiến bò,
Không lối thoát để gặp đò Tạo Hóa.⁽¹⁵⁾*

• Cuộc đời này là giả tạm nên tất cả mọi sự mọi vật từ những thứ hữu hình như tiền tài của nhà xe cộ cho đến danh vọng sự nghiệp đều là giả tạm hết. Thậm chí cái thân xác của chúng ta được cấu tạo bằng tứ đại giả hiệp, đến ngày từ giả cõi trần thì thân xác bị chôn vùi, rã tan trong lòng đất, hay hóa thành tro bụi trong lò hỏa táng. Đức Chí Tôn dạy: *Thân*

⁽¹⁵⁾ *Đò Tạo Hóa* chính là mối đạo Cao Đài mà Trời đã mở ra cho nhân loại để giải thoát con người khỏi vòng luân hồi sanh tử.

các con chưa hẳn là thân của các con. Ở cõi sống tạm này, nếu các con cho rằng thân của các con là thiệt thọ thì không thể được.⁽¹⁶⁾

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: *Thế nên, người tu hành cần phải học hỏi đạo lý để phân định được cái chân cái giả, lẽ thiệt lẽ hư, điều chánh điều tà, sự thiện sự ác. Có chịu khổ công học hỏi suy nghiệm phân tách rõ rệt để tìm lẽ chánh mà lánh điều tà, tìm lẽ chơn mà xa điều giả, tìm lẽ thiệt mà xa điều hư và để làm sự thiện mà xa sự ác, ví như người tìm vàng trong giữa lòng đất cát.⁽¹⁷⁾*

Dùng cái giả để làm phương tiện gây tạo cái chơn chứ đừng mãi ôm chầm cái giả mà phải chịu luân hồi xuống lên xuống.

Vậy thì cái chi là thật? Trong đoạn thánh giáo số 5, Đức Mẹ dạy: *Ai ai cũng lo trau chuốt tưng tiu gìn giữ mảnh hình hài cho sung sướng mà lại quên gìn giữ chơn tánh với bốn căn. Bốn linh chơn tánh hay linh hồn của mỗi người mới là cái thật mãi mãi trường tồn niên niên bất diệt.*

8. THÁNH GIÁO

*Khi biết được đâu là giả, đâu là thật,
Thì sự còn sự mất chẳng màng chi.
Chỉ e cho chơn tánh bị loạn ly,
Lòng hoảng hốt chẳng biết đường ngay cùng khúc khuỷu.
(...)*

⁽¹⁶⁾ *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, quyển I, bài *Vật Chất Là Giả Tạm*.

⁽¹⁷⁾ Minh Lý Thánh Hội, 25-9 Canh Tuất (24-10-1970).

*Lo là lo tâm hồn sa đọa,
Lo là lo vấp ngã bởi lợi danh,
Sợ e cho mất hẳn tính lành,
Quên căn cội để thân hành về chốn cũ.*

• Đức Mẹ dạy, một khi đã phân biệt được cái nào là giả, cái nào là chơn thì sẽ không còn màng chi đến sự mất còn của những cái giả tạm mà chỉ lo giữ gìn cái chơn thật là bốn linh chơn tánh của mỗi người.

Bản linh chơn tánh hay linh hồn sáng suốt tiến hóa mới là cái bất hoại trường tồn trở về cùng Đấng Từ Phụ.

9. THÁNH GIÁO

*Cất tiếng kêu nữ nhi con còn mê ngủ,
Giác mộng huỳnh sớm thức tỉnh hồi tâm.*

• Đức Mẹ sợ rằng chúng ta không ghi nhớ lời Mẹ dạy để thi hành hầu tự cứu lấy bản thân nên Mẹ thiết tha kêu gọi như trên.

Học thánh giáo Cao Đài, chúng ta thấy các Đấng thiêng liêng thường nhắc tới điển tích *giấc mộng huỳnh* (hay *giấc mộng hoàng lương* hay *giấc mộng kê vàng*), liên quan tới ngài Lữ Động Tân, một vị trong Bát Tiên.

Ngài họ Lữ tên Nham, tự Động Tân, là con quan thứ sử Lữ Nghị ở Hải Châu (Trung Quốc). Thời trẻ tuổi, ngài thi tiến sĩ ba lần vẫn không đậu. Lần thi rớt thứ ba, dọc đường trở về nhà, ghé vào quán rượu nghỉ chân, ngài gặp một đạo sĩ áo trắng tự xưng là Vân Phòng Tiên Sinh. Đạo sĩ này thật ra là ngài Hồn Chung Ly (hay Đức Chung Tổ) cũng là một vị trong Bát Tiên.

Chung Tổ rủ ngài Lữ đi chơi núi nhưng ngài Lữ lưỡng lự. Chung Tổ biết ý ngài Lữ vì chưa đậu tiến sĩ nên còn muốn có dịp trổ danh tiếng với đời. Chung Tổ bèn cho người nấu hoàng lương (kê vàng) và đưa gối cho ngài Lữ Động Tân nằm nghỉ trong lúc chờ kê chín. Chung Tổ đã làm phép trong cái gối. Vì thế, ngài Lữ nằm mơ thấy thi đỗ trạng nguyên, rồi cưới vợ, sanh con đẻ cháu. Khi làm quan đến chức thừa tướng, vì nịnh thần vu oan giá họa, ngài bị vua bắt tội, phải chịu lưu đày cực khổ vô cùng. Mơ đến đó thì ngài Lữ giật mình tỉnh giấc. Chung Tổ cười lớn và bảo: *Nỗi bấp hay còn ngòi, chiêm bao đà thấy cháu.*

Ngài Lữ Động Tân ngẫm nghĩ thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê. Ngài giác ngộ, liền xin theo Đức Chung Tổ học đạo tu Tiên.

10. THÁNH GIÁO

*Nghe chuông linh khi bỗng lúc trầm,
Đờn Mẹ khảy tri âm mà ghi dạ.
Đường công quả khá tua hồi hải,
Cùng chị em giục giã mau lên,
Kìa nạn tai tới tấp kề bên,
Sao còn ở bấp bênh dùn thẳng!
Rủi con trẻ quên lời Mẹ dặn,
Nghiep oan khiên mãi tạo tơ vương,
Dấu lòng Mẹ đây từ ái xót thương,
Nhưng con thiếu đức làm sao cứu rỗi.
Do con trẻ sớm toan tự hối,
Tự cứu mình chớ ỷ lại Trời cao,*

*Từ dưới trên Bắc Đẩu, Nam Tào,
Gìn công luật khôn hề sửa chữa.
Mẹ ban ơn lành các con, Mẹ hồi Diêu Điện.
Thăng.*

● Một lần nữa, Đức Mẹ lại nhắc đến luật Thiên điều công bình thưởng phạt không ai có thể sửa đổi được. Nếu chúng ta không biết sớm tự cải hối lo tu hành, tô bồi âm chất mà cứ mê lầm gây tạo tội lỗi oan khiên nghiệp chướng thì dù cho có thương xót chúng ta đến thế mấy đi nữa Đức Mẹ cũng không thể nào cứu vớt chúng ta được bởi vì: *Từ dưới trên Bắc Đẩu, Nam Tào, / Gìn công luật khôn hề sửa chữa.*

Nam Tào (hay Nam Cực Tiên Ông) coi bộ sanh, Bắc Đẩu Tiên Ông coi bộ tử của nhân loại nơi cõi trần. Hai vị xem xét tội phước của tất cả chúng sanh để thưởng phạt theo đúng luật Thiên điều, không hề tư vị. Do đó chúng ta không thể y lại vào tình thương của Thầy Mẹ mà phải tích cực lo tu hành để tự cứu. Đức Chí Tôn răn dạy điều này ngay từ buổi đầu khai Đạo: *Thầy đã nói cho các con hay trước rằng nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bằng ẵm các con mà đỡ lên choặng. Ấy vậy, vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó.*⁽¹⁸⁾

Học tập và ghi nhớ lời Đức Mẹ dạy, xin cùng nhau cầu nguyện rằng tất cả huynh tỷ đệ muội chúng ta, nhứt là nữ phái, sẽ tích cực hơn nữa trên bước đường tu công lập đức để một ngày kia được trở về bên gối Mẹ.

DIÊU NGUYỄN

⁽¹⁸⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2, đàn ngày 15-4-1927.



LÁ VÀNG THU

*Kính hồi hướng
Anh Lớn THANH CĂN
(1951-2019)*

Còn đây nốt chút vàng phai
Lìa buông dẫu biết rằng mai trở cảnh
Xa rồi những tháng ngày xanh
Giọt sương, lá biếc long lanh trong chiều
Dầm mưa dãi nắng cũng nhiều
Lòng như vừa chín những điều gió sương
Chiều nay thả mộng bên đường
Để cho cơn gió vô thường cuốn đi
Sắc không, thôi tiếc mà chi
Trả về cát bụi những gì thế gian
Hồn men theo dấu địa đàn
Bỏ quên câu hát nằm ngang lưng đèo.

HOÀNG NGUYỄN
Tháng 5-2019

NGÀI HIÊN VIÊN HUỲNH ĐẾ HỎI ĐẠO NGÀI QUẢNG THÀNH TỬ

LÊ ANH MINH

Tại Trung Hưng Bửu Tòa (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), ngày 20-01 Kỷ Hợi (Thứ Sáu 27-02-1959), Đức Phục Ma Đại Đế (tức là Quan Thánh Đế Quân) giảng cơ dạy: *(N)gười xưa cầu đạo lấy làm khó khăn. Nếu không bền chí thật tâm, buông bỏ trần tình, xả thân hành đạo thì làm gì được khẩu quyết ban trao.*

Để nêu ví dụ cho câu *người xưa cầu đạo lấy làm khó khăn*, Đức Phục Ma Đại Đế dạy tiếp: *Giàu sang như **Huỳnh Đế** (. . .) mà còn buông phứt việc đời cầu truyền chánh pháp, an vui ngày tháng với cảnh trí đất trời.*

Huỳnh Đế hay Hoàng Đế 黃帝 là vị vua trong huyền sử Trung Hoa đời thượng cổ. *Huỳnh (Hoàng)* ở đây nghĩa là màu vàng; Huỳnh (Hoàng) Đế là vua (màu) vàng, cho nên tiếng Anh dịch là *Yellow Emperor*.

Sự tích ngài Huỳnh Đế cầu đạo với ngài Quảng Thành Tử có nhiều dị bản với không ít chi tiết quá đổi ly kỳ. Căn cứ theo *Dân Gian Truyền Thuyết: Hiền Viên Hoàng Đế Vấn Đạo Quảng Thành Tử* 民間傳說: 軒轅黃帝問道廣成子,⁽¹⁾ sau đây là bản lược dịch để quý đạo hữu tiện tham khảo.

*

⁽¹⁾ <https://www.ntdvtv.com/b5/2013/11/01/a994515.html>

Ngài Huỳnh Đế hiệu là Hiền Viên 軒轅. Thuật thanh tịnh của ngài được hậu thế tôn sùng, gộp chung với tư tưởng của Đức Lão Tử gọi là “học thuyết Hoàng Lão”.

Truyền thuyết cho rằng Đức Thái Thượng Lão Quân muốn lưu cho người đời phép tu luyện thành Tiên, nên biến hóa thành ngài Quảng Thành Tử 廣成子, cỡi chim hạc đen (*huyền hạc* 玄鶴)⁽²⁾ đáp xuống núi Không Động 崆峒 và lưu lại đây.

Ngài Quảng Thành Tử thấy nơi đây phong cảnh tuyệt đẹp, nhưng núi không đủ cao để xa cách thế nhân. Đức Ngọc Đế bèn sai ngài Nhị Lang Chân Quân 二郎真君 vác đá núi Thái sang đắp cho núi Không Động cao thêm. Từ đó cụm núi Không Động cao vút tận trời, gồm nhiều ngọn núi, hang động la liệt như bàn cờ.

⁽²⁾ Chim hạc (*crane*) thường có lông trắng, cổ cao, chân cao, mỏ dài, bay lẹ. Người ta tin hạc là chim linh, rất khôn ngoan. Sách xưa chép rằng đời Tùy Dạng Đế (Trung Quốc), vào năm 605, triều đình cho săn hạc để thu lấy lông chim làm vũ phục. Một con hạc mái đang làm tổ trên cây, e bị tấn công thì chim non nguy hiểm, bèn tự rũ sạch lông cho thợ săn nhặt để cầu toàn sự sống.

Người xưa cho rằng có bốn loại hạc là đen, vàng, trắng, và xanh, trong đó hạc đen tuổi thọ cao nhất. Truyền thuyết bảo hạc sống sáu trăm tuổi không ăn, chỉ uống nước vẫn sống. Do đó, người ta dùng hai chữ *tuổi hạc* để nói tới những người già trường thọ. Cũng theo truyền thuyết, khi Tiên sắp giá ngự nơi nào thì có hạc bay đến trước réo, để báo tin, hoặc Tiên hóa thành chim hạc để ngao du. Cuối đời nhà Hồ, khi Hồ Hán Thương (?-1407) đốt núi Na (cũng gọi núi Nứa, ở xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa), vị ẩn sĩ nơi ấy đã hóa làm hạc đen bay lên không trung. (Lê Anh Dũng, *Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1995, tr. 23-24.)

Ngài Quảng Thành Tử ở trong động Hỗn Nguyên 混元, thường mời bạn là tiên ông Xích Tùng Tử 赤松子 ghé chơi, đàm đạo và đánh cờ tiêu khiển. Con hạc đen mà ngài Quảng Thành Tử cỡi, ngày đêm nghe đạo nên cũng thành đạo, hóa làm tiên đồng (tức là *Huyền Hạc Đồng Tử* 玄鶴童子) đứng hầu hai ngài đánh cờ.

Ngày Huỳnh Đế nghe nói trên núi Không Động có tiên ông Quảng Thành Tử ngự nên không quản đường xa, lặn lội tới hỏi đạo. Ngài và đoàn tùy tùng tới chân núi nhưng không tìm được đường lên núi. Có người đề nghị cho người ca múa thì có thể tiên ông hạ cố. Ngài Huỳnh Đế đồng ý.

Bấy giờ hai ngài Quảng Thành Tử và Xích Tùng Tử đang đàm đạo, nghe tiên đồng vào trình có ngài Huỳnh Đế dẫn đoàn tùy tùng đến chân núi, đang cho người ca múa để xin yết kiến mà cầu đạo.

Ngài Quảng Thành Tử sớm biết rằng ngài Huỳnh Đế đến, nhưng cười nói: “Làm vua không lo trị nước mà đi cầu tiên. Đợi tí ta đi xem thử.”

Sau khi ngài Xích Tùng Tử từ biệt, ngài Quảng Thành Tử phẩy phất trần, một con hạc bay đến bên cạnh, ngài bèn cỡi hạc bay xuống chân núi. Ngài Huỳnh Đế và tùy tùng mừng rỡ, cùng quỳ lạy.

Ngài Huỳnh Đế bạch: “Đệ tử nghe tiên sư thông đạt Chí Đạo 至道 (cái Đạo tuyệt đối). Xin hỏi tinh túy của Chí Đạo là gì? Đệ tử muốn lấy tinh hoa của trời đất để trợ giúp ngũ cốc phát triển, dưỡng dục bá tánh. Đệ tử còn muốn làm chủ âm dương để đáp ứng nhu cầu của vạn vật. Vậy đệ tử phải làm gì?”

Ngài Quảng Thành Tử đáp: “Cái mà ngươi hỏi là vật, cũng là bản chất của Đạo. Cái ngươi muốn làm chủ là tàn dư của vật. Từ khi ngươi cai trị thiên hạ tới nay, khí mây (*vân khí* 雲氣) vẫn chưa ngưng tụ nên vẫn chưa có mưa, thảo mộc khô héo, mọi nơi tối tăm. Như thể ngươi tâm địa hẹp hòi, thì có tư cách gì mà hỏi đến Chí Đạo?”

Nói xong ngài phẩy phất trần, cỡi hạc bay lên mây. Ngài Huỳnh Đế buồn bã, vọng lên núi, nhớ tới lời tiên sư nói, lệ rơi lã chã. Ngài trở về, bỏ thiên hạ, và cất một gian nhà cỏ tranh trắng⁽³⁾ rồi vào đó tĩnh tâm ba tháng. Sau khi diệt tạp niệm, tâm cảnh trong sáng, ngài một mình trở lại núi Không Động để cầu đạo lần nữa.

Đang lần dò leo lên núi, ngài Huỳnh Đế bỗng gặp một trưởng lão râu tóc đỏ hoe, bèn đứng nép qua một bên, thi lễ, nhường đường.

Vị trưởng lão mỉm cười: “Biết khiêm cung là bắt đầu cầu đạo được đó. Tốt!”

Ngài Huỳnh Đế hỏi: “Thưa trưởng lão, đường nào thông lên cõi tiên Không Động?”

Vị trưởng lão ngâm:

*Tiên phàm bốn vô giới
Chỉ tại tâm thượng phân
Bất tích tất hành khổ
Nhất thành bách đạo thông.*

仙凡本無界
只在心上分
不惜膝行苦
一誠百道通

(3) cỏ tranh trắng: *Bạch mao* 白茅 (*cogon grass*); danh pháp khoa học là *Imperata cylindrica*.

Nghĩa là:

*Tiên phạm chẳng hai nơi
Chỉ ở lòng biệt phân
Lết gối chẳng sợ khổ
Dạ thành mọi nẻo thông.*

Ngâm xong, trưởng lão biến mất.

Vị trưởng lão này vốn là ngài Xích Tùng Tử hóa ra. Ngài sợ rằng nếu ngài Huỳnh Đế không buông bỏ ngôi vua, không chịu được khổ cực thì ngài Quảng Thành Tử sẽ không truyền đạo. Do đó, ngài Xích Tùng Tử hóa ra vị trưởng lão để chỉ điểm cho ngài Huỳnh Đế.

Ngài Huỳnh Đế leo núi đến khi đôi hài rách nát, đi không nổi. Nhớ lời trưởng lão nói, ngài bồng ngô ra, bèn bò lên núi bằng đầu gối, sỏi đá cắt vào da thịt, tươm máu bê bết.

Huyền Hạc Đồng Tử biết được sự việc, vào bẩm báo với ngài Quảng Thành Tử. Khi ngài Huỳnh Đế bò bằng đầu gối đến gần động Hồn Nguyên 混元洞 thì đồng tử ra nghinh đón và đưa vào động.

Ngài Quảng Thành Tử truyền dạy cho ngài Huỳnh Đế phương pháp tu thân dưỡng tính. Ngài Huỳnh Đế chuyên tâm tu tập, hoát nhiên khai ngộ. Trở về triều đình, ngài Huỳnh Đế chăm lo việc trị dân và không ngừng tu luyện. Đến năm ngài một trăm hai mươi tuổi, có con rồng vàng xuất hiện, ngài cỡi rồng bay lên trời giữa ban ngày.

LÊ ANH MINH
Bà Chiếu, 05-6-2019

NGUYỄN CẦU



Ta còn để lại gì không?
Kìa non đã lở, này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về
Trông ra bến hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương
Ta van cát bụi bên đường
Dù như dù sạch đừng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay nứ trời
Nói chi thua được với đời
Quản chi những tiếng ma cười đêm sâu
Tâm hương đốt nén linh sầu
Nhớ quê dằng đặc ta cầu đó thôi
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian
Một phen đã nín cung đàn
Nghĩ chi còn mất, hơi tàn thanh âm.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG (1916-1976)
Trích trong tập thơ *Rừng Phong*
(Sài Gòn: Nxb Phạm Văn Tươi, 1954)

ĐẠO THIÊN CHÚA, ĐẠO GIA TÔ, ĐẠO CƠ ĐỐC, ĐẠO CÔNG GIÁO? NÊN GỌI THẾ NÀO CHO CHÍNH DANH?

TRẦN VĂN TOÀN

*Giáo Sư Đại Học Công Giáo Lille,
Cộng Hòa Pháp.*

Giáo Sư Antoine Trần Văn Toàn sinh ngày 07-11-1931 tại Phát Diệm (huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình). Bảo vệ Cao Học về Thần Học Công Giáo (1954) và Tiến Sĩ Triết Học (1960). Dạy triết học tại các đại học ở Huế, Sài Gòn và Đà Lạt (thập niên 1960); ở Kinshasa (Congo, hai thập niên 1960-1970); và ở Lille (Pháp, ba thập niên 1970-1990). Đã xuất bản: *Tìm Hiểu Triết Học Của Karl Marx* (Sài Gòn: Nxb Nam Sơn, 1965); *Xã Hội Và Con Người* (Sài Gòn: Nxb Nam Sơn, 1965); *Hành Trình Vào Triết Học* (Hà Nội: Nxb Tri Thức và Đại Học Hoa Sen tái bản, 2009); *Tìm Về Ý Nghĩa Của Lao Động Và Kỹ Thuật* (Hà Nội: Nxb Tri Thức và Đại Học Hoa Sen, 2011). Về với Chúa ngày 13-9-2014 tại Lille (nước Pháp).

Các sử gia nghiên cứu ở Việt Nam về đạo Thiên Chúa, thường gặp thấy trong sách vở nhiều tên gọi khác nhau, như: đạo Đức Chúa Trời, đạo Gia Tô, đạo Cơ Đốc, đạo Hoa Lang, đạo Khirixitô, đạo Kirixitô, đạo Kitô, rồi đạo Công Giáo nữa. Những tên gọi khác nhau ấy, chắc gì có cùng một nghĩa như nhau. Cho nên vấn đề là phải gọi thế nào cho đúng, cho chính danh.



Cách gọi tên đạo Thiên Chúa của người Trung Hoa cũng rất lúng túng, nhất là khi người ngoại đạo đặt tên cho nó. Ví dụ trong buổi đầu, vào thế kỷ XVI, người ta gọi là *Thập Tự Giáo*. Trong một cuốn từ điển in tại Trung Hoa, tôi thấy dịch chữ *christianisme* là *Cơ Đốc Giáo*, nhưng lại dịch chữ *catholicisme* là *Thiên Chủ Giáo*, và [dịch] chữ *protestantisme* là *Gia Tô Giáo*. Cũng không trách được: Chính vì hiểu biết mập mờ, cho nên phân loại lộn xộn, gọi tên không chính danh. Vì thế ta không nên cứ thấy người Trung Hoa dịch thế nào thì theo như thế. Bên Việt Nam ta quen gọi *Catholicisme* là đạo Công Giáo, và *Protestantisme* là đạo Tin Lành. Như thế có

phần đúng hơn, nhưng không phải là không có chỗ thiếu chính xác, gây nhiều thiên kiến, như tôi sẽ trình bày sau đây.

Thiết tưởng muốn gọi tên cho đúng thì người trong cuộc, dễ hiểu biết rõ hơn về đạo của mình, phải đứng ra giải thích cho rõ nghĩa và đề nghị tên gọi cho đúng ý. Có thể mới tránh được những cách gọi lầm, đưa đến những lối hiểu sai trong khi tìm hiểu và nghiên cứu. Đó là dự định của tôi trong bài này.

Những cách gọi tên một tôn giáo

Theo thói quen, người ta có nhiều tiêu chuẩn để gọi tên một tôn giáo, một chi nhánh hay một tông phái.

Cách thứ nhất là gọi theo tên vị giáo tổ, hay vị đã khởi xướng ra giáo phái. Ví dụ: Khổng Giáo, Lão Giáo, Phật Giáo, đạo Mahômét (Mohammed), đạo Luther, đạo Calvin, v.v...

Cách thứ hai là gọi tên theo đối tượng. Đạo thờ vị nào thì gọi theo tên vị đó. Ví dụ: đạo Bà La Môn, đạo Siva, đạo Phật, đạo Cao Đài, Thần Đạo, đạo Thiên Chúa, v.v...

Cũng có khi lại gọi theo tên của dân tộc theo đạo. Ví dụ: Ấn (Độ) Giáo, Hồi Giáo (người Hồi ở Tây-Bắc Trung Hoa theo đạo Mahômét), Anh Giáo (người nước Anh theo một tông phái của đạo Thiên Chúa). Tuy vậy, người tín đồ có thể ý thức được rằng đạo mình theo không phải là của riêng dân tộc nào, là đạo ai cũng có thể và nên theo. Đó là lúc nảy ra ý thức truyền giáo. Truyền giáo để chia sẻ với người khác những niềm tin mà mình cho là cao quý nhất.

Như thế đủ biết là một tôn giáo có thể có nhiều tên gọi. Ví dụ đạo Mahômét (gọi theo tên vị giáo tổ) còn gọi là đạo Hồi

Hồi, hay Hồi Giáo (vì là đạo của người Hồi theo), lại cũng có tên là đạo Islam (tên chỉ thái độ tuyệt đối quy phục Thiên Chúa); còn đạo do giáo tổ Giê-su, có biệt hiệu là *Christos*, truyền bá, thì người châu Âu gọi là *Christianisme*; người Trung Hoa có hai tên gọi: gọi theo tên vị giáo tổ là *Yesu*, đọc theo kiểu Hán-Việt là đạo *Gia Tô*; gọi theo biệt hiệu phiên âm là *Jilisisu* (*Kilisitu*), đọc theo kiểu Hán-Việt là *Cơ Lợi Tư Đốc*, gọi tắt là đạo *Cơ Đốc*; còn ở Việt Nam thì ngay từ buổi đầu đã phiên âm là đạo *Khirixitô* hay là *Kirixitô*, gọi tắt là *Kitô*.

“Đạo” hay là “tôn(g) giáo”?

Trong truyền thống văn hóa của Trung Hoa không có sẵn từ ngữ nào để phiên dịch cho đúng từ ngữ *religion* của người châu Âu. Học giả Léon Vandermeersch [sinh năm 1928], chuyên gia về văn hóa Trung Hoa có viết: “Ngay từ ngữ đó cũng không có trong chữ Hán cổ điển, kiểu nói *zong-jiao* (*tông giáo*) là một từ ngữ cũng mới được đặt ra, trong kiểu nói ấy ta chỉ thấy có chữ *jiào* (*giáo* là *dạy*), nhưng nó không phải là từ ngữ riêng về tôn giáo. Còn về những lễ nghi trong Khổng Giáo, thì chữ *lǐ* (*lễ*) dùng để chỉ nó, lại không thể dùng để chỉ các lễ nghi trong tôn giáo hiểu theo nghĩa của châu Âu, vì thế cả Phật Giáo lẫn Lão Giáo cũng đều bỏ, không dùng đến nó”.⁽¹⁾

Tuy là mới được đặt ra nhân dịp tiếp xúc với người châu Âu, nhưng từ *tôn giáo* chúng ta dùng đã quá quen rồi, cho nên thiết tưởng không nên thay đổi nữa. Tuy nhiên dùng nó

⁽¹⁾ “Tradition chinoise et religion”, trong cuốn sách tập thể *Catholicisme et sociétés asiatiques*, do Alain Forest và Yoschibaru Tsuboi thu thập. Paris: Nxb L’Harmattan, 1988, tr. 21.

không phải là không có cái bất tiện, bất cập. Thực thể, hiểu theo đúng nghĩa chữ, thì *tôn giáo* có nghĩa là lời dạy (giáo) của ông tổ (tôn). Dĩ nhiên là tôn giáo cũng là một di sản văn hóa được truyền lại. Nhưng nghĩa của nó quá rộng, vì bất cứ cái gì được truyền từ đời này sang đời khác đều có thể gọi là tôn giáo cả. Cho nên có thể dùng nó để chỉ những cái mà người châu Âu không gọi là *religion*. Chẳng lẽ chúng ta coi Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo cũng là một loại như Bạch Liên Giáo? Nói cho cùng, chính cái ý niệm *tôn giáo* đối với người Âu-Mỹ ngày nay cũng rất khó định nghĩa, vì trong định chế tự do tôn giáo, có nhiều người đem vào Âu-Mỹ hay là chế biến ra tại Âu-Mỹ những hệ thống tư tưởng và thực hành, viện cớ là tôn giáo mới, để được tự do truyền bá, tuy nhiều khi người dân Âu-Mỹ cũng khám phá ra trong đó có những điều nhảm nhí, lừa bịp để làm tiền.

Nói tóm lại, dùng từ ngữ *tôn giáo* chỉ nói lên được rằng đó là một truyền thống được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, chứ không nói rõ được cái nội dung của những truyền thống ấy.

Trong tiếng Việt bây giờ người ta cũng hay dùng chữ *đạo*. Tôi nghĩ dùng như thế hay hơn, đúng hơn và giàu ý nghĩa hơn. Chữ *đạo* mà ta lấy lại của người Trung Hoa, vừa có nghĩa là *đường*, đường phải đi, lối phải sống, lại vừa có nghĩa là nguyên lý điều hòa vũ trụ, thiên địa nhân. Nó có tính cách thực hành, có liên quan đến hành vi, hạnh kiểm, nếp sống, như người ta nói: Sống cho phải đạo.

Trong *Phép Giảng Tám Ngày*, sách trình bày giáo lý của đạo Thiên Chúa, do giáo sĩ Alexandre de Rhodes [1591-1660] soạn bằng tiếng Việt viết theo mẫu tự Latinh, có đối

chiếu với tiếng Latinh và cho in tại Rôma năm 1651, ta thấy dùng chữ *đạo* để phiên dịch chữ *lex*, nghĩa là lề luật (tiếng Pháp là: *loi*), chứ không phải để phiên dịch chữ *religio* (tôn giáo). Thực ra chữ Latinh *lex* cũng như chữ Hy Lạp *nomos* đã được dùng để phiên dịch chữ *torah* trong Thánh Kinh của đạo Do Thái. Torah là bộ luật do giáo tổ Môsê (xưa ta phiên âm là Maisen) ban hành cho dân, để biết cách sống cho phải đạo. Vì Torah là sách chỉ đạo, chỉ cho tín hữu con đường phải theo, nếp sống phải giữ. Chính vì thế mà tôi nghĩ chữ *đạo* giàu ý nghĩa hơn chữ *giáo*.

Đạo Thiên Chúa, đạo Đức Chúa Trời

Trước khi đạo được truyền sang Việt Nam thì ở bên Trung Hoa các giáo sĩ Tây phương đã phải giải thích đạo của mình thờ vị nào. Họ làm việc một cách đường đường chính chính, viết xong sách thì dâng lên cho vua quan đọc. Khi vua Càn Long nhà Thanh cho làm sổ thư tịch bằng Hán văn ở Trung Quốc, có cho vào sổ đó ba cuốn sách trình bày đạo Thiên Chúa do ba vị giáo sĩ Tây phương soạn thảo.⁽²⁾ Nhưng muốn

⁽²⁾ Ba vị đó là Matteo đã viết cuốn *Thiên Chủ Thực Nghĩa*, Diego de Pantoja đã viết cuốn *Thất Khắc* (là bảy điều khắc kỷ, lấy bảy nhân đức để khắc phục bảy thói xấu. Sách chữ Hán này đã có dùng tại Việt Nam) và Ferdinand Verbiest đã viết sách trình bày đại cương các tín lý cơ bản của đạo Thiên Chúa. Trong bức thư viết tại Bắc Kinh, ngày 31-7-1778, một giáo sĩ có kể như sau: “Điều làm cho chúng tôi thích thú, là trong tủ sách có giá trị đó thì hoàng đế đã cho xếp vào đó ba cuốn sách do các giáo sĩ dòng Tên (tu hội lấy tên Đức Giêsu mà gọi) biên soạn”, và ông kết luận: “Đây là điều tiền hậu bất nhất của con người ta. Người Trung Quốc đem sách của đạo ta vào sổ các sách tốt nhất viết bằng Hán văn, nhưng họ lại bắt bớ cấm các người theo đạo ta.” (*Nouvelles*

gọi cho đích xác vị nào đạo mình thờ thì không dễ gì, vì trong các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật được thờ bên Trung Quốc, không thấy có vị nào như thế cả.

Khó gọi tên như thế là vì lấy gốc tích từ đạo Do Thái. Thực thế, dân Do Thái thờ phụng một vị không giống một nhân vật hay sự vật nào trong trời đất này cả. Vì thế không thể gọi tên được, cũng như ta đọc trong *Đạo Đức Kinh* của Đạo Gia: “Danh khả danh phi thường danh.” (...) Đàng khác, cũng như ở Việt Nam có thói tránh tên húy, cho nên tên viết phải đọc trại đi; cũng thế, mà còn hơn nữa, người Do Thái chỉ viết tên vị đó bằng bốn phụ âm *YHWH*, mà không viết nguyên âm, vì thế không thể đọc lên được, vì không được phép gọi tên vị đó. Khi quan niệm tôn giáo ấy được truyền vào văn hóa Hy Lạp và Latinh, thì người ta tạm dùng từ ngữ *Theos* và *Deus*, có nghĩa là thần linh. Nhưng vì trong hai nền văn hóa đó người ta thờ bách thần, nghĩa là vô số thần linh, cho nên phải nói thêm ra rằng mình chỉ thờ có một thần linh mà thôi còn các thần linh khác thì mình coi là không có, và cũng vì thế người ta viết chữ hoa *Theos*, *Deus*, như là tên riêng vậy. Sau này người châu Âu cũng viết chữ hoa như thế: *Deus*, *Dieu*, *Dio*, *Dios*, *God*, *Gott*, v.v...

Các giáo sĩ Tây Phương đã bàn luận rất nhiều để tìm ra tên gọi cho chính danh. Họ đi tới quyết định là không dùng chữ *Thiên*, không dùng hai chữ *Thượng Đế*, để tránh hiểu lầm, mà chỉ dùng hai chữ *Thiên Chủ* (hay là *Thiên địa chân chủ*, Chúa thật trời đất). Do đó gọi tên đạo là *Thiên Chủ Giáo*. Và vì các giáo sĩ truyền bá Thiên Chủ Giáo vào thế kỷ XVI và

XVII đều thuộc về tông phái “Công Giáo”, cho nên người ta cũng dùng những chữ *Thiên Chủ Giáo* để chỉ đạo “Công Giáo”.

Khi đạo truyền vào Việt Nam, thì tên gọi đã được ấn định, cho nên người ta gọi theo chữ Hán-Việt là *Thiên Chủ Giáo*, *Thiên Chủ* là *Chúa Trời*, nhưng người Việt ta đệm chữ Đức để tỏ lòng cung kính, cũng như ta nói: Đức Phật, Đức Khổng Tử, Đức Thánh Trần, và sau này người Công Giáo Việt Nam cũng có cách gọi tên như: Đức Chúa, Đức Chúa Bà, Đức Bà, Đức Mẹ, Đức Cha, Đức Ông, v.v... Vì thế cho nên tên gọi đạo là *đạo Đức Chúa Trời*.

Có một điều làm cho tôi hơi thắc mắc: Vì sao người mình không đọc theo lối Hán-Việt là *Thiên Chủ*, mà lại đọc là *Thiên Chúa*? Tôi xin phép đề nghị một giả thuyết: Đạo Thiên Chúa được truyền sang đất Đại Việt vào thời Nam Bắc phân tranh: Đàng Trong thì có chúa Nguyễn, Đàng Ngoài thì có vua Lê, chúa Trịnh. Vua thì xưng hiệu là *đế*, là *hoàng đế*, còn chúa Nguyễn và chúa Trịnh, thì tuy chỉ có tước *vuông* là vua, nhưng thực có binh quyền trong tay và tự quyết định lấy mọi việc. Vì thế khi nói về chúa Trịnh, các giáo sĩ Tây phương thời đó quen gọi là “le roi du Tonkin”. Biết đâu vì vua là hư vị, còn “Chúa” mới có thực quyền cho nên người ta phiên dịch chữ *Deus* là *Thiên Chúa*?

Nói cho đúng thì gọi là Thiên Chúa vẫn chưa đủ ý nghĩa, vì sách vở đời xưa cũng hay dùng kiểu nói *Thiên Địa Chân Chủ*, *Chúa thật trời đất*. Nhiều khi lại gọi vắn tắt là *Chúa*, và để phân biệt được với chúa Trịnh, chúa Nguyễn, thì các giáo sĩ thường đệm từ ngữ *Deus*, đáng lẽ phải phiên âm là *Đêu*, nhưng lại viết theo kiểu người châu Âu là *Dêu*, cho nên gọi là *Chúa Dêu*. Lối phiên âm này có điều bất tiện là: người Hà

lettres édifiantes et curieuses. Lyon, 1819, tập XIII, tr. 519-520.)

Nội đọc là *Zêu*, người miền khác lại đọc là *Rêu*, *Giêu* hay là *Jêu*!

Đạo Hoa Lang, đạo Gia Tô?

Hai tên gọi này đã có từ thế kỷ XVII. Các sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* và *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* đều có nhắc tới.

Về tên gọi *Hoa Lang* thì *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* viết:

“(1663) Mùa đông tháng 10, cấm người trong nước học đạo Hoa Lang. Trước đây có người nước Hoa Lang vào nước ta, lập đạo lừa phỉnh dân ngu, đàn ông đàn bà ngu dốt nhiều người tin mộ, chỗ nhà giảng người ở hỗn tạp, trai gái không phân biệt. Trước đã đuổi người giảng đạo đi rồi, mà sách vở và nơi giảng hãy còn thói tệ chưa đổi. Đến nay lại nghiêm cấm.” (Quyển XIX, Huyền Tôn Mục Hoàng Đế, Cảnh Trị, bản dịch Nxb Khoa Học Xã Hội, tập III, tr. 298.)

Người Công Giáo không chịu nhận tên gọi như thế và đã tìm cách giải thích từ lâu rồi. Tôi xin trưng dẫn ra đây chứng lý được in ra bằng chữ quốc ngữ lần đầu tiên trong sách *Chân Đạo Yếu Lý* do Giám Mục Paul-François Puginier (quen gọi là Đức Cha Phước), coi sóc địa phận Tây Đàng Ngoài cho in bằng chữ quốc ngữ năm 1882, trang 124-125:

“Có kẻ quen gọi đạo Thiên Chúa là Hoa Lang đạo; nhưng mà tiếng Hoa Lang có ít người hiểu. Vậy có sách rằng tên Hoa Lang là tên đặt cho lái buôn kia chở những vóc có hoa như hoa khoai lang, cho nên gọi lái buôn ấy là Hoa Lang. Đến ngày sau những người giữ đạo Thiên Chúa gọi là Hoa Lang đạo, vì giữ một đạo như lái buôn ấy; nhưng mà trong các sách đạo Thiên Chúa chẳng có dùng tiếng Hoa Lang bao giờ, một dạy

kính chuộng một Thiên Địa Chân Chúa trên hết mọi sự và yêu người ta bằng mình ta vậy.”

Đoạn văn đó căn cứ vào bản chữ Nôm in năm 1829, và có sửa ít chút; rồi bản chữ Nôm đó đã lấy lại trong tập vở ghi chú của giáo sĩ Langlois viết vào cuối thế kỷ XVIII.⁽³⁾

Trong thiên khảo luận viết bằng tiếng Pháp, nhan đề *Truyền Thống Việt Nam: Một Quốc Gia Trong Lòng Văn Hóa Trung Hoa*, học giả Philippe Langlet viết: “Trong *Minh Sử, Ngoại Quốc Truyện*, có gọi họ là Hòa Lan; họ là người phương Tây mà dân quê tôi gọi trại đi là Hoa Lang.”⁽⁴⁾ Và ông ghi chú rằng đó không thể là Hòa Lan được, nhưng là người Bồ Đào Nha, căn cứ theo lá thư của giáo sĩ Le Royer viết năm 1714 về vụ cấm đạo năm 1712, như sau: “Cũng như trước đây, sắc lệnh cấm đạo không bao giờ gọi tên là đạo Đức Chúa Trời, nhưng đã cấm đạo dưới cái tên là đạo Hoa Lang, tức là đạo của người Bồ Đào Nha.” (*Lettres édifiantes et curieuses*, tập IV, tr. 538b.)

Gần đây Alexander Barton Woodside lại đưa ra một lối giải thích khác trong cuốn sách *Việt Nam Và Khuôn Mẫu Trung Hoa*. Căn cứ vào lối giải thích của một người Thái Lan, là Chule Chakrabongse,⁽⁵⁾ Woodside viết: “(cũng trong những tài liệu đó), Châu Âu, thường được gọi là *Hoa Lang quốc*, *Hoa*

⁽³⁾ Xem: *Archives des Missions étrangères de Paris (Văn Khố Hội Thừa Sai Nước Ngoài Tại Paris)*, tập V-1102.

⁽⁴⁾ “*La tradition Vietnamienne: un Etat national au sein de la civilisation chinoise*”, in trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*. (Sài Gòn: bộ mới, tập XLV, số 2+3, 1970, tr. 101.)

⁽⁵⁾ Xem sách *Lords of Life: The Paternal Monarchy of Bangkok*. London: 1960, tr. 36.

Lang là cách người Việt Nam phiên âm tiếng Xiêm *farang*, từ ngữ dùng để chỉ người da trắng.”⁽⁶⁾ Tuy chưa có bằng chứng gì cả, nhưng tôi cũng tự hỏi: Biết đâu chữ *farang* đó lại chẳng phải là từ chữ *France* (*Pha Lang Sa*) mà ra?

Còn về tên gọi *đạo Gia Tô* (cũng viết là *Da Tô*), thì dễ giải thích hơn. Đây là lời giải thích trong sách *Chân Đạo Yếu Lý* đã dẫn trên đây: “Bằng tiếng Da Tô kẻ ghét đạo quen dùng, thật là tiếng vô nghĩa trong nước An Nam, vì kẻ đọc tiếng ấy cứ về chữ Nho, song người Đại Minh đọc tiếng ấy là Giêsu, như bốn đạo An Nam cũng quen đọc, mà trong các sách đạo đã cắt nghĩa rằng: tiếng Giêsu nghĩa là đấng hay cứu” (tr. 137; bản Nôm năm 1828, tờ 126 a+b).

Như thế cũng đủ rõ là hai tên gọi *Hoa Lang* và *Gia Tô* không chính. Có điều là các sắc lệnh cấm đạo thời xưa, và cả bài hịch *Bình Tây Sát Tả* của Văn Thân, thì đều viết bằng Hán văn, cho nên viết và đọc theo giọng Hán-Việt là *đạo Gia Tô*, chứ có lẽ không biết phải gọi là *Giêsu*. Về chữ *Cơ Đốc* cũng thế, như đã nói trên đây. Ta thấy, viết như người Trung Hoa thì được, nhưng đọc lên theo giọng Hán-Việt thì sai đi nhiều. Đó cũng là cái tật của người mình khi phiên âm tên ngoại quốc: Thay vì phiên âm theo cách đọc của người ta, thì lại bắt chước cách viết của người Trung Quốc, rồi đọc sang giọng Hán-Việt. Ví dụ trước đây thay vì viết tên *Rousseau* và chỉ cách đọc là *Ruxô*, thì lại phiên âm là *Lư Thoa*; thay vì viết *Platon* và chỉ cách đọc là *Pờlatôn*, thì lại phiên âm là *Bá Lạp Đồ*, v.v...

⁽⁶⁾ *Vietnam and the Chinese Model*. Cambridge (Ma) and London: 1988, tr. 246.

Vậy nên làm thế nào?

1. Ở Việt Nam người ta quen nói đạo của người Công Giáo là đạo Thiên Chúa. Nói như thế đúng nhưng chưa rõ lắm. Thực vậy, các tín đồ của đạo Do Thái, của đạo Giêsu và của đạo Hồi Hồi (*Islam*) đều cùng thờ một Thiên Chúa, một Thiên Địa Chân Chúa như nhau, nhưng họ khác nhau về quan niệm và về tương quan với Thiên Chúa, lại khác nhau về lối sống đạo và hành đạo.

Người Do Thái căn cứ vào lịch sử của họ mà tin rằng Thiên Chúa đã chọn riêng dân tộc của họ, chọn giáo tổ của họ là Môsê, cho họ biết dự định của Ngài về họ, và thành lập giao ước với họ, lại dẫn dắt họ trên đường đời. Đạo của họ, tuy là có nói đến ý định của Thiên Chúa về vận mệnh của các dân tộc khác, nhưng không có tính cách phổ thông, vì dành ưu tiên cho một dân tộc, ít là trong một giai đoạn lịch sử. Cũng như hai tôn giáo sau đây [Công Giáo, Hồi Giáo], họ tin rằng Thiên Chúa là siêu việt, khác hẳn mọi vật trong trời đất này.

Còn môn đồ của Đức Giêsu, cũng từ đạo Do Thái mà ra, thì tin rằng chính Ngài là hiện thân của Thiên Chúa, để dạy dỗ và để tỏ ra mối tình thân ái đối với nhân loại. Đó là giao ước mới của Thiên Chúa. Cũng như trong đạo Do Thái, họ tin tưởng rằng Thiên Chúa có tình riêng với nhân loại, chứ không hề hững hờ xét đối với người ta, như thần linh của các tôn giáo khác. Đạo của Ngài có tính cách phổ thông, vì là đường lối đề nghị cho mọi người, chứ không dành riêng cho một dân tộc nào cả.

Hồi Giáo cũng tôn thờ một vị Thiên Chúa như thế, nhưng họ đến sau hai tôn giáo kia, cho nên không cần kinh nghiệm

nhiều thế kỷ trong lịch sử, không cần mất nhiều thì giờ, để nhận định là có một Thiên Chúa mà thôi. Nhưng họ không cho rằng Thiên Chúa nói với người ta một cách từ từ, qua những biến cố lịch sử của một dân tộc (Do Thái), hay là qua nếp sống của một nhân vật đặc biệt (Giêsu), mà là nói thẳng ra ngay bằng tiếng Arập cho giáo tổ là Mohammed nghe và cho chép lại thành cuốn thánh kinh Coran. Ai nấy phải nghe và quy phục. Hồi Giáo là đạo phổ thông, nhưng nội dung thì ít hơn đạo Do Thái và đạo Giêsu nhiều, vì Mohammed cho rằng hai đạo ấy quá rườm rà, và ông cho rằng làm như ông là trở về nguồn trong sáng và đơn sơ hơn. Đại khái là như thế.

Người Công Giáo thì theo đạo do Đức Giêsu lập, tức là theo một trong ba tôn giáo thờ một Thiên Chúa. Cho nên đúng là họ theo đạo Thiên Chúa.

2. Nếu nói thêm ra rằng người Công Giáo theo đạo do Đức Giêsu Kitô (*Jésus-Christ*), thì cũng đúng nữa, nhưng vẫn chưa rõ lắm, vì Công Giáo là một trong mấy tông phái của đạo Giêsu, như tông phái Chính Thống (*orthodoxe*), và tông phái Tin Lành (*évangélique, protestant*). Riêng tông phái Tin Lành, cũng gọi là Canh Tân Giáo (*réformée*), trước đây đã chia ra làm nhiều chi nhánh, và ngày nay, nhất là bên Hoa Kỳ lại thêm ra vô số chi nhánh mới, nhiều khi không biết đến nhau và không lâu bền. Vì thế tông phái Tin Lành thấy cần phải thống nhất, và họ đã thiết lập ra Hội Đồng Đại Kết. Nhưng thống nhất không phải là dễ, vì có nhiều điểm khác nhau, và ai cũng cho mình là đạo Giêsu chính hiệu.

Vậy phải gọi tên đạo của Đức Giêsu Kitô thế nào cho đúng?

Theo như lịch sử thì cái tên *christianus* (*chrétiens*) và

christianismus là tên người ngoại cuộc đặt cho môn đồ của Đức Giêsu và đạo Ngài dạy, nghĩa là không đặt theo tên vị giáo chủ. Biệt hiệu tiếng Hy Lạp của Ngài là *Christos* (*Christ*): nghĩa là đạo do vị *Christos* (tiếng gốc Hipri là *Masia*), tức là vị mà Thiên Chúa sai xuống thế gian để cứu độ cho người ta. Như đã nói trên đây, người Trung Quốc phiên âm là *Jilisisu* hay là *Kilisitu*, đọc theo giọng Hán-Việt là *Cơ Lợi Tư Đốc*, gọi tắt là *Cơ Đốc*. Cho nên khi gọi đạo Ngài là *Cơ Đốc Giáo* tức là phiên âm chữ *Christianisme*. Ngoài ra người Trung Quốc cũng có danh từ *Yesu jiao*, đạo của Giêsu, nhưng giọng Hán-Việt lại đọc trệch đi là *Gia Tô Giáo*, hay là đạo *Gia Tô*.

Bên Việt Nam buổi đầu người ta phiên âm chữ *Christos* là *Khirixitô* hay là *Kirixitô* và gần đây là *Kitô*. Xem chừng người ta đã bắt đầu quen dùng tên gọi *đạo Kitô* thay vì *đạo Kirixitô*. Cá nhân tôi thấy nó thế nào ấy, vì đọc lên không thấy có âm hưởng gì cả, lại không thấy giống chữ *Christos* là bao nhiêu. Có lẽ dùng mãi thì nó cũng quen đi. Nhưng tôi đề nghị nên dùng thêm mấy kiểu nói khác để dịch chữ *Christianisme* cho rõ ý nghĩa hơn, như: *đạo Giêsu*, *đạo Chúa Giêsu*, *đạo Chúa Cứu Thế*. Đề nghị như thế là tôi căn cứ vào lời giải thích trong sách giáo lý, sách *Bốn Cũ*, Phần I, đoạn 4: “*Hỏi*: Giêsu nghĩa là làm sao? *Thưa*: Nghĩa là đấng hay cứu...” Như thế dĩ nhiên là bỏ mất chữ *Christos*, nhưng không thiệt gì cả vì chữ đó là tiếng Hy Lạp dùng để phiên dịch chữ Hipri *Masia*, có nghĩa là cứu tinh mà Thiên Chúa sai xuống thế gian để cứu độ cho người ta.

TRẦN VĂN TOÀN

Nguồn: Tạp chí *Nghiên Cứu Tôn Giáo*
Hà Nội, số 4, năm 2003.

Chuyện cũ kể lại: THẦY MỘT CHỮ

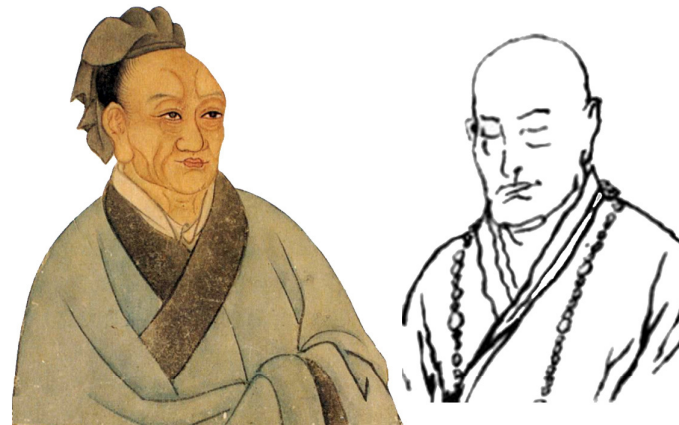
KHÁI MINH

Nhà thơ Trịnh Cốc 鄭谷 (849-911) danh tiếng đời Đường có bài thơ *Chá Cô* 鷓鴣 (chim đa đa) rất hay, bởi thế người đời gọi ông là Trịnh Chá Cô. Trần Trọng San (1930-1998) dịch bài ấy như sau:

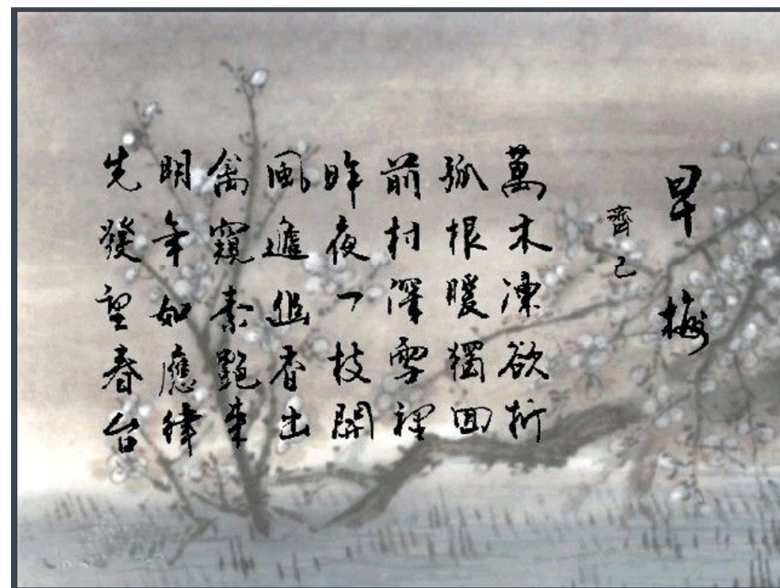
*Cánh gấm la đà giỡn khói chơi
Hẫng bằng gà núi phẩm cao vời
Qua hồ cỏ biếc, mưa mờ mịt
Kêu miếu Hoàng Lăng, hoa rụng rơi
Nghe vọng, khách đi đầm ướt áo
Hát xong, người đẹp thắm nghiêng mày
Sông Tương ánh ỏi đua nhau gọi
Khóm trúc um tùm, nắng xế tây.*

Trịnh Cốc có người bạn thơ là hòa thượng Tề Kỷ 齊己 (863-937). Một hôm, vừa làm xong bài thơ ngũ ngôn bát cú *Tảo Mai* 早梅 (hoa mai nở sớm), Tề Kỷ liền mang đến Trịnh Cốc xin bạn chỉ giáo.

Trịnh Cốc xem đến hai câu *Tiền thôn thâm tuyết lý / Tạc dạ sổ chi khai* 前村深雪裡 / 昨夜數枝開 (Thôn phía trước chìm sâu trong tuyết / Đêm hôm qua nở mấy cành mai) thì thấy không ổn, bèn cầm bút và chỉ sửa một chữ *sổ* thành *nhất*. Như vậy, *sổ chi* (mấy cành, vài cành) trở thành *nhất chi* (một cành), tức là nhấn mạnh cái ý hoa mai nở sớm, chỉ mới được một cành mà thôi.



Trịnh Cốc (849-911) và hòa thượng Tề Kỷ (863-937)



Thư pháp bài thơ *Tảo Mai* (chưa rõ tên người viết).

Tề Kỷ vô cùng khâm phục, tôn Trịnh Cốc là *Nhất tự sư* (ông thầy [dạy] một chữ).

Bài thơ *Tảo Mai* của Tề Kỷ như sau:

萬木凍欲折	Vạn mộc đông dục chiết
孤根暖獨迴	Cô căn noãn độc hồi
前村深雪裏	Tiền thôn thâm tuyết lý
昨夜一枝開	Tạc dạ nhất chi khai
風遞幽香出	Phong đệ u hương xuất
禽窺素艷來	Cầm khuy tố diễm lai
明年如應律	Minh niên như ưng luật
先發望春臺	Tiên phát vọng xuân đài.

Dịch xuôi:

Muôn cây cóng muốn gãy
Riêng một cội ấm lại
Thôn trước ngập trong tuyết
Đêm qua nở một cành
Gió đưa ẩn hương thơm
Chim trộm nhìn bông trắng
Sang năm theo luật trời
Trước rộ đài ngóng xuân.

Tạm dịch ra lục bát:

*Giá băng muốn bẻ muôn cây
Duyên may riêng một cội này ấm thôi
Thôn xa tuyết phủ ngập rồi
Đêm qua sớm nở kìa mai một cành
Gió đưa thoáng ẩn hương thanh
Chim nhìn trộm đóa trắng xinh mướt mà*

*Năm sau đúng luật trở hoa
Trước tiên sớm rộ ở tòa ngóng xuân.*

Truyền sang Việt Nam, câu *Tạc dạ nhất chi khai* trong bài thơ *Tảo Mai* của Tề Kỷ có lẽ đã “ảnh hưởng” ít nhiều tới thiền sư Mãn Giác 滿覺 (1052-1096) đời Lý. Bởi thế, khi sáng tác bài *Cáo Tật Thị Chúng* 告疾示眾 (Cố bệnh báo mọi người) thiền sư kết thúc với hai câu nổi tiếng:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

莫謂春殘花落盡
庭前昨夜一枝梅

(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.)

Riêng dân gian thì có lẽ lại chịu “ảnh hưởng” lời Tề Kỷ tán tụng Trịnh Cốc; thế nên ba chữ *Nhất tự sư* được cải biên thành tục ngữ Việt Nam là *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* 一字爲師, 半字爲師 (Một chữ là thầy, nửa chữ [cũng] là thầy).⁽¹⁾ Và câu tục ngữ này được người Việt dùng để đề cao lòng tôn sư trọng đạo, khuyên học trò phải luôn nhớ ơn thầy.

Nhiều Lộc, 29-4-2019

KHẢI MINH

⁽¹⁾ Người Hoa có thành ngữ: *Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*. 一日爲師, 終身爲父. Học thầy dù chỉ một ngày, suốt đời vẫn xem thầy là cha. (He who teaches you even for a day should be regarded as your father for the rest of your life.)

VÌ SAO NGƯỜI TA LÀM THƠ?

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

Bạn đã đọc bài *Vì Sao Người Ta Làm Ra Tác Phẩm Nghệ Thuật*.⁽¹⁾

Bài này nói về cảm hứng làm thơ. Thơ đến từ đâu là công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Tùng – người soạn bài này.⁽²⁾

Bài này giúp bạn thấy thơ đến từ đâu hết từ tấm lòng nhà thơ – để tránh cho bạn bị mê hoặc vì những con chữ nhiều khi rất hay nhưng không giúp ta cảm thấy nỗi lòng của nhà thơ.

Nhưng chỉ “đến từ nỗi lòng nhà thơ” thì vẫn chưa đủ để thành một bài thơ, càng không thể bảo đảm là bài thơ hay.

Bài thơ, và bài thơ hay, còn là sự đóng góp của những con chữ. Điều này các bạn sẽ còn đi sâu khi nghiên cứu các tác phẩm thơ của những nhà thơ tiêu biểu.

1. Mở đầu

Nhà thơ Mỹ gốc Anh W.H. Auden nêu ra ý tưởng mang tính chất định nghĩa này đối với thơ: *Thơ là biểu đạt trong sáng của những cảm xúc rối bời. (Poetry is the clear expression of mixed feelings.)*

⁽¹⁾ *Đạo Uyển Xuân 2019* (tập 29), tr. 103-114.

⁽²⁾ Trích *VĂN 6: Cảm Hứng Nghệ Thuật (Vì Sao Người Ta Làm Ra Tác Phẩm Nghệ Thuật)*. Hà Nội: Nxb Tri Thức, 2016, tr. 19-39. Xin cảm ơn nhà giáo Phạm Toàn, chủ trương nhóm Cánh Buồm, đã hoan hỷ cho phép Ban Ấn Tổng được trích và lần lượt đăng lại trên *Đạo Uyển* các bài trong bộ sách giáo khoa của nhóm Cánh Buồm. Trong bài in trên đây, những chữ đặt trong dấu ngoặc vuông [...] là do Ban Ấn Tổng thêm vào.

Nếu bạn cũng đồng ý với định nghĩa trên về thơ, có lẽ chúng ta có thể minh họa định nghĩa đó bằng bài thơ của một “tác giả” vô danh. Nào, chúng ta hãy cùng đọc thầm bài *Ru Con* này.

Ru Con

Bồng bồng con nín con ơi
Dưới sông cá lội, ở trên trời chim bay.
Ước gì mẹ có mười tay
Tay kia bắt cá, còn tay này bắt chim.
Một tay chuốt chỉ luồn kim
Một tay đi làm ruộng, một tay tìm hái rau.
Một tay ôm ấp con đau
Một tay vay gạo, một tay cầu cúng ma.
Một tay khung cửi giường xa
Một tay lo bếp nước, lo cửa nhà nắng mưa.
Một tay đi củi muối dưa
Còn tay để van lạy, để bầm thưa, đỡ đòn.
Tay nào để giữ lấy con
Tay nào lau nước mắt, mẹ vẫn còn thiếu tay.
Bồng bồng con ngủ cho say
Dưới sông cá vẫn lội, chim vẫn bay trên trời.

2. Người ta làm thơ cho ai?

Trên kia, các bạn đã đến với ý tưởng về làm thơ: Con người ta làm thơ khi trong lòng rối bời và cần nói tâm sự của mình ra. Nói ra để làm gì? Nói ra để mong có người đồng cảm, mong sao cho vơi bớt nỗi rối bời đó.

Các bạn hãy cùng nghĩ câu trả lời: Giả sử người đàn bà trong bài *Ru Con* bên trên chính là tác giả của bài thơ đó, vậy

người đàn bà tác giả đó có định nói tâm sự rối bời với người chồng không? Tại sao có? Tại sao không? Có định nói những nỗi rối bời với mẹ chồng (hoặc bố chồng, em chồng, chị chồng) không? Tại sao có? Tại sao không? Và có định nói những nỗi rối bời đó với đứa con không? Liệu đứa con có đồng cảm được với người mẹ không? Tại sao có? Tại sao không?

Ngày nay, ta quen làm thơ rồi đưa in báo hoặc in thành sách, rồi bán lấy tiền, có khi vừa có tiền vừa có danh tiếng. Nhưng như trường hợp người đàn bà tác giả bài thơ *Ru Con*, người đàn bà đó có thể gửi in báo nào, có thể in thành sách ở đâu? Liệu người đàn bà tác giả bài thơ *Ru Con* có biết chữ không? Chúng ta sẽ có câu hỏi: Giống như người xưa vẽ tranh trong hang động, có cần biết chữ không? Người xưa không cần biết chữ cũng có thể nói ra lời thơ cho dễ nhớ. Người xưa cũng nói ra lời thơ êm tai cho người khác dễ nghe, dễ nhớ, đó là một cách để cầu mong được thông cảm; khi đó cả đôi bên có cần biết chữ không? Vậy, các bạn hãy tự nêu câu hỏi và tự trả lời: Người mẹ làm thơ để ru con có cần biết chữ không và đứa con nhỏ có biết chữ không?

Vậy người mẹ, hoặc người mẹ làm thơ, hoặc nhà thơ, khi họ có điều rối bời trong lòng muốn nói ra, nhưng biết nói với ai? Nói cho ai nghe?

Nhà thơ Nguyễn Du là người nhiều chữ nghĩa hơn người đàn bà tác giả bài thơ *Ru Con*. Nguyễn Du là người viết *Truyện Kiều* là tập truyện thơ dài hơn ba nghìn câu. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du còn có tên khác là *Đoạn Trường Tân Thanh* nghĩa là “Tiếng kêu đứt ruột”, hoặc “Tiếng kêu xé lòng”. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng rối bời và đứt ruột xé

lòng chẳng kém gì bài *Ru Con* của người đàn bà không biết chữ. Nguyễn Du đã viết những chuyện đứt ruột xé lòng của mình và của mọi người. Nguyễn Du từng viết “*Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*”; câu chữ Nho đó có nghĩa là “*Ai biết hơn ba trăm năm nữa / Liệu có ai thầm khóc thương Tố Như này.*” Tố Như chính là Nguyễn Du đó. Tố Như – Nguyễn Du làm thơ và phải đi tìm người nghe thơ của mình. Và hoài nghi chưa chắc đã tìm được ai đồng cảm.

Nguyễn Du vẫn hy vọng may chăng ba trăm năm nữa liệu có ai hiểu và khóc cho những điều đứt ruột xé lòng ông đã viết ra. Hy vọng như vậy có nghĩa là ngay khi làm xong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du chưa thấy ai có thể đồng cảm với mình.

Chưa thấy ai đồng cảm với mình, Nguyễn Du vẫn viết *Truyện Kiều*. Chưa thấy ai đồng cảm với mình, người đàn bà không biết chữ vẫn hát lên bài *Ru Con*.

Vậy chúng ta có thể đoán gần đúng, rằng người làm thơ khi nói ra hoặc viết ra bài thơ thường là nói cho mình và viết cho mình – nói ra hoặc viết cho vơi nỗi lòng mình đã.

3. Ngôn ngữ thơ chung – mỗi nhà thơ có cách nói riêng

3.1. Nghĩa của lời thơ

Nghĩa của lời thơ vừa giống vừa khác nghĩa thông dụng. Trong nhiều câu thơ, nghĩa của chữ cũng tựa như khi ta đọc một bản tin thời tiết.

Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân
[Nguyễn Du]

Tuy nhiên đó vẫn là một câu thơ. Nếu ta đổi câu ấy, viết khác đi, mặc dù vẫn giữ nguyên từng chữ *Thúy Kiều là chị, Thúy Vân là em*, rõ ràng nội dung thông báo không thay đổi, nhưng câu sau không có vẻ gì là thơ cả. Tại sao? Vì nó thiếu vần điệu, nếu xét trong quan hệ với các câu đi trước và đi sau. Nhưng ngay cả khi tách ra đứng một mình, nó vẫn thiếu nhạc điệu nội tại. Bạn thử nghiệm lại bằng cách đọc to hai câu và so sánh xem câu nào là “bản tin” và câu nào là thơ.

Câu thơ còn có một “nghĩa khác”, không phải nghĩa thông dụng, cần được đọc và hiểu theo cách khác. Muốn thế chúng ta cần phân biệt hai loại nghĩa: *nghĩa ngôn ngữ* và *nghĩa phi ngôn ngữ*, hay *nghĩa đen* và *nghĩa bóng*, hoặc còn gọi là *nghĩa hiển lộ* và *nghĩa ẩn*.

Bữa nay lạnh, tôi đi ngủ sớm.

Là một lời tuyên bố rõ nghĩa: Vì lạnh quá, làm biếng học bài, tạm quên lời nhắc nhở của thầy cô, tôi lên giường đánh một giấc cho xong.

Nhưng câu thơ:

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm [Xuân Diệu]

không còn có nghĩa rõ như thế nữa, vì ai cũng biết mặt trời không đi ngủ, nó chỉ lặn về phương Tây, hay đúng hơn là trái đất, phần chúng ta đang đứng, xoay về phía khuất của mặt trời. Một ví dụ khác, trong cùng một bài thơ:

*Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu*
[Nguyễn Vỹ]

là những câu thơ đẹp, nhưng rất rõ nghĩa. Người ta không thể nhầm sương với tuyết, liễu với mai. Câu thơ có nhiều hình ảnh, nhưng trước hết chúng mô tả một cảnh có thể có thật.

*Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng*
[Nguyễn Vỹ]

thì điều nhà thơ mô tả không thể xảy ra được. Ai cũng biết rằng về mặt vật lý, sương không thể tan trong lòng (con người chúng ta), sương chỉ có thể tan trên đất hay trên cành. Nhà thơ đã tả một điều chỉ có thể xảy ra theo nghĩa bóng, với ngụ ý sự buồn, sự tuyệt vọng về một điều gì đó (tình yêu, giấc mộng lý tưởng...). Những nghĩa bóng, nghĩa hình ảnh, nghĩa ẩn như thế tạo nên một thứ ngôn ngữ riêng, gọi là ngôn ngữ thơ.

Xin lưu ý: Không phải chỉ có thơ mới có cách dùng ngôn ngữ kiểu ấy. Trong đời sống hàng ngày chúng ta đôi khi vẫn vô tình dùng ngôn ngữ *hình ảnh* đấy. Trong lời nói thường:

- Sợ dựng tóc gáy.
- Bị đuổi chạy mất dép.
- Cô ấy là một ngôi sao trong lớp.

Chúng ta không có ý nói một cách cụ thể là mất dép, tóc gáy dựng lên, dù chúng có thể xảy ra thật (mất dép) hay không thể xảy ra (tóc gáy dựng lên). Chúng ta không có ý muốn nói cô ấy là một ngôi sao, vì điều ấy không thể xảy ra

được. Chúng ta chỉ muốn nói cô ấy học giỏi nhất lớp, chơi bóng giỏi nhất lớp, v.v... Chúng ta dùng ngôn ngữ ấy vì rõ ràng chúng hiện ra trước mắt, dễ gây ấn tượng mà người nói mong muốn. Cả hai thứ ngôn ngữ *hiển lộ* và *hình ảnh* thường đan xen vào nhau cả trong lời nói thông thường và trong thơ hay văn học:

*Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?*

Câu thứ nhất là nghĩa đen, câu thứ hai vừa là nghĩa đen vừa là nghĩa bóng, vì múc ánh trăng vàng vừa là hình ảnh có thực vừa biểu tượng cho cái khác, như một đêm trăng đẹp.

Do chỗ nhà thơ chỉ hướng vào nội tâm của mình khi làm thơ, nên mỗi nhà thơ cũng có thói quen nói những gì cho riêng mình hiểu. Và vì thế, mỗi nhà thơ có một cách nói. Các nhà thơ có nhiều cách nói, có thể xếp loại không thật đầy đủ như sau.

3.2. Các cách biểu đạt của thơ

3.2.1. Cách tả cảnh bề ngoài – ẩn giấu nỗi lòng mình

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*

Bài *Thu Điếu* (Mùa thu câu cá) của Nguyễn Khuyến bạn đã được biết đến từ khi học tiểu học. Sách Cánh Buồm khi đó đã hướng dẫn bạn cách đọc chậm rãi, nhắm mắt lại, tưởng tượng ra cảnh mặt ao trong vắt, mùa thu vắng lặng, và đẹp... Thế rồi bạn thấy nhờ bài thơ mà yêu mến thôn quê Việt Nam.

Những chữ bình dân mà mới: *bé tẻo teo, gợn tí, đưa vèo*, làm cho cảnh vật trở nên nhẹ nhõm. Bạn hãy đọc lên cả bài, và có thấy lòng thanh thản, bình tĩnh lại, biết sống với thời gian hiện tại, làm cho thời gian trôi chậm lại. Nhưng bạn hãy tự hỏi: Vì sao nhà thơ Nguyễn Khuyến lại cần đến sự yên tĩnh đến thế? Bạn hãy tưởng tượng và nói ra điều gì khiến ông mệt mỏi và chẳng muốn “chạy nhanh” theo nhịp sống bên ngoài nữa.

Hãy nghe Tú Xương tả vợ mình:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò nơi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

Cảnh lặn lội mom sông là để “tả cảnh” người vợ tần tảo nuôi chồng nuôi con, hay đó chính là nỗi niềm với cuộc đời nhà Nho đã *dài lưng tốn vải* lại thêm nỗi thất thế trước thời cuộc đổi thay và đành phải sống nhờ vợ?

Những câu thơ giản dị tưởng đâu dễ viết, thế mà ngày càng hiếm. Dù chỉ như là tả cảnh, không nói về mình, tình cảm của người viết phải là những xúc động chân thật. Lòng tác giả có khi cũng rối bời.

Điều quan trọng đối với nhà thơ không phải chỉ là họ nhìn vào cái gì, mà họ thấy ra cái gì. Ngay khi tưởng như kể chuyện (câu cá mùa thu, người vợ tần tảo) dường như nhà thơ bao giờ cũng định nói một điều gì khác. Thơ có khả năng làm bộc lộ những kín đáo, ẩn khuất.

3.2.2. Cách nói thẳng tình cảm mình ra

Thơ cũng có khi dùng cách biểu lộ thẳng tâm trạng con

người, thường vẫn được gọi là tả tình:

*Xuân của đất trời nay mới đến
Trong tôi xuân đã đến lâu rồi
[Xuân Diệu]*

Người xưa đi qua trước cảnh hoang phế, như Bà Huyện Thanh Quan:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*

Tình ý mệnh mang mà chữ hạ xuống lại đẹp, giàu nhạc tính, hình ảnh gây cảm giác bồi hồi. Nếu muốn diễn tả ý ấy bằng lời nói hoặc văn xuôi cần nhiều chữ hơn thế, mà vẫn không lột tả hết xúc cảm nén trong bảy chữ kia.

Có khi nói rõ tâm sự:

*Bui⁽³⁾ một tấc lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông
(Nguyễn Trãi)*

Cảnh làm ví dụ cho tình, nhưng vẫn là cảnh của thơ: *tấc lòng, cuồn cuộn*. Ví dụ trở thành biểu tượng. Thiên nhiên là người thầy của con người. Tả tình và tả cảnh thường hòa quyện vào nhau. Tuy là tâm sự của người sống trong thời đại khác, ưu quốc ái dân, nó vẫn giúp ta nối kết được với những cảm nghĩ sâu xa của trí thức ngày nay.

Chưa nói đến nội dung, chỉ hình thức ngôn ngữ cũng nói lên tâm trạng:

*Tháng tư đầu mùa hạ
Tiết trời thực oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha
Đàn muỗi bay lả tả
[Nguyễn Khuyến]*

Nếu so với đoạn thơ tả mùa thu cũng của Nguyễn Khuyến, trong trẻo, thì bài thơ tả mùa hạ, với vần trắc [*hạ, ả, tả*], gây cảm giác ngột ngạt của thời tiết và tất nhiên có thể ngụ ý về xã hội lúc ấy. Nhạc điệu là một phương cách hoạt động trực tiếp hơn cả của ngôn ngữ.

Mặt khác vì thơ có khả năng nói những điều bí ẩn, nó có thể làm người đọc bối rối, như người quen che giấu mình phải tự bộc lộ ra. Khả năng hiển lộ trong bối cảnh thân mật không phải là một khả năng mà ai cũng sở hữu.

3.2.3. Cách kể chuyện

Một trong những chức năng của thơ từ thời xa xưa là kể chuyện, như trong các trường ca dân gian hay các tác phẩm văn học viết.

*Chín tầng gươm báu trao tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh
(Chinh Phụ Ngâm)*

Mới hơn, gần gũi với chúng ta hơn:

*Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em dậy
Em vấn đầu soi gương*

Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp hóa thân vào nhân vật, một

⁽³⁾ *bui*: (Từ Việt cổ) chỉ có. [Đạo Uyển chú]

cô bé kể chuyện duyên dáng. Nhân vật trong thơ chỉ bắt đầu cất lên tiếng nói của mình, khi nào tất cả những người xung quanh đều ngừng nói chuyện, chấm dứt cãi vã, im bất xì xào, lắng nghe. Có lẽ từ thời khởi thủy của con người, người ta đã bắt đầu biết kể chuyện thông qua các hình thức thơ ca. Ngắm một bức tranh, bạn phải mang bức tranh ấy về nhà. Nghe một bản nhạc, bạn phải tự thân đến buổi hòa nhạc. Nhưng để đọc một bài thơ, bạn chỉ cần ghi nhớ nó:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*
[Hàn Mặc Tử]

Cũng như trong phim ảnh, kể chuyện không phải là để cho nhân vật đứng thuyết giảng dài dòng về tình cảm hay đạo đức, mà để cho nhân vật hành động, cảnh vật diễn ra. Những nhà thơ xuất sắc là những người kể chuyện rất tài tình, rất kiệm lời.

3.2.4. Cách nói quan niệm của mình

Có tính khuyên răn, như Nguyễn Đình Chiểu trong *Lục Vân Tiên*:

*Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình*

Người xưa gọi là *thi ngôn chí*, dường như để chỉ loại thơ nói lên quan điểm đạo đức luân lý của tác giả. Tuyên ngôn, thuyết phục, mà vẫn có giọng tâm tình, bè bạn, trong thơ Nguyễn Công Trứ:

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay*

*Chí làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.*

Nhưng có khi quan niệm sống được diễn tả gián tiếp qua việc mô tả cảnh sinh hoạt:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*
(Nguyễn Bình Khiêm)

Như thế quan niệm trong thơ không cần phải là các tuyên bố, chúng có thể được thể hiện trên cái giá đỡ của các hình ảnh, trên sơ đồ của hiện thực, của một không gian cụ thể. Thơ chứng cất hiện thực, và chính lẽ lối chứng cất ấy thể hiện quan niệm của nhà thơ. Trong cùng một bài thơ, nghệ thuật tả cảnh, tả tình, nghệ thuật kể chuyện đan xen vào nhau.

3.2.5. Cách cười vui, châm biếm, đả kích

Nguyễn Khuyến cười hiền lành, dí dỏm mà thâm thúy:

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu, sóng cả, khôn chài cá
Vườn rộng, rào thưa, khó đuổi gà.*

Khuyên hướng thơ châm biếm xã hội, như cảnh gia đạo suy đồi:

*Nhà kia lỗi phép con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng*
(Trần Tế Xương)

Đả kích các trò mua vui hời hợt để người dân quên đi trách nhiệm với đất nước:

*Khen ai khéo vẽ trò vui thế
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu.
(Trần Tế Xương)*

thời nào cũng đúng.

Hay tự cười mình:

*Ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch bịch,
người quân tử ăn chẳng cầu no
Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho,
thời thái bình cửa thường bỏ ngõ.
(Nguyễn Công Trứ)*

Chỉ cần chúng ta hiểu hai câu phú trên theo lối trái nghĩa, thì sẽ thấy sự mỉa mai châm biếm của nhà thơ qua những hình ảnh mộc mạc, hài hước, giản dị.

Thơ trào phúng là thơ thể sự, có tính chất hướng ngoại. Thơ trữ tình cá nhân không cao hơn cũng không thấp hơn thơ thể sự. Tuy nhiên vẫn có sự hòa hợp giữa thơ trữ tình và thơ thể sự nếu cái cười của nhà thơ hướng về nội tâm.

3.2.6. Cách vui chơi với ngôn ngữ

Vui chơi là một nhu cầu. Không phải ai cũng biết vui chơi, vì đó còn là một kỹ năng, có khi cần phải học. Vui chơi là một hoạt động tự thân không có mục đích, với nghĩa là không đem lại những lợi ích cụ thể, tuy nhiên tác dụng của chúng lại rất lớn đối với tâm trí vì nó giúp thư giãn, tăng cường hoạt động, nâng cao đời sống tinh thần.

*Ve sầu kêu ve ve
Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bắc thổi
Nguồn cơn thật bối rối*

Trên đây là một đoạn thơ [của La Fontaine] dẫn từ bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh ai cũng biết và thuộc. Nhưng khi đọc những câu thơ sau đây của Nguyễn Vỹ:

*Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu*

Ta có thể không để ý lắm đến nghĩa của nó, nhưng nhạc điệu của câu thơ gây cảm giác êm dịu trong lòng, vì đó là nhịp điệu của sự rơi của giọt sương, phù hợp với những nhịp điệu khác của cơ thể, như nhịp tim, bước chân, gây ra tình trạng hoạt động, khoan khoái.

Sự vui thú của ngôn ngữ và ý nghĩa của một bài thơ là hai vấn đề quan trọng trong sáng tác. Ý nghĩa một câu thơ càng rõ thì câu thơ càng dễ hiểu và ngược lại, như vậy việc dễ hiểu hay khó hiểu của một bài thơ đối với người đọc gắn liền với việc người đọc nắm được “ý nghĩa” của bài thơ đến đâu. Mặt khác, ý nghĩa càng rõ thì khả năng chất chứa thông tin càng thấp, ý nghĩa càng mơ hồ thì lượng thông tin càng cao.

Thử đọc hai câu thơ của Nguyễn Bính :

*Anh đi đấy, anh về đâu
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm.*

Chưa kịp hiểu nghĩa, cũng đã thấy hay. Nội dung ý nhị nhưng cái hay lại nằm ở lối chơi chữ. Làm thơ là để đi tìm cái mới. Trước hết là mới trong cách nói. Khi Nguyễn Du viết:

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san

Tưởng sau đó thì không ai có thể nói thêm về mùa thu

nữa, nhưng Đinh Hùng lại viết giản dị, mà vẫn cứ mới, mà hình như chưa ai nói trước đó:

Thu về em đã gặp thu chưa?

Nhà thơ Saint John Perse từng viết: *"Thi sĩ là người phá vỡ các thói quen của chúng ta."* Sự làm mới trong thơ thường bắt đầu từ các khoảng cách, các dịch chuyển ra khỏi chuẩn tắc. Có một sự xô lệch, một quãng trễ, giữa điều mà bạn cảm thấy và điều mà bạn có thể bày tỏ. Trong trường hợp này, hình ảnh và âm nhạc trong thơ làm nhiệm vụ nối kết các khoảng cách ấy. Muốn đi tìm sự mới mẻ, nhà thơ cần khả năng trở thành kẻ ngây thơ bờ ngỡ.

Thơ đầy ngạc nhiên, vì thơ không phải là kiến thức.

Khôn quá thì không làm thơ được. Nhưng làm thơ cũng là cách để bạn tập diễn đạt ngắn gọn, chính xác, là loại bỏ thói quen ba hoa, thừa thãi.

Mai cốt cách, tuyết tinh thần.

[Truyện Kiều]

Tả cái đẹp bên trong và cái đẹp bên ngoài của hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ cần một câu sáu chữ, uyển nhả mà trầm trọng, thoang thoảng mà sắc bén, bề ngoài như mô tả khách quan mà bên trong giấu nỗi đau thầm kín.

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu, giấy đỏ

Bên phố đông người qua

Là một đoạn văn mô tả tuyệt đẹp một khung cảnh ngày nay khó còn gặp được. Không một chữ thừa trong cả bốn câu

thơ. Ngay những người không có ý định trở thành nhà thơ cũng có thể học được ở kỹ thuật ngắn gọn của thơ những bài học giá trị.

Thi sĩ lừng danh Joseph Brodsky đã từng viết: *"Càng đọc thơ, bạn càng trở nên khó chịu trước thói diễn đạt luộm thuộm dài dòng, dù trong diễn văn chính trị hay triết học, dù trong môn lịch sử, xã hội nhân văn hay trong nghệ thuật tiêu thuyết."*

3.2.7. Cách giao tiếp hoặc quan hệ

Anh đi đường anh tôi đường tôi

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi

Đã quyết không mong sum họp mãi

Bận lòng chi nữa lúc chia phôi

Đó là những lời của nhà thơ Thế Lữ nói với Nhất Linh, tác giả *Đoạn Tuyệt*, lời chia tay ngậm ngùi của hai người bạn thân, lưu luyến. Một quan hệ bị đổ vỡ hay sự thương nhớ giữa hai người xa cách, sự mất mát của một người, tạo ra nỗi cô đơn, lòng thương xót, nhiều khi kéo dài cả đời. Ai nói hộ chúng ta điều ấy? Hầu hết chúng ta sẽ đi suốt cuộc đời mình với một vài vết thương âm ỉ, sâu, kín, và một vài gánh nặng tinh thần trên vai.

Quan hệ không những giữa người và người mà còn giữa người và con vật, hay cây cối, thiên nhiên.

Cây bàng lên búp nhỏ

Xanh như là thương nhau

(Lưu Quang Vũ)

Chữ nhẹ nhàng mà tình xúc động. Tuy vậy, thơ Việt Nam chưa có truyền thống đi sâu vào các mối quan hệ cá nhân

phức tạp. Có thể hình dung một nhà thơ đề cập tới tình thương trong gia đình dễ hơn nhiều so với việc đề cập đến những tổn thương, rạn vỡ, căm giận và những hối hận. Thơ làm tăng tiến khả năng chú ý, giúp bạn sống sâu xa từng giây phút, nâng cao tinh thần trong một thế giới đau khổ, giúp con người dũng cảm trước dặm đường khó khăn:

*Em mơ cùng ta nhé
Bóng ngày mai quê hương
Đường hoa khô ráo lệ
(Quang Dũng)*

Thơ có khả năng chia sẻ lớn lao, và vì thế nó là trụ cột của giao tiếp từ khi con người biết đến lửa và biết sống thành những nhóm, bộ lạc, gia đình.

*Thơ nói cho bạn nghe: bạn là ai
Vì sao bạn trượt chân, ngã sóng xoài
Và bằng cách nào, lạ lùng thay, bạn lại đứng lên
(Maya Angelou)*

Hình thức giao tiếp quan trọng trong thơ là nhịp điệu, tiết tấu.

*Tà tà bóng ngả về tây
(Truyện Kiều)*

Nhịp điệu quan trọng lắm: hai chữ *tà tà* đọc chậm, sau hai chữ ấy bạn dừng một khoảng ngắn, chữ *ngả* hơi được nhấn mạnh hơn, khác với cũng câu thơ ấy mà đọc nhanh, đều đều, nó trở thành vô hồn.

3.2.8. Cách tìm sự thật hoặc ý nghĩa sự vật

Trong khi mô tả những cảm xúc của mình, những hoàn

cảnh mà mình đã gặp, nhà thơ có thể tìm thấy sự thật trong chính ngôn ngữ đặc thù của thơ ca. Sự thật thường bị lấp khuất ở dưới những khía cạnh khác của đời sống, bị lộ ra khi thi sĩ chạm tay vào bằng ngôn ngữ thơ của mình. Đó không phải là một thứ sự thật báo chí, mà là sự thật của tâm hồn, của những thể nghiệm của người viết.

*Đường trong làng: hoa dại với mùi thơm
Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm*

Đọc hai câu thơ này của Huy Cận, ta cảm được không khí thanh nhàn thời ta còn bé, miền tâm linh dân tộc ngày nay khó còn giữ được.

Làm thơ là để đi tìm các ý nghĩa. Mục đích của đời sống không phải là thành công hay hạnh phúc, mà là ý nghĩa. Sự hy sinh của cha mẹ sẽ không đem lại lợi ích gì nếu các con của họ không hiểu vì sao cha mẹ hy sinh cho con cái.

Những Chủ Nhật Mùa Đông

*Cha tôi dậy sớm vào cả ngày Chủ Nhật
Thay áo quần trong tối lạnh mờ xanh
Bàn tay cha nứt nẻ vì công việc
Nhóm lửa lò cháy rực. Chẳng ai cần*

*Nói cảm ơn. Tôi thức giấc, than hồng
Lách tách, bếp ấm dần, cha mới gọi tôi
Dậy mặc áo quần, nhưng tôi lười nhác
Căn nhà xiêu cột kèo kêu rảng rặc*

*Tôi cũng chuyện trò ầm ớ với người
Cha dậy sớm chẳng phải vì tôi sao?
Và đánh bóng những đôi giày dơ bẩn*

*Nhưng tôi có để ý gì đâu. Nào biết gì đâu.
Mưa nắng dãi dầu, tình yêu khổ hạnh
(Robert Hayden)*

*Kỳ họ lưng nhau ngang bờ cát trắng
Quờ chân tìm hơi ấm đêm mưa.
(Hồng Nguyên)*

3.2.9. Cách tạo thay đổi

Thay đổi vì một xã hội, một đất nước, một thế giới tốt đẹp hơn là ý nguyện của nhiều nhà văn, nhà thơ.

Thay đổi trước hết bằng lời kêu gọi nồng nàn, lý lẽ thuyết phục, hướng tới đám đông:

*Một là vua, sự dân chẳng biết
Hai là quan chẳng thiết gì dân
Ba là dân chỉ biết dân
Mặc quân với quốc, mặc thần với ai
(Phan Bội châu, Hải Ngoại Huyết Thư,
bản dịch của Lê Đại)*

Thơ yêu nước thường buồn, cảm khái, như thơ Đặng Dung:

*Quốc thù vị báo đầu tiên bạc
Kỷ độ long tuyền đá nguyệt ma
(Thù trả chưa xong đầu đã bạc
Bao phen mài kiếm dưới trăng tà)*

Nhưng cũng có thể vui hơn, lạc quan hơn:

*Chúng tôi đi
Nắng mưa sồn mép ba lô
Tháng năm bạn cùng thôn xóm
Nghỉ lại lưng đeo
Nằm trên dốc nắng*

Chúng ta có thể thay đổi thế giới, nhưng chỉ có thể bắt đầu sự thay đổi ấy trước hết từ bản thân ta. Cô gái Malala Yousafzai mười bảy tuổi, giải Nobel Hòa Bình [2014] có nói: *“Chúng ta hãy nhớ: Một cuốn sách, một ngòi bút, một đứa trẻ, và một người thầy, có thể thay đổi thế giới.”*

Thơ chính trị, thơ cách mạng đều có ý ấy, nhưng các nhà thơ có cách nói khác nhau. Như Walt Whitman:

*Tôi ca ngợi tôi, tôi ca hát về mình
Tôi tin tưởng điều chi, bạn nghĩ điều như thế
Mỗi nguyên tử thuộc về tôi tất thấy thuộc loài người.*

Không phải chỉ có thơ chính trị, thơ cách mạng, hay thơ phản kháng mới có thể tạo ra các thay đổi. Những lời tâm sự, những ưu ái tình cảm, một khi được buông ra một cách nghệ thuật, đều có khả năng ấy. Tôi tự hỏi biết đâu mấy câu thơ của Vũ Đình Liên:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già*

đã không khỏi khiến bao người chạnh lòng cảm thương, góp phần làm cho phong trào xin câu đối ngày xuân phát triển như hiện nay? Các tuyên bố hùng biện chưa chắc có tác dụng bằng!

3.2.10. Cách đi sâu vào tâm hồn mình

Trò chuyện với chính mình. Đi vào bên dưới các bề mặt, và lắng nghe:

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng
(Thâm Tâm)*

Đọc lên thì ta thấy tiếng sóng trong lòng thật, tức là thấy được dòng trôi chảy va đập của tâm hồn mình, của nỗi niềm tâm sự của mình. Những câu thơ như thế dạy người ta sống có chiều sâu, tập cho người ta biết lắng nghe thiên nhiên và lắng nghe cuộc đời. Vượt qua thời gian, để chuộc lỗi. Khi bạn lớn đến một tuổi nào đó, sự giới hạn của cuộc đời, tuổi già, sự tan vỡ, sự chấm dứt, cái chết, sẽ ám ảnh bạn. Bạn thấy mình nhỏ bé trước cõi nhân gian rộng lớn, vũ trụ vô cùng. Hơn thế nữa sự mất mát của một người thân, cha mẹ, bạn bè, làm bạn tổn thương, bạn muốn chống lại điều ấy.

Bằng cách nào? Bằng cách nương tựa vào người khác, vào thế hệ đi trước chúng ta và thế hệ đi sau chúng ta. Tức là dựa vào sự liên tục, tính liên tục của kiếp người. Thơ giúp bạn thấy được điều ấy, kéo dài một kỷ niệm chốc lát trở thành vô hạn trong ký ức, làm cho sự sinh nở và cái chết có thể giao thoa với nhau, xen lẫn vào nhau trong một đầu mối của chu kỳ sinh diệt.

*Em còn nhớ không Barbara
Em còn nhớ không Brest hôm xưa
trời mưa không ngừng giữa đôi ta*

Brest là một thành phố hải cảng ở vùng cực Tây của Pháp. Barbara là tên một người thiếu nữ. Ai cũng muốn được như Jacques Prévert đóng đinh kỷ niệm về người thiếu nữ ấy, thành phố ấy, ngày mưa ấy, tình yêu kia, vào ký ức vĩnh viễn của nhân loại trong bài thơ *Barbara* được nhiều người ưa thích của ông.

*Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
[Bạch Cư Dị, Tỳ Bà Hành, Phan Huy Vịnh dịch]*

Bến Tầm Dương ở đâu chắc không mấy ai biết, nhưng nó trở thành một nơi chốn đi về trong tâm hồn người Việt từ khi có bản dịch *Tỳ Bà Hành*. Con người sinh ra, tự trong bản chất, đều muốn để lại dấu vết lâu dài cho cuộc đời ngắn hạn. Tình yêu và sáng tạo có lẽ là hai thứ quý giá nhất mà chúng ta muốn để lại.

Nhưng bạn có để ý Brest và Barbara cùng một vần B không? Còn câu thơ trong bản dịch *Tỳ Bà Hành* có hai âm *kh* chiếu chênh chếch vào nhau không?

Không phải vô lý khi Henry Thoreau, nhà văn và nhà triết học Hoa Kỳ, nói rằng: “*Every man wants to be a poet if he can.*” (Ai cũng muốn trở thành thi sĩ nếu họ có thể làm điều ấy.) Một bài thơ hay là một bài thơ mà các chữ mang đầy năng lượng. Năng lượng là ý nghĩa, ý nghĩa là hòn đảo nổi lên trên bề mặt tối của vô thức. Thương tiếc cái mất mát, lỡ làng, như người con gái đẹp mà bạc mệnh, thì câu thơ của Nguyễn Du:

Nửa chừng xuân thoát gậy cành thiên hương

có thể kéo dài được về đẹp ấy, tưởng đến vô hạn.

Làm thơ cũng là để đi tìm cõi bình an hay niềm tin ở bên trong, tìm sự an ủi và nhẹ nhõm. Có một cõi lặng lẽ ở bên dưới các bề mặt, ít lo âu hơn, có thể mang lại an bình cho một người. Bạn tìm ra được căn phòng trong ngôi nhà của mình, nơi bạn có thể ngồi một mình, ca hát một mình, khóc thương cho lầm lỗi của mình, suy nghĩ một mình, và sau đó khi bạn trở lại với cuộc đời ngoài kia, bạn sâu sắc, vững chãi hơn.

*Trước khi bạn biết lòng tử tế là gì
Bạn phải mất đi nhiều thứ*
(Naomi Shihab Nye)

Trong các hình thức văn học, có lẽ thơ gần với cảm giác bình an nhất. Vì bình an mà thời gian trôi chậm lại: Thơ làm cho một người sống lâu hơn thời gian của chính mình.

4. Thử bàn về “công việc” làm thơ

Làm thơ là công việc đòi hỏi sự hồn nhiên, trong sáng, thậm chí thơ ngây. Nhưng thơ hay lại cần đến sự lão luyện về ngôn ngữ. Lão luyện mà vẫn hồn nhiên, trong sáng, vẫn thơ ngây – ấy mới tài!

Để giải thích thế nào là hồn nhiên, trong sáng, thơ ngây, không gì thuận tiện bằng xem xét thơ thiếu nhi và thơ “cho” thiếu nhi.

Đây là hiện tượng giao tiếp đặc biệt, giữa trẻ con và trẻ con, giữa trẻ con và người lớn, viết bởi trẻ con hoặc bởi người lớn. Xin lấy vài ví dụ:

*Hôm nay trời nắng chang chang
Mèo con đi học chẳng mang thứ gì*
(Phan Thị Vàng Anh)

*Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy*
(Trần Đăng Khoa)

Những khổ “thơ thiếu nhi” trên có hay không? Có chứa đựng nhiều giá trị nghệ thuật không? Thật khó trả lời!

Còn một lĩnh vực nữa cũng thử thách tính chân thực đầy lão luyện của thơ – đó là lĩnh vực thơ ngưỡng mộ hoặc bộc lộ tình yêu với đấng cao siêu.

*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng*
(Hàn Mặc Tử)

Chúa, Phật, Thượng Đế, trong trường hợp những người có niềm tin tôn giáo, hoặc những xúc cảm mang tính tâm linh, sự cảm thán, lòng tri ân đối với tình yêu, cái đẹp, sự bao dung và nhân ái.

*Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi
Chỗ Người ngồi: một thiên-thu tuyệt-tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ-Bi*
(Vũ Hoàng Chương)

Đối với những người có niềm tin vào các đấng thiêng liêng, làm thơ có thể giúp họ tạo ra những liên kết với thần linh, với Thượng Đế, tỏ lòng tri ân, tìm kiếm sự nương tựa. Không phải khi nào họ cũng nói về Thượng Đế nhưng bao giờ trong thơ cũng bàng bạc niềm tin bao la. Đây là thơ của Rumi, nhà thơ A Rập:

*Phía sau đúng và sai
Có một cánh đồng
Ta hẹn người ở đó.*

Và Quách Thoại:

*Đứng im ngoài hàng giậu
Em mải nụ nhiệm màu*

Trong hai câu thơ của thi sĩ Quách Thoại, không chỉ có cảnh vật mà cả cảm xúc như được chiếu rọi bởi ánh sáng của một thứ giao hưởng giữa người và vũ trụ.

5. Vài lời kết luận

Có nhiều cách để trả lời câu hỏi *Tại sao người ta làm thơ?*, như đã trình bày, và có thể còn nhiều nữa.

Đặt câu hỏi đó để làm gì? Để đi tìm ý nghĩa cho việc đọc thơ và làm thơ.

Tại sao cần tìm ý nghĩa đó? Vì con người ngày càng ít lưu tâm đến thơ.

Các nghệ thuật khác như ca nhạc, sân khấu, phim ảnh... đang lấn át thơ. Ta cần về nhà, đóng cửa lại, vặn thấp ngọn đèn, ngồi một mình, một góc, một bóng, khóc một mình, cười một mình. Không có cách nào khác để đến với thơ.

Làm thơ và đến được với thơ là công việc hồn nhiên, trong sáng, có khi thơ ngây. Nhưng thơ còn cần đến cả sự trải nghiệm. Đầy trải nghiệm mà vẫn hồn nhiên, trong sáng, vẫn thơ ngây – ấy là cái đích ta hướng tới...

Cái đích trên con đường đi tìm cái Tôi không được để bị mất. Trong mỗi con người chúng ta vẫn còn có một cái tôi nhân từ, thương yêu, dũng cảm và yếu đuối, ngu ngốc và thông minh, hài hước, nghiêm trang, thơ mộng.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

ĐỀN SÔNG QUÊ TA

Em có về Bím Sơn,
Thanh Hóa
Nhớ ghé Đền Sông
Nơi thờ
Thánh Mẫu Vân Hương
Huyền tích xưa
Người con gái phi thường
Hiếu để, thiện lương,
thủy chung, bất khuất
Vân vũ giáng thẳng
Phú thi chuẩn mực
Khát vọng giúp người,
xây đắp non sông
Vong kỷ, ái tha
Nam nữ chung đồng
Chỗ dựa, niềm tin
Muôn đời ngưỡng vọng
Ta nơi đây
Bao nỗi niềm lắng đọng
Màu nhân sinh
Mong ngóng, đợi chờ

Lịch sử Tiên Rồng,
Quốc Mẫu Âu Cơ
Truyền thống dân ta
con Hồng, cháu Lạc
Liễu Hạnh Mẫu Nghi
đời đời bia tạc
Phủ Giày, Phố Cát...
Cả Bắc, Trung, Nam
Miên man
Nẻo Thánh, lối phàm
Đường Tiên, cõi tục
Những hương về
cội nguồn dân tộc
Kế thừa
văn hóa tinh hoa...
Em có về quê ta
Nhớ ghé Đền Sông
Bím Sơn
Thanh Hóa.

ĐỖ THỊ KẾT



HOÀI NIỆM TỪ CALGARY

TRẦN NGỌC HƯỜNG

Calgary, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Kính gửi Ban Ấn Tống,

Tôi đã nhận được *Đạo Uyển Hạ 2019* do Ban Ấn Tống gửi tặng. Tôi rất xúc động và bàng hoàng khi đọc tin về sự ra đi của Bảo Học Quân Thanh Căn (tr. 17-24).

Cùng với sự vui mừng ngày hiền huynh Thanh Căn trở về phục lệnh Đức Chí Tôn nơi Đào Nguyên muôn thuở, chúng ta không khỏi buồn ngùi trong ngày bạn đạo về ngôi, lưu lại một sự mất mát, một nỗi buồn vô hạn: Người về Tiên, nhơn hiền đắc quả, kẻ ở lại trần...

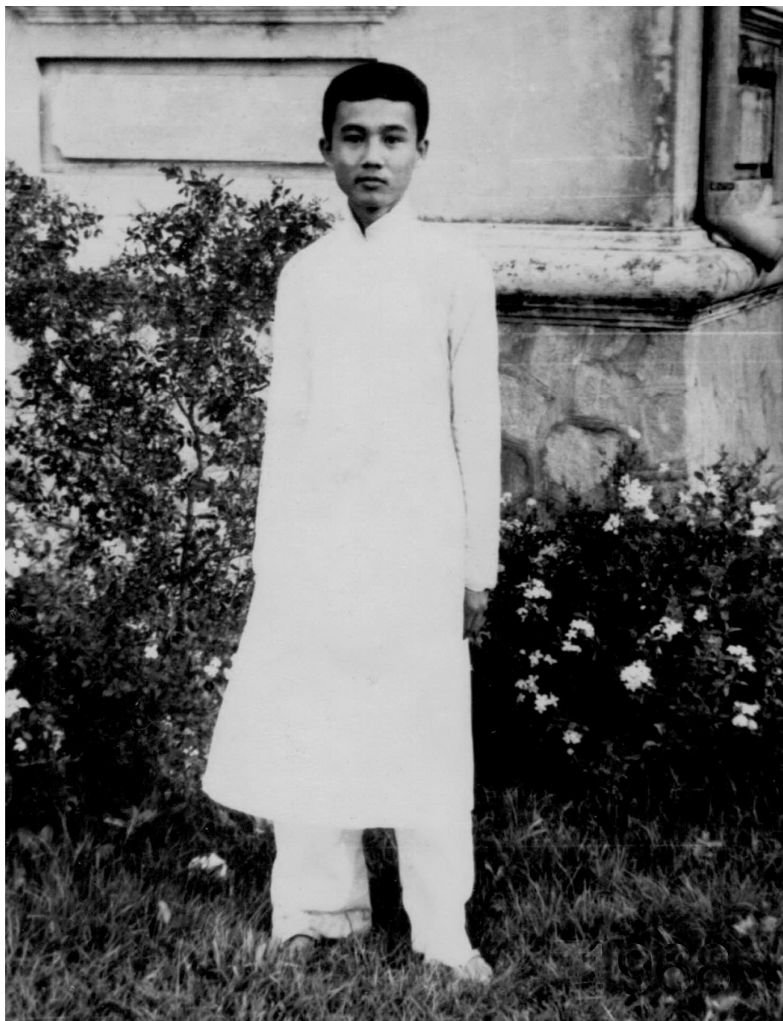
Theo bài viết của Huệ Khải, với lời tâm sự của hiền huynh Thanh Căn: *"Tôi sẽ xin Thầy cho trở lại để làm tiếp chuyện đạo còn dang dở . . ."* – thật là một gánh đạo oằn vai cho người đạo đồ có chí nguyện phó thác tất cả vào Thầy đỡ nâng, đối diện thăng trầm, thử thách mà trước sau vẫn trọn *"lòng con tin đấng Cao Đài"*.

Mấy lần tôi muốn liên lạc với ông đạo Thanh Căn mà quá ngại ngùng vì biết rằng huynh quá đa đoan công việc, rồi tôi bị "lỡ" cho tới bây giờ, rất hối tiếc.

Tôi sinh hoạt nơi thánh tịnh Minh Đức từ lúc còn ở Mỹ Tho và trong một dịp cúng kính ở Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, Thanh Căn có biểu cho Trần Anh Tuấn (con trai tôi) một quyển kinh có chữ ký và chụp hình với nhau khi mặc đạo



Đồng tử THANH CĂN Phan Ngọc Lợi thuở mười lăm tuổi chân dung tự họa năm 1965 (ảnh do Phan Ngọc Huy tặng)



Đồng tử THANH CĂN Phan Ngọc Lợi (18 tuổi). Ảnh chụp tại Mỹ Tho năm 1968. Hiền huynh Trần Anh Tuấn (Calgary, Alberta, Canada), hậu duệ tiền bối Trần Nguyên Lượng (Đức Chiêu Minh Chơn Thánh), gửi tặng Huệ Khải ngày 16-6-2019.

phục (khoảng mười lăm tuổi). Thời gian đã quá lâu, chẳng biết Thanh Căn có còn nhớ không nếu tôi nhắc lại kỷ niệm.

Cùng lưu lại với những đạo sự và xuyên qua huyền diệu cơ bút, Ôn Trên đã ban ơn cho gia đình tôi những bài đàn cơ của Đức Chiêu Minh Chơn Thánh,⁽¹⁾ cũng như người cô thứ ba là Liên Chơn Tiên Nữ⁽²⁾ và người cô thứ năm là Kim Nhân Ngọc Nữ.⁽³⁾

Hơn mấy mươi năm với phận sự tiếp diễn, đồng tử Thanh Căn đã đóng góp bao nhiêu là công sức...

Còn đây bốn quyển *Tìm Hiểu Kinh Sám Hối, Tìm Hiểu Ngũ Chi Đại Đạo, Ba Món Báu Của Người Đạo Cao Đài, Giọt Ngọc Kim Bàn*, mà người viết đâu tá?

Thôi thì người đi kẻ ở, tôi gởi trọn lòng thành kính mến thương về chơn linh Thanh Căn:

*Bên cõi an nhàn phúc lạc
Miên man mùi vị thanh tao
Trần gian ta bà rũ sạch
Đào Nguyên vui cảnh tiêu dao.*

TRẦN NGỌC HƯỜNG

Đạo Uyển chú:

⁽¹⁾ Ngài thế danh là Trần Nguyên Lượng (1877-1968), đốc phủ sứ, nội tổ của hiền tử Trần Ngọc Hường.

⁽²⁾ Ngài thế danh là Trần Ngọc Anh (1905-1988), tức Cô Ba Kim Quang Đàn, ái nữ thứ ba của tiền bối Trần Nguyên Lượng.

⁽³⁾ Ngài thế danh là Trần Ngọc Yến (1909-1931), ái nữ thứ năm của tiền bối Trần Nguyên Lượng.

LÁ THƯ TRÀ VINH

Trà Vinh, ngày 26 tháng 6 năm 2019

Thưa Ban Ấn Tống,

Tôi xin tự giới thiệu là Từ Ánh, cha của Từ Mỹ Tường Khánh.⁽¹⁾

Qua những lần tiếp nhận kinh sách ấn tống của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo do Ban Ấn Tống gửi đến, tôi, gia đình và Khổng Thánh Miếu (các đạo hữu của Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo) vô cùng cảm kích. Không ngờ nơi xa xôi như Trà Vinh và các đạo hữu ở Minh Đức đây lại được quý Chương Trình ưu ái đến thế.

Chúng tôi rất tâm đắc với những bài viết, với những thánh giáo trích đăng có lời chú thích rõ ràng và chi tiết khiến chúng tôi mở rộng tầm hiểu biết về Đại Đạo.

Tôi xin mượn lời của Đức Chúa Giê-su để nói lên những cầu mong cho những người trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách và những người lao tâm, nặn óc viết bài: “Không có kẻ nào làm công mà chủ không trả công, huống chi Thiên Phụ là một ông chủ rất tốt.”

Cầu chúc quý đạo hữu sức khỏe dồi dào để phục vụ Đại Đạo.

Kính lời.

TỪ ÁNH

⁽¹⁾ Cô giáo Tường Khánh thay mặt Khổng Thánh Miếu để tiếp nhận kinh sách ấn tống do Chương Trình gửi biểu. (Đạo Uyển chú)

Hiền huynh Từ Ánh kính mến,

Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo là một chi thể của thánh thể Đại Đạo mà Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ ban ơn cho nhơn sanh nói chung, đồng bào chúng ta ở Trà Vinh nói riêng. Kỳ Ba này Đức Thượng Đế dụng *Nho Tông Chuyển Thế* để tái lập đời thượng nguơn thánh đức, đem lại ngày Nghiêu thánh Thuấn cho cõi ta bà. Như thế suy ra Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo đương nhiên đã và đang có một trọng trách trong công cuộc Nho Tông Chuyển Thế tại quê hương con Hồng cháu Lạc.

Nhờ hữu duyên, chúng đệ muội từng được hiền tỷ Chơn Điền Huỳnh Kim Chi ưu ái cho tham khảo bản thảo lịch sử *Chí Thiện Đàn* (Trà Vinh) và *Tân Dân Đàn* (Sài Gòn) đều thuộc Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, nhờ vậy mà có hiểu biết và rất kính mộ những tấm gương khai đạo, hoằng đạo, giữ đạo... của các bậc tiền nhân chân tu đạo hạnh, và rất đồng cảm với những thử thách mà quý Thiên ân hướng đạo ở Minh Đức Nho Giáo đã và đang kiên gan, bền chí vượt qua.

Chúa dạy: “Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học. Chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, Thầy bảo cho anh em biết, ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy, nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn mai đã quắt vào lò, mà Chúa Trời còn cho mặc đẹp như thế, thì huống hồ là anh em ...” (Mát-thêu 6:28-30)

Thưa vâng, những hy sinh phụng đạo của cộng đồng đạo chúng Minh Đức Nho Giáo vì thế luôn được Đức Trời Cha chăm công và ban thưởng. Chúng ta đều tin chắc như vậy và cầu nguyện rằng qua rồi những cơn thử thách, thì Minh Đức

Nho Giáo cũng như mọi chi thể khác trong cùng thánh thể Đại Đạo sẽ càng thêm phát triển bền vững, mà hệ trọng hơn cả chính là làm sao gây dựng được những lớp trẻ tài tuấn và tâm huyết nhiệt thành để tiếp nối đạo nghiệp tiền nhân.

Chúng đệ muội rất cảm kích những lời lành chứa chan mỹ ý mà hiền huynh Từ Ánh thay mặt quý huynh tử Khổng Thánh Miếu đã khích lệ và chúc phúc cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng. Mỗi giao tình tương liên đã có, thì từ nay chúng ta càng thuận tiện hơn trong ý hướng cộng tác tu học. Vì vậy, bất kể lúc nào, nếu quý huynh tử ở Trà Vinh cần thêm kinh sách, xin chớ ngại cho chúng đệ muội được cơ hội hoan hỷ phụng sự với lòng biết ơn sự quan tâm của quý huynh tử.

Kính chào hiền huynh Từ Ánh và kính nhờ hiền huynh chuyển lời chúng đệ muội đến quý thiện hữu ở Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo.

BAN ẤN TỔNG



KHỔNG THÁNH MIẾU (Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, Trà Vinh). Ảnh do hiền tử Chơn Điền Huỳnh Kim Chi tặng.

ĐẾN VỚI NHAU

THƯ VIỆN LIÊN HOA CỬU CUNG THIÊN ĐẠO HỌC ĐƯỜNG

Thứ Năm, ngày 09-5-2019, Chánh Hội Trưởng Thiện Quán Quân thay mặt Ban Cai Quản Liên Hoa Cửu Cung – Thiên Đạo Học Đường (119 quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp.HCM) gửi văn thư đến Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo với mỹ ý mong nhận được các kinh sách đã xuất bản. Văn thư cho biết (trích):

Chương Trình Chung Tay ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo hoạt động từ năm 2008 đến nay đã cho ra đời rất nhiều kinh sách, giúp cho người tín hữu Cao Đài được học tập, tìm hiểu về thánh ngôn, thánh giáo; các bài viết sâu sắc nhằm bồi dưỡng kiến thức giáo lý, làm sáng hơn đức tin với Thầy với Đạo.

Trong thời gian qua Liên Hoa Cửu Cung đã nhận được rất nhiều ấn phẩm của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo và được sự tiếp nhận, ủng hộ của đông đảo tín đồ.

Nhận thấy vai trò quan trọng của việc học tập giáo lý trên đường tu học, đầu năm Kỷ Hợi (2019), Ban Cai Quản Liên Hoa Cửu Cung cho xây dựng một Thư Viện mới, khang trang nhằm tạo điều kiện cho người tín đồ và tu sĩ được học tập tốt hơn. Nhưng hiện nay nguồn kinh sách còn khá hạn chế về số lượng, nên chúng tôi với thư ngỏ này gửi đến Ban Ấn Tổng, kính mong được sự hỗ trợ của quý vị để Thư Viện Liên Hoa Cửu Cung nhận thêm được nhiều ấn phẩm kinh sách của Chương



Thư viện Liên Hoa Cửu Cung - Thiên Đạo Học Đường. Tháng 5-2019.

Trình, làm phong phú nguồn tài liệu trong việc học tập và truyền bá giáo lý Đạo Thầy.

Ban Ấn Tổng rất hoan hỷ được xem một vài ảnh chụp gửi kèm theo văn thư của Ban Cai Quản Liên Hoa Cửu Cung - Thiên Đạo Học Đường. Bước đầu vừa mới gầy dựng, dĩ nhiên nguồn kinh sách của Thư Viện hãy còn ít, nhưng chúng ta có thể tin tưởng rằng với thiện chí và nhiệt tâm của Ban Cai Quản cùng với đông đảo tín hữu họ đạo, Thư Viện này sẽ sớm phát triển về nhiều mặt.

Có lẽ không sai nếu nói rằng ở rất nhiều họ đạo Cao Đài bấy lâu nay thường không được điều kiện thuận lợi để lập tủ kinh sách, phòng đọc kinh sách. Thế mà Liên Hoa Cửu Cung - Thiên Đạo Học Đường lại có thể dành được một diện tích rộng rãi để lập thành Thư Viện thì việc làm này quả thật rất có ý nghĩa, rất nên tán thán và ủng hộ.

Bởi vậy, trước tiên Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã gửi biểu Thư Viện một số lớn kinh sách hiện còn lưu trữ. Từ nay trở đi, mỗi khi ấn tổng thêm đầu sách nào mới, Ban Ấn Tổng lại chủ động gửi biểu Thư Viện.

Nhân đây, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo trân trọng xin thưa: Quý họ đạo và quý đạo hữu gần xa, nếu quan tâm đến việc lập phòng đọc sách, tủ sách cho mình, kính mời quý vị hoan hỷ gửi điện thư về daidaovanuyen@gmail.com, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng luôn sẵn sàng phục vụ trong khả năng hiện có, với ước mong cộng đồng tín hữu áo trắng chúng ta được thêm điều kiện phụng sự nhơn sanh, phụng sự Đạo Thầy.

BAN ẤN TỔNG



TÌNH KHÚC MÙA THU

Mùa thu vừa đến chả bao lâu
Êm như sợi khói mới lên màu
Lung linh một thoáng tơ vàng nhẹ
Đủ buộc người vào với bể dâu

Thương con nắng mông ngủ hiên nhà
Quên tháng ngày dài lặng lẽ xa
Chợt thấy bao mùa hương sắc cũ
Vì đâu sương gió để phôi pha

Có phải người về giữa chiều nay
Thời gian rắc bụi xuống vai gầy
Thu ơi! Ai phổ nên cung bậc
Sao giọng ca buồn như nước mây

Ô hay! Vàng thu dâng mênh mông
Tình thu lai láng chảy trong lòng
Ví như còn nhớ người xưa ấy
Xin dẫn nhau về chốn cửa không.

TRẦN DÃ SƠN

Họ đạo Trung Phước An

Krong Păk, Đắk Lắk

CÒN LẠI TRONG TÔI

Nhà tôi ở cạnh bờ sông
Bên kia nổi cát mênh mông biển trời
Đêm nghe tiếng biển gọi mời
Sóng trùng dương vẫn vọng lời thâm u

Những hôm sông nhớ mùa thu
Nước buồn quên chảy để mù sương giăng
Thuyền buồn nằm đợi bóng trăng
Tôi buồn ngắm cánh sao băng lưng trời

Trong tôi biển vẫn gọi mời
Vẫn âm ỉ sóng suốt thời tuổi thơ
Dù khi xa biển đến giờ
Xa sông nước mặn, xa bờ tre xanh

Chiều không khói biếc xây thành
Chỉ toàn núi trọc, đầu gành bãi xưa
Đâu rồi giọng hát đồ đưa
Trả lại tôi cái-quê-mùa người ơi!

Tôi ôm kỷ niệm một thời
Đi vào giấc ngủ, vào trời thi ca
Dẫu cho mòn mỏi tuổi già
Vẫn yêu Thơ – Đạo như là quê hương.

TRẦN DÃ SƠN

08-5-2019

NHÀ TU VÀ TU SINH

Nhà tu là thân cây
Tu sinh là cành lá
Cành lá muốn được sống
Phải bám vào thân cây
Cành nào không bám thân
Thì sẽ bị khô lìa.
Nhà tu có pháp tu
Nhà tu có quy chế
Tu sinh muốn giải thoát
Lo bám chặt vào đây
Tu sinh không bám giữ
Tự đánh mất lấy mình
Biết bao giờ thoát khổ
Luân hồi mãi luân hồi.

Tu sĩ **PHẠM VĂN LONG**

*Trích Kỷ yếu lễ khánh thành
nhà tu Trí Huệ, thuộc
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
Tam Kỳ, Quảng Nam,
24-02-2019.*

LỜI XANH

bỗng sáng nay
thấy thơ đùa bên lá
trầy hội xanh
mơn mơn lú lo non
đôi vàng úa
nhẹ nhàng về với đất
hồn nhiên rơi
quên cả chuyện mất còn.

thanh thảo đến
lừng thơm từng sợi nắng
bước gió se
ru khe khẽ con đường
chú chim sẻ
ngác ngơ đâu bay tới
thả vào mai
tiếng hót biếc yêu thương.

thơ mê mãi
cùng cỏ sương ẩn mật
tắm lời xanh
ngào ngạt lối nghiêng chào
lòng bụi bặm
chợt nhận ra lẽ thật
an lạc nơi mình
hà tất hẹn chiêm bao!

VÕ VĂN PHO

CHÙM THƠ VỀ QUÊ

- * Tạm biệt phố – những lo toan
Về thôi! Quẩy gánh quê làng rong chơi
Xuống sông tắm bớt bụi đời
Lên non gởi cánh mây trời niềm riêng.
- * Dò ngược rồi lại tìm xuôi
Những ngày thơ ấu giờ chui chỗ nào?
Tôi xới cỏ, lật bờ rào
Nghe con đế gáy mà nao nao lòng.
- * Biển chiều Tam Hải lang thang
Miên man sóng – nắng hạ vàng núa chân
Lòng khơi xa những băng khuâng
Biết rồi có gặp lại lần nữa không?
- * Tam Kỳ ơi! Ta lại nợ nữa rồi
Bàn tay vẫy và mắt người đưa tiễn
Lưng hạt nắng chiều bời bời sắc biển
Chạy theo xe lưu luyến suốt con đường.
- * Lung linh quá! Hội An đêm
Dòng Hoài Phố chảy êm đềm về đâu
Tiếng khuya chạm đáy đêm sâu
Xúi tôi lạc bước qua cầu thần thơ.
- * Lên máy bay, tôi còn thấy sông Hàn
Chầm chậm chảy gọi tên người ở lại
Con sóng luyến lưu vỗ miết bờ An Hải
Phía ai về thao thức khuyết lòng đêm.

VÕ VĂN PHO

TỰ VẤN

Tiếng chuông ngân

Ngấn giọt sương

Trong ngần.

Cỏ khiêu vũ

Tắm làn gió

Mát lạnh.

Bước mai xanh

Thanh thân reo

Ngày mới.

Qua đêm

Mọi thứ thay đổi

Chỉ có lòng ta

Ấm những mặc định

Già cỗi

Nhưng lại mong

Cứu rồi.

KHÔNG ĐỀ 1

Đêm đêm lòng ngấm lại lòng

Chẳng tu tiến mấy lòng vòng những đầu

Sáng cúng nước, chiều nguyện cầu

Chân tâm mờ mịt mái đầu điểm sương.

KHÔNG ĐỀ 2

Tối qua tôi lại soi chừng

Cái tôi lãng đãng đã từng làm chi

Tốt rồi, chẳng vướng thị phi

Nhưng còn đôi lúc thăm thì sắc, không.

VÕ VĂN PHO

NGÀY LẠI NGÀY

Ngày lại ngày bàn phím smartphone

Đôi khi nhớ thèm dáng quen một nét bút

Thèm một cảm giác hồi hộp

Nôn nao xé miếng một phong thư

Ngày lại ngày tầm mắt vương nhà tầng

Lại khát cháy khoảng đồng xanh tràn nắng gió

Thèm một giấc không cần khóa cài cửa ngõ

Để cơn mơ thên nhẹ áng mây trời

Ngày lại ngày thềm như thu lá đang rơi

Cái nhớ cái thương cái buồn cái giận

Se sẽ rời cảnh buồn vào quên lãng

Một giọt sương rơi ánh ướt nắng hoe thềm

Ngày lại ngày xin yên ắng một màn đêm

Đôi khi không làm gì mà không rảnh

Trong hữu hạn bỗng thấy mình vô hạn

Trong thinh không lấp lóe giọng chim chuyền

Ngày lại ngày thêm một tương duyên

Đầy vui với đong đo, lỗ lờ, nếp tẻ

Một cái like, comment, chia sẻ

Thiệt lòng nhau có ảo bồng thành chân.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

@ **Hiền muội Nguyễn Thị Tú Anh** (Cơ Sở Đạo Thanh Hóa, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa). Điện thư ngày 28-4-2019:

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.

GIOAN 3:8

Trong bài thánh thi ban trao tại Minh Lý Thánh Hội (Sài Gòn), Tuất thời, ngày 21-7 Mậu Thân (Thứ Tư 14-8-1968), Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Thời xưa đã lắm kẻ ra đi
Một gánh san hà, một túi thi
Gõ phách hát câu an Chiến Quốc
Nhịp cần đờ vó hội tương tri
Non sông gởi gắm tình trăm họ
Đạo pháp mong chờ nghĩa nhứt vi
Nhả hết tầm tơ cho xứng phận
Gian lao đã có Đấng từ bi.*

Kính nhờ Đạo Uyển giúp con hiểu nghĩa bài thơ này. Con rất cảm ơn ạ.

Huệ Khải: Chào hiền muội. Từ lúc tạm rời Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trở về quê nhà, hiền muội luôn hăng say góp tâm sức vào Cơ Sở Đạo Thanh Hóa, đặc biệt là dịp lễ vừa qua – kỷ niệm mười năm thành lập Cơ Sở Đạo Thanh Hóa (15-3 Kỷ Sửu, 2009 / 15-3 Kỷ Hợi, 2019). Tôi vui lắm khi xem những hình ảnh và tin tức tốt lành được chia sẻ qua Facebook của hiền muội.

Bài thất ngôn bát cú luật bằng vần bằng của Đức Vạn Hạnh

Thiền Sư quả thật không dễ hiểu ngay, nhất là cặp thực (câu 3-4) và cặp luận (câu 5-6).

Tôi thử trình bày cách tôi hiểu nơi đây và mong ước quý đạo hữu gần xa nếu thấy tôi nhầm lẫn, sai sót thì vui lòng góp ý để tôi được dịp học hỏi thêm. Tôi chân thành cảm ơn trước.

Để cùng tìm hiểu bài thánh thi, chúng ta cần xác định Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy các vị nào bài này? Và dạy trong trường hợp nào?

Hôm ấy (14-8-1968) dư chấn biến cố Tết Mậu Thân vẫn còn. Nỗi đau đớn, thống khổ vì mất mát người thân, tan nát cửa nhà, tiêu tan sản nghiệp hầy còn giày vò quá đông, quá nhiều đồng bào, đồng đạo ở các tỉnh thành. Do đó, Ông Trên dạy các bậc hướng đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (mới được Đức Chí Tôn thành lập năm 1965) hãy tổ chức phái đoàn đi thăm hỏi, an ủi, giúp đỡ đồng bào, đồng đạo sau cuộc binh lửa khốc liệt đầu xuân.

Trước khi ban trao bài thánh thi, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

Bần Tăng gởi tặng phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đi thăm viếng đồng bào, đồng đạo các tỉnh miền Nam một bài thi thân hữu.

Sau khi ban trao bài thánh thi, Đức Thiền Sư ân cần khuyến dụ thêm:

Đã là sứ đồ,⁽¹⁾ khá hiểu câu “Nghịch hành ấy là bốn phận”,

⁽¹⁾ **sứ đồ** 使徒 (apostle): Cũng như **tông đồ** 宗徒, người học trò được lệnh Thượng Đế (Thầy) sai đi truyền đạo.

nghĩa là: Thấy những cái mà thường nhân không muốn thấy, hiểu những điều thường nhân không dè dặt mà hiểu, nói những lời thường nhân không từng nói, và làm những điều thường nhân không thích làm.

Bần Tăng mong rằng một chuyến Nam du của phái đoàn có khác hơn một chuyến Tây du của Tam Tạng về phương diện Tam Tạng đi thỉnh kinh, còn phái đoàn lại đi tứ kinh, tứ tình thương, và thấu thập mọi kinh nghiệm vui buồn trong quá khứ để làm đề tài hành đạo ngày mai.

Chư Thiên mạng, chư hiền hữu đạo tràng! ⁽²⁾ Hôm nay, thật là một sự bất ngờ cho chư vị hội ngộ Bần Tăng, nhưng có bất ngờ mới có lý thú và mối tình sâu sắc nhứt đã gọi lại trong thời quá khứ trên tình dân tộc và đạo pháp.

Những chữ gạch dưới là tôi nhấn mạnh, để chúng ta cùng lưu ý trước khi bàn tới cặp luận (câu 5-6).

Ghi chú: Tứ 賜 là ban trao, trao tặng (*conferring, bestowing, granting*). Tứ kinh là trao tặng kinh (hay thánh giáo). Tứ tình thương là đem tình thương trao gởi những người khổ đau, kém may mắn thể hiện qua thuốc men, tiền bạc, phẩm vật các loại để cứu trợ.

Bằng lời khuyến dụ trên, Đức Thiên Sư hàm ngụ trong đó nhiệm vụ các bậc hướng đạo Cao Đài trong chuyến Nam du (từ Sài Gòn đi đến các tỉnh thành miền Nam).

Sau đây, chúng ta thử tìm hiểu từng câu thánh thi.

⁽²⁾ **đạo tràng** (*trường*) 道場: Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo (chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện...).

* **Câu 1:** Thời xưa đã lắm kẻ ra đi.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nhắc tới người thời xưa là để khuyên người thời nay biết noi gương cũ. Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý sắp thực hiện chuyến Nam du không phải để vui chơi nhàn tản, mà là để tuân lệnh Ôn Trên, đem tình thương, tình đạo đến với bá tánh đang thống khổ, đón đau trong cảnh tang tóc, điêu tàn vì lửa đạn chiến tranh gây ra. Phái đoàn Cơ Quan sắp ra đi âu cũng là nỗi gót, theo gương lắm bậc tiền nhân thuở trước đầy thôi.

Suy rộng thêm: Việc lên đường giúp dân giúp nước, giúp Thầy giúp Đạo hãy nên nối tiếp nhau đời này sang đời khác, tùy theo khả năng và hoàn cảnh của mình. Người hôm nay đang kế tục những dấu chân người xưa, và rồi người mai sau cũng sẽ kế tục những dấu chân người nay. Đất nước muốn được trường tồn, đạo pháp muốn được trường lưu đều phải nhờ vào các thế hệ ý thức, nối tiếp nhau cùng gìn giữ và phát huy.

* **Câu 2:** Một gánh san hà, một túi thi.

Một gánh san hà hay **một gánh giang sơn** (*a burden of the homeland*) đặt lên vai bậc chí sĩ thì đâu phải chuyện đùa. Bởi thế, khi gánh cả sơn hà giữa lúc Mông Cổ (quân Nguyên) tham tàn xâm lăng nước Việt, Đức Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn bộc lộ hết gan hết ruột:

Ta thường thì tới bữa quên ăn, giữa đêm vỗ gối, nước mắt tràn xuống đầy mép, tấm lòng đau như bị đâm, vẫn lấy cái sự chưa thể ăn thịt nằm da, nuốt gan uống máu của chúng [quân Mông] làm tức. Dẫu cho một trăm cái thân của ta phải đem đốt ở đồng cỏ, một nghìn cái thân của ta phải đem bọc vào da

ngựa, ta cũng vui lòng. (Hịch Tướng Sĩ, Ngô Tất Tố dịch)

Một túi thi là một túi chứa các bài thơ. Kể sĩ nhàn nhả thời xưa hay mang theo bầu rượu, túi thơ mà ngao du chốn thiên nhiên hữu tình. Gặp chỗ thích chí thì dừng chân nhấp rượu trong bầu trợ hứng (*inspiration*), hạ bút làm thơ xong thì cất vào túi vải hay túi gấm. Chẳng hạn, bài *Chí Làm Trai* của Nguyễn Công Trứ (1778–1858) kết thúc như sau: *Nợ tang bồng trang trắng, vỗ tay reo / Thanh thoi thơ túi rượu bầu.*

Túi thơ (*thi nang* 詩囊: *a pouch of poems*) là điển cố liên quan tới nhà thơ Lý Hạ 李賀 (790-816) danh tiếng đời Đường. *Toàn Đường Văn* 全唐文, quyển 780 chép rằng Lý Hạ đi đâu lưng cũng đeo túi gấm xưa cũ nát, hề gặp điều chi đặc ý thì viết ra rồi bỏ vào trong túi ấy. (*Bối nhất cổ phá cẩm nang, ngộ hữu sở đắc, tức thư đầu nang trung.* 背一古破錦囊, 遇有所得, 即書投囊中.)

Một gánh san hà và *một túi thi* (như vừa nói trên) là hai hình ảnh tượng trưng, mang ý nghĩa rất đối lập nhau. Vậy, tại sao lại đặt chung vào một câu thơ?

Tôi nghĩ vụng rằng Đức Vạn Hạnh Thiền Sư ngụ ý là xưa nay các bậc chí sĩ, hiền tài nặng lòng lo việc nước hay việc đạo, nếu đã vui với lý tưởng cao đẹp của mình thì đứng trước mọi thử thách, gian hiểm vẫn ung dung, tự tại. Đây cũng là tâm trạng một bậc hướng đạo tài đức của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài – ngài Thanh Long Lương Vĩnh Thuật (1918-1982). Trong chuỗi ngày nguy nan trên đường sứ mạng hoằng giáo ở Trung Kỳ giữa thời tao loạn, ngài có bài thơ như sau:

*Ta có gì mà thương mà tiếc
Ta có gì mà thiết mà tha
Tắm thân không cửa không nhà
Con là non nước, vợ là cỏ cây
Thân sá gì rày đây mai đó
Chí những mong nước nọ non này
Phương trời chim mặc sức bay
Nước khơi cá lội thú thay ngũ hồ.*

* Câu 3: Gõ phách hát câu an Chiến Quốc.

Phách là loại nhạc cụ gỗ để giữ nhịp, làm từ gỗ, tre, v.v... Phách gồm một thanh gỗ (hay tre) và hai dùi gỗ, gõ thành tiếng gọn và giòn.

Chiến Quốc (*Chiến Quốc thời kỳ* 戰國時期: *the Warring States period*) là thời kỳ Trung Quốc bị phân tranh, các chư hầu nhà Chu đánh nhau liên miên, kéo dài từ khoảng thế kỷ 5 trước Công Nguyên (TCN) cho tới khi nhà Tần thống nhất Trung Quốc vào năm 221 TCN.

Gõ phách hát câu an Chiến Quốc ám chỉ tích Trâu Kỵ, danh nhân nước Tề đời Chiến Quốc.

Trâu Kỵ 鄒忌 (khoảng 385-319 TCN) là người dĩ cổ cầm *du thuyết* Tề Uy Vương 以鼓琴游說齊威王 tức là “dùng chức đánh cầm ⁽³⁾ tới thuyết phục Tề Uy Vương” áp dụng chính sách của ông. Vua Tề tin dùng họ Trâu, phong làm tướng quốc (tạm hiểu như chức thủ tướng ngày nay). Trâu

(3) **Cầm** 琴 là tên cây đàn có bảy dây; thân đàn dài khoảng 120-130cm. **Cổ** 鼓 là đánh (như đánh chiêng, đánh trống, đánh đàn). Ta hay nói: *cổ động* 鼓動, *cổ vũ* 鼓舞, *cổ xúy* 鼓吹.

Kỵ cải cách việc cai trị, sửa đổi pháp luật, tuyển chọn hiền tài, thưởng phạt phân minh. Nước Tề ngày một cường thịnh, dân chúng hưởng thái bình; các nước khác không còn dám kéo quân sang quấy nhiễu ở biên giới như trước kia nữa.



Khi sáng tác tiểu thuyết *Đông Chu Liệt Quốc* (một trăm lẻ tám hồi, tức chương), ở hồi thứ tám mươi sáu, nhà văn Phùng Mộng Long 馮夢龍 (1574-1646) kể lại việc Trâu Kỵ mượn chức đánh cầm để “tiếp thị” bản thân với Tề Uy Vương rất hấp dẫn. Tóm lược như sau:

Từ khi lên làm vua, Tề Uy Vương say đắm tử sắc, ham mê đàn hát, bỏ bê việc nước. Trong khoảng chín năm, các nước Hàn, Ngụy, Lỗ, Triệu thường đem quân đến khuấy rối ở biên giới, và Tề thường thua trận.

Một hôm có người dân nước Tề họ Trâu, tên Kỵ vào triều xin đánh đàn cho vua nghe. Tề Uy Vương cho vào, mời ngồi trước mặt, sai người mang ra cây cầm. Trâu Kỵ lên dây đàn xong nhưng không gảy.

Tề Uy Vương hỏi: “Ông lên dây mà không gảy, là chê đàn không tốt ư? Hay là chê ta không biết nghe đàn?”

Trâu Kỵ đáp: “Đời xưa Phục Hy chế ra cây cầm có năm dây. Dây lớn là vua, dây nhỏ là bề tôi. Đời Văn Vương và Vũ Vương, mỗi vị lại thêm một dây nữa, để hợp cái tình ý vua tôi. Xem vậy đủ biết rằng vua tôi có tương đắc thì mệnh lệnh mới hòa hợp. Phép trị nước cũng như thế mà thôi.”

Vốn rất thích âm nhạc, vua Tề lại nài: “Nói phải lắm, nhưng hãy thử gảy một khúc nhạc.”

Trâu Kỵ đáp: “Tôi học đàn thì phải biết phép đánh đàn. Đại vương lo việc nước, há không biết đạo trị nước hay sao? Hiện nay ngài làm vua mà không trị nước, có khác gì tôi ôm đàn mà không gảy. Tôi ôm đàn mà không gảy thì ngài không hài lòng. Ngài làm vua mà không trị nước thì muôn dân cũng không hài lòng.”

Tề Uy Vương nói: “Ông mượn việc đánh đàn để can gián ta. Ta hiểu ý ông rồi.”

Hôm sau Tề Uy Vương vời Trâu Kỵ vào triều cùng bàn luận về phép trị nước. Vua Tề rất hài lòng, bèn phong Trâu Kỵ làm tướng quốc. Nước Tề sớm trở nên cường thịnh, làm bá chủ năm nước Sở, Ngụy, Hàn, Triệu, và Yên.

Tôi tự hỏi: Kín đáo dẫn đến tích Trâu Kỵ, phải chăng Đức Vạn Hạnh Thiền Sư ngụ ý khuyên các bậc sứ đồ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý nói riêng (các bậc hướng đạo Kỳ Ba ngày nay nói chung) trên đường thi hành sứ mạng Thiên ân hãy có lòng tự tin như Trâu Kỵ ngày xưa đã rất tự tin khi đứng giữa triều đình, trước mặt Tề Uy Vương?

* Câu 4: Nhịp cần đợi vó hội tương tri.

Cần là cần câu. **Nhịp cần** là cầm cần câu mà đánh nhịp, có

thể trong lúc ngâm nga thơ phú. Chứng tỏ chẳng phải chủ ý đi câu kiếm mấy con cá quèn; chỉ là mượn cớ đi câu để ra bờ sông ngồi.

Vó là vó ngựa. **Đội vó** là đội chân ngựa đưa bậc mình quân (ông vua sáng suốt) tới thính mình ra giúp nước.

Hội 會 là gặp gỡ (*hội ngộ*), cũng là *cơ hội*, dịp tốt.

Tương tri 相知 là hai đàng cùng biết rõ nhau, thấu hiểu nhau. **Hội tương tri** là cơ hội được gặp người biết tài đức của mình nên thỉnh mời giúp sức, và mình cũng biết đó là người xứng đáng để nhận lời mời, đem hết trí tài ra phò tá.

Nhịp cần đội vó hội tương tri ám chỉ tích Khương Thượng 姜尚, tức Khương Tử Nha 姜子牙 ngồi câu bên bờ sông Vị. Trong tập *Ánh Sáng Của Trần Gian*,⁽⁴⁾ Diệן Nguyên có chép tích này, lược trích như sau:

Khương Thượng sinh vào thế kỷ 12 TCN, đời nhà Thương (Trung Quốc). Năm ba mươi hai tuổi, ngài lên núi Côn Lôn học đạo với Đức Ngươn Thỉ Thiên Tôn hơn bốn mươi năm.

Vua Trụ nhà Thương⁽⁵⁾ đắm mê tửu sắc bỏ bê việc triều chính, lại nghe theo lời Đát Kỷ bày ra các hình phạt vô cùng khắc nghiệt. Các trung thần can gián đều bị xử tử, lê dân đồ thán, vận nước suy vi... Đức Ngươn Thỉ Thiên Tôn truyền lệnh cho Khương Tử Nha xuống núi phò nhà Chu để phạt Trụ. Tử Nha ngồi buông câu bên sông Vị hết ngày này sang ngày

⁽⁴⁾ Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 70-72. Quyển 120-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

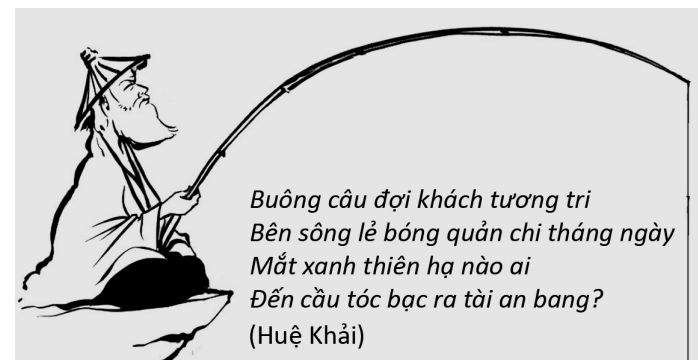
⁽⁵⁾ Vua tên Đế Tân, nhưng vì quá tàn ác, bất nghĩa nên bị gọi là Trụ. (Trụ là người tàn ác, bất nghĩa.)

khắc chờ thời vận ra giúp nhà Chu.

Một hôm có người tiểu phu phát hiện rằng lưỡi câu của Tử Nha không uốn cong và không có ngạnh bén thì chế giễu. Ngài bảo: “Ta câu thời câu vận chứ nào phải câu cá câu tôm.”

Thời vận tới với Khương Tử Nha khi Văn Vương nhà Chu (một vị vua hiền đức luôn yêu thương dân) đến tận sông Vị thỉnh cầu ngài về triều giúp nước. Nhờ tài đức của Khương Tử Nha mà nhà Chu hưng thịnh, kéo dài 867 năm, và là triều đại tồn tại lâu dài nhất Trung Quốc.

Tôi lại tự hỏi: Kín đáo dẫn đến tích này, phải chăng Đức Vạn Hạnh Thiền Sư ngụ ý khuyên các bậc hướng đạo Kỳ Ba hãy biết *xuất xử (hành tàng) đúng lúc* như ngài Tử Nha?



* Câu 5: *Non sông gợi cảm tình trăm họ.*

Non sông hay **sơn hà** 山河, **giang sơn** 江山 là đất nước, quốc gia.

Trăm họ hay **bách tính**, **bá tánh** 百姓 là nói chung dân chúng một nước. **Tình trăm họ** là tình thương dân chúng,

thương đồng bào (*love for all citizens*).

Non sông gởi gắm tình trăm họ nghĩa là về mặt quốc gia, Ôn Trên gởi gắm bậc hướng đạo Kỳ Ba tấm lòng thương dân thương nước, nhất là trong hoàn cảnh Việt Nam đang khói lửa điêu linh vào thời ấy (1968), khi Đức Vạn Hạnh Thiền Sư ban cho bài thánh thi này.

* Câu 6: *Đạo pháp mong chờ nghĩa nhứt vi*.

Nghĩa 義 tức là lẽ phải (đạo lý) ở đời, là ân tình đối đãi với nhau trong cuộc sống. Ta hay nói *tình nghĩa, đạo nghĩa* là do hai ý này.

Nhứt vi theo tôi hiểu là nói tắt câu thành ngữ Trung Hoa: *Nhứt nhứt vi sư, chung thân vi phụ* 一日爲師, 終身爲父 (một ngày là thầy, trọn đời [xem thầy] là cha). Thành ngữ này nhằm tôn cao đạo nghĩa của kẻ học trò đối với thầy dạy mình; dù học với thầy chỉ một ngày thì trọn đời vẫn xem thầy là cha mình.

Trong tiểu thuyết *Tây Du Ký* (Hồi thứ ba mươi mốt), khi tìm tới động Thủy Liêm ở núi Hoa Quả để van nài Tôn Hành Giả đi cứu Đường Tăng đang bị yêu quái Hoàng Bào hãm hại, thì Trư Bát Giới đã khuyên sư huynh hãy nghĩ tới cái tình *nhứt nhứt vi sư, chung thân vi phụ* mà quên phứt những hiểu lầm đáng tiếc giữa hai thầy trò khi trước.

Khi xét ý nghĩa thành ngữ *Nhứt nhứt vi sư, chung thân vi phụ*, chúng ta nhớ rằng trong đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn vừa là Thầy, vừa là Cha (Đại Từ Phụ) của chúng ta.

Đạo pháp mong chờ nghĩa nhứt vi tức là về mặt đạo pháp (học đạo tu thân, hành đạo độ đời), Ôn Trên hằng mong

đợi các môn đệ Cao Đài hãy luôn luôn vẹn tròn đạo nghĩa với Thầy mình. Thầy là Đức Chí Tôn đã phế Ngọc Kinh xuống trần cứu thế Kỳ Ba, không thành đại nguyện thì Thầy không trở về ngôi nữa. Trò đã nhờ ơn Thầy dẫn dắt vào đạo Kỳ Ba, thì ráng sức đền đáp ơn Thầy, ráng học đạo tu thân cho kết quả để theo gương Thầy tận tụy đem đạo cứu đời, trước tiên là cứu dân mình, cứu nước mình thoát khỏi cơn tai kiếp thời hạ nguơn mạt pháp. Đó là thương Thầy thật sự, đúng cách.

Hai câu *Non sông gởi gắm tình trăm họ / Đạo pháp mong chờ nghĩa nhứt vi* của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư bộc lộ rất rõ **giá trị nhân bản** (*humanistic value*) của đạo Cao Đài ở góc cạnh này: *Đạo pháp gắn liền dân tộc*; trước khi nói tới chúng sanh khắp năm châu bốn biển bao la thì hãy nói tới dân mình nước mình, đồng bào mình và Tổ Quốc mình. Đức Thiền Sư cũng nhắc khéo ý này trong những lời bảo ban ở cuối bài thánh giáo:

Hôm nay, thật là một sự bất ngờ cho chư vị hội ngộ Bần Tăng, nhưng có bất ngờ mới có lý thú và mối tình sâu sắc nhứt đã gọi lại trong thời quá khứ trên tình dân tộc và đạo pháp.

* Câu 7: *Nhả hết tằm tơ cho xứng phận*.

Tằm tơ (tằm ty 蠶絲) là sợi tơ do con tằm (*silkworms*) ăn lá dâu (*tang diệp* 桑葉; *mulberry leaves*), rồi nhả ra.

Truyện Kiều của Nguyễn Du (1765-1820) có câu: *Con tằm đến thác hãy còn vương tơ*. Đời Đường, Lý Thương Ẩn 李商隱 (813-858) viết bài thất ngôn bát cú *Vô Đề* 無題 có câu: *Xuân tằm đáo tử ty phương tận* 春蠶到死絲方盡 (Tằm xuân đến chết tơ mới hết).

Ngoài ý nghĩa hàm ngụ tình yêu nam nữ vương vít lâu bền như hai câu thơ danh tiếng vừa dẫn trên, hình ảnh con tằm trong văn chương thế gian hay thánh giáo Cao Đài còn mang ý nghĩa là *cống hiến hết mình (tận hiến) cho cuộc đời để trả ơn đời, phụng sự đời*, và câu thánh thi của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư là ví dụ. Hay là: *Tằm quặn mấy mùa tơ chữa trọn / Vãn toan báo đáp nghĩa xanh dâu*. (Huệ Khải)

Phận 分 (*duty*) là bốn phận, phận sự, chức phận mà người môn đệ Cao Đài đã thọ nhận do Thầy ban, do Hội Thánh giao phó. **Xứng phận** là xứng đáng với chức phận mà mình nhận lãnh trong đạo.

Nhả hết tằm tơ cho xứng phận nghĩa là các sứ đồ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý nói riêng (hay những bậc hướng đạo Kỳ Ba nói chung) hãy dốc hết tấm lòng và tài tuệ ra phụng sự cho xứng đáng với chức phận của mình đã được Ông Trên (hay Hội Thánh) ban trao; đừng mang danh Thiên ân chức sắc, chức việc mà thật ra sự cống hiến ở bản thân từng vị xét ra vẫn chưa đúng mức so với những gì Luật Đạo quy định cụ thể cho từng bậc giáo phẩm. Nếu hiểu rõ ràng như vậy, thì mang phẩm sắc chính là mang gánh nặng nhọc nhằn, lòng luôn nơm nớp sợ sệt, chứ chẳng phải cứ nài xin cho được áo mão để có thể làm oai cùng tín hữu mộc mạc, hiền ngoan.

* **Câu 8:** *Gian lao đã có Đấng từ bi.*

Gian lao là khó khăn và vất vả. **Đấng từ bi** là Thầy (Đức Chí Tôn), hiểu rộng ra cũng là các vị Phật Tiên, Thánh Thần, Bồ Tát, v.v...

Việc hành đạo, đem đạo độ đời vô cùng khó khăn (có khi

còn nguy hiểm tánh mạng nữa). Đức Vạn Hạnh Thiền Sư vì vậy an ủi, khuyến khích, mà cũng là cam kết (giao ước) rằng luôn luôn có Ngài cũng như các Đấng thiêng liêng sẵn sàng chở che, phù trợ cho những ai xứng phận, biết quên mình vì danh Thầy danh Đạo.

Hai câu kết (7-8) rõ ràng là cái tình của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đối với các bậc hướng đạo Kỳ Ba.

Như tôi từng có dịp bày tỏ: (. . .) *thánh giáo Đức Thiền Sư vừa quyến rũ vừa huyền thâm, khiến người học đạo phải nghiền ngẫm suy tư, tham bác miệt mài mà không thôi nơm nớp rằng vẫn còn sơ sót nên ngộ nhận, lệch sai!* ⁽⁶⁾ Bài thánh thi trên đây của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư là thêm một minh chứng cho lời tôi thú nhận.

Vì vậy, một lần nữa, tôi rất mong sẽ được quý đạo hữu hoan hỷ chỉ giáo để tôi học hỏi thêm, kịp thời điều chỉnh lỗi lầm trong phần trình bày trên đây. Tôi xin trân trọng cảm ơn quý đạo hữu.

*

@ **Hiền hữu Lê Hoàng Nguyên** (nhà tu Trí Huệ, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam). Điện thư ngày 20-5-2019:

Chúng đệ vừa nhận được Đạo Uyển Hạ 2019 (tập 30) và rất mừng vì được đạo huynh chiếu cố và đăng bài của anh em Nhà Tu. Cầu nguyện Thầy Mẹ ban phúc lành cho đạo huynh luôn an lạc trên đường phụng sự Đạo Thầy. Đệ xin kính chào.

⁽⁶⁾ Huệ Khải kết tập, *Vạn Hạnh Thiền Sư Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014, tr. 9-10.

Huệ Khải: Hiền hữu Lê Hoàng Nguyên thân quý,

Hiền hữu khiêm tốn quá rồi! Xin trân trọng “hoàn lại” hiền hữu hai chữ “chiếu cố”, chẳng dám lãnh nhận đâu; bởi vì thật ra quý tu sĩ ở nhà tu Trí Huệ viết bài rất hay, và được phép đăng lại bài của quý hiền hữu ở Đạo Uyển thì đây chính là cái may mắn và điều hân hạnh của Ban Ấn Tổng đấy chứ.

Thật vậy, Đạo Uyển thường xuyên “đói” bài, mà lại là “đói” thê thảm! Hễ may phúc có được các bài viết (văn, thơ) rất tài hoa như của quý tu sĩ vừa in trên Đạo Uyển tập 30 thì quá chừng hoan hỷ và Ban Ấn Tổng phải cảm ơn các tác giả nhiều lắm.

Rất mong hiền hữu Hoàng Nguyên và quý tu sĩ đồng môn sẽ thường xuyên “cứu đói” cho Đạo Uyển.

Kính nguyện Thầy Mẹ, Đức Giáo Tông và Liệt Thánh Tông Đờ ban ơn, phù trì quý huynh đệ nhà tu Trí Huệ.

SUY NIỆM

▷ Nhưng óc hài hước có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh. (...) Hài hước là muối của cuộc đời, và trong mức độ nào đó, nó là muối của đời tu hành, giữ gìn cho đời tu khỏi suy bại.

▷ But a sense of humor has an important part to play in the spiritual life. (...) Humor is the salt of life, and to some extent it is the salt of the religious life, preserving it from decay.

Linh mục **ALOYSIUS ROCHE** (người Tô Cách Lan)



KINH SÁCH MỚI IN

“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện.” Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tổng quý Ba năm 2019 liên kết Nxb Hồng Đức:

125-1. PHÚC ÂM KẾ LẠI THEO R.F. WILSON (Huệ Khải, in 2.000 quyển) – Do công quả **18.100.000 đồng** của quý ân nhân phụng dưỡng danh như sau:

- | | |
|---|------------|
| 1. ĐT LÊ THỊ HỮU và ĐT LÊ THỊ NÔ (HTCĐ Ban Chính Đạo). Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 146. | 10.000.000 |
| 2. ĐH NGUYỄN VĂN HẠNH (TT Bàu Sen, tu học tại Mỹ). Gởi 100 USD, đợt 148. | 2.330.000 |
| 3. ĐT TRẦN NGỌC HƯỜNG (TT Calgary). Alberta, Canada. Hồi hướng giác linh hiền huynh Trần Ngọc Anh. Gởi 200 CAD, đợt 146. | 3.440.000 |
| 4. ĐT TRẦN NGỌC NỮ (đàn Minh Khai, Mỹ). Gởi 100 USD, đợt 148. | 2.330.000 |

ĐẠO UYỂN THU 2019 (tập 31), in 1.800 quyển, do công quả **18.000.000 đồng** của quý ân nhân phụng dưỡng danh như sau:

- | | |
|---|-----------|
| 01 Đạo hữu ẨN DANH . Gởi ACB đợt 139, 140, 143 (2 lần), 148. + ĐH TẠ VĂN TUẤN. Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng. Gởi đợt 147. (6 lượt x 50,000) | 300,000 |
| 02 ĐT BÙI THỊ CẢNH (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà, HTCĐ Tiên Thiên). Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 146. | 1,000,000 |
| 03 ĐT BÙI THỊ PHƯƠNG QUẾ (HTCĐ Tây Ninh). Bàu Đồn, Gò Dầu. Đợt 147, 148. | 300,000 |
| 04 ĐT HỒ THỊ Ý (TT Trung Hiền, HT Truyền Giáo Cao Đài). Gởi đợt 143. | 2,000,000 |
| 05 ĐT HUỲNH THỊ THỦY (TTi Tứ Long Châu, HTCĐ Tiên Thiên): An Khánh, Châu Thành, Bến Tre. Hồi hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn A). Gởi đợt 149. | 2,000,000 |
| 06 ĐT LÊ THỊ HƯƠNG (HT Tây Ninh). Bàu Năng, D M Châu. Đợt 147, 148 (2 lần). | 200,000 |
| 07 ĐT LÊ THỊ KIỂU OANH (TT An Thạnh. HTCĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 146. | 1,000,000 |
| 08 ĐT LÊ THỊ THANH (HTCĐ Tây Ninh). Hiệp Tân, Hòa Thành. Gởi đợt 147. | 100,000 |
| 09 MINH ĐỨC NHO GIÁO ĐẠI ĐẠO , Tp. Trà Vinh. Gởi đợt 148. | 3,300,000 |
| 10 ĐH NGÔ CHẬP DÌ (Minh Đức Nho Giáo). Trà Vinh. Gởi đợt 147. | 200,000 |
| 11 ĐT NGÔ THỊ THI (HTCĐ Tây Ninh). Ninh Sơn, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 147, 148. | 200,000 |
| 12 ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà, HTCĐ Tiên Thiên). Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 146. | 1,000,000 |

13	ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn, HTCD Minh Chơn Đạo): Phụng Hiệp, Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh ĐT Võ Thị Quán, giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi đợt 144, 148.	1,200,000
14	ĐH NGUYỄN QUỐC HÙNG (HTCD Tây Ninh). Ph 1, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 142.	100,000
15	ĐH NGUYỄN TẤN TRIỀU (TT Thành Tâm Đàn, HT Minh Chơn Đạo). Đợt 148.	200,000
16	ĐT NGUYỄN THỊ BẠN (TT An Thạnh. HTCD Ban Chính Đạo). Hồi hướng thân mẫu Huỳnh Thị Lờ (84 tuổi). Gởi đợt 146.	1,000,000
17	ĐT NGUYỄN THỊ ĐẶNG (HTCD Tây Ninh). Hiệp Tân, Hiệp Hòa. Gởi đợt 144.	100,000
18	ĐT NGUYỄN THỊ NGÀ (HTCD Tây Ninh). Long Vĩnh, Châu Thành. Gởi đợt 142.	100,000
19	ĐT PHẠM THỊ HẠNH (HTCD Tây Ninh). Hiệp Tân, Hiệp Hòa. Gởi đợt 144.	100,000
20	ĐT THẠCH THU OANH. Tân Bình, TpHCM. Gởi đợt 148.	500,000
21	ĐH THƯỢNG HUYNH PHƯỚC (Hạnh Đào Nguyên). Ấp Phước Toàn, Long Hiệp, Bến Lức, Long An. Gởi đợt 148.	500,000
22	Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH (TT Hương Mỹ, HT Ban Chính Đạo). Đợt 148.	500,000
23	ĐT TRẦN THỊ KIM XUYẾN (HT Tây Ninh). Trường Thành, Hòa Thành. Đợt 147.	100,000
24	ĐT TRỊNH THỊ MAI HẠNH (TT Trung Nam, HT Truyền Giáo CD). Gởi đợt 147.	1,000,000
25	ĐT TRƯƠNG KIM HỒNG (Thuận Kiều, Q5). Hồi hướng giác linh thân mẫu Trương Thị Sen. Gởi đợt 148.	1,000,000

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỔNG

Đợt Một Trăm Bốn Mươi Sáu: Từ ngày 01-4-2019 đến ngày 30-4-2019

Môn sanh, đạo tâm:

01	ĐT TRẦN NGỌC HƯƠNG. Calgary, Alberta, Canada. Hồi hướng giác linh Trần Ngọc Anh. Gởi 14-4. (200 Can dollars)	3,440,000
----	---	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

02	ĐT LÊ THỊ KIẾU OANH. TT An Thạnh. Gởi 07-4.	1,000,000
03	ĐT NGUYỄN THỊ BẠN. TT An Thạnh. Hồi hướng thân mẫu Huỳnh Thị Lờ (84 tuổi). Gởi 07-4.	1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

04	ĐT BÙI THỊ CẢNH. Tti Ngọc Điện Huỳnh Hà. Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi 05-4.	1,000,000
05	ĐH NGÔ VĂN HAI. Tti Ngọc Điện Huỳnh Hà. Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi 05-4.	1,000,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

06	ĐH TRẦN ĐỨC, ĐH NGUYỄN THANH HÙNG. TT Trung Mỹ I. Duy Xuyên. QN. Gởi 16-4.	500,000
07	ĐH TRẦN ĐỨC. TT Trung Mỹ I. Duy Xuyên. Quảng Nam. Gởi 26-4.	150,000

Tổng cộng: 8,090,000 VNĐ

Đợt Một Trăm Bốn Mươi Bảy: Từ ngày 01-5-2019 đến ngày 31-5-2019

Môn sanh, đạo tâm:

01	LIÊN HOA CỬU CUNG – THIÊN ĐẠO HỌC ĐƯỜNG. Thủ Đức. Gởi 14-5.	5,000,000
02	ĐH NGÔ CHẬP DÌ. Minh Đức Nho Giáo. Trà Vinh. Gởi 24-5.	200,000
03	ĐH NGUYỄN DUY CHÍNH. Calif., Mỹ. Gởi 04-5.	300,000
04	ĐH TẠ VĂN TUẤN. Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng. Gởi 10-5.	50,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

05	ĐT LÊ THỊ HỮU, ĐT LÊ THỊ NỖ. Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long. Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi 13-5.	10,000,000
----	---	------------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

06	ĐT BÙI THỊ PHƯƠNG QUẾ. Bàu Đồn, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 21-5.	200,000
07	ĐT LÊ THỊ HƯƠNG. Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 21-5.	50,000
08	ĐT LÊ THỊ THANH. Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 21-5.	100,000
09	ĐT NGÔ THỊ THI. Ninh Sơn, Tp Tây Ninh. Gởi 21-5.	100,000
10	ĐH/ĐT NGUYỄN MINH THƯ. Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 21-5.	50,000
11	ĐT TRẦN THỊ KIM XUYẾN. Trường Thành, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 21-5.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

12	ĐT TRỊNH THỊ MAI HẠNH (TT Trung Nam). Gởi 21-5.	1,000,000
----	---	-----------

Tổng cộng: 17,150,000 VNĐ

Đợt Một Trăm Bốn Mươi Tám: Từ ngày 01-6-2019 đến ngày 30-6-2019

Môn sanh, đạo tâm:

01	Đạo hữu ẤN DANH. Gởi ACB ngày 08-6.	50,000
02	MINH ĐỨC NHO GIÁO ĐẠI ĐẠO, Tp. Trà Vinh. Gởi 21-6.	3,300,000
03	Giác linh hiền tỷ NGUYỄN THỊ CÚC (Vĩnh Nguyên Tự). Cấn Giuộc, Long An. Gởi 30-6.	10,000,000
04	ĐH NGUYỄN VĂN HẠNH (TT Bàu Sen, tu học tại Mỹ). Công quả 100 Mỹ kim. Gởi 09-6.	2,330,000
05	ĐT THẠCH THU OANH. Tân Bình, TpHCM. Gởi 27-6.	500,000
06	ĐH THƯỢNG HUYNH PHƯỚC (Hạnh Đào Nguyên). Ấp Phước Toàn, Long Hiệp, Bến Lức, Long An. Gởi 20-6.	500,000
07	ĐT TRẦN NGỌC NỮ (đàn Minh Khai, Mỹ). Công quả 100 Mỹ kim. Gởi 07-6.	2,330,000
08	ĐT TRƯƠNG KIM HỒNG (Thuận Kiều, Q5). Hồi hướng giác linh thân mẫu Trương Thị Sen. Gởi 27-6.	1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

09	Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH (TT Hương Mỹ). Mỏ Cày Nam, Bến Tre. Gởi 01-6.	500,000
----	--	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

10	ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn). Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh ĐT Võ Thị Quán, giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 04-6.	600,000
11	ĐH NGUYỄN TẤN TRIỀU (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 04-6.	200,000

12	ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 04-6.	200,000
HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH		
13	ĐT BÙI THỊ PHƯƠNG QUẾ. Bàu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh. Gởi 28-6.	100,000
14	ĐT LÊ THANH ỨT tự THÔNG. Bến Kéo, Long Thành Nam, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 28-6.	50,000
15	ĐT LÊ THỊ HƯƠNG. Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 28-6 (hai lần).	150,000
16	ĐT NGÔ THỊ THI. Ninh Sơn, Tp Tây Ninh. Gởi 28-6.	100,000
17	ĐT NGUYỄN THỊ KIM LAN. Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 28-6.	50,000
18	ĐT TRIỆU THỊ XUÂN. Long Thành Bắc, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 28-6.	50,000

Tổng cộng: **22,010,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Bốn Mươi Chín: Từ ngày 01-7-2019 đến ngày 16-7-2019 (còn tiếp)

01	ĐH NGUYỄN VĂN ĐẠO (TT Long Khánh, HTCD Tây Ninh). Long Khánh, Đồng Nai. Gởi 06-7.	500,000
02	ĐT HUỖNH THỊ THỦY (TTi Tứ Long Châu, HTCD Tiên Thiên): An Khánh, Châu Thành, Bến Tre. Hồi hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn A). Gởi 03-7.	2,000,000
03	ĐH TRẦN ĐỨC (TT Trung Mỹ I, HT Truyền Giáo CD). Duy Xuyên, Quảng Nam. Hồi hướng giác linh song thân là Quyền Giáo Thiện truy phong Trần Khương, và Lễ Sanh hàm phong Văn Thị Lưỡng. Gởi 09-7.	500,000

► Quý đạo hữu gần xa muốn nhận các kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống xuất bản, được gởi biểu qua bưu điện, xin vui lòng gởi e-mail về: daidaovanuyen@gmail.com, hoặc gọi điện thoại số 0909490918.

ĐÍNH CHÍNH

► **Vút Một Đường Mây.** Trang 80, dòng 11, xin **sửa** là:

(Thứ Tư 02-01-1935).

► **Đạo Uyển Xuân 2019.** Trang 10, chú thích (4), xin **sửa** là:

Tam Trấn: Ba vị Tam Trấn Oai Nghiêm 三鎮威嚴. Lưu ý: Sau khi Đức Tiếp Văn Pháp Quân báo đàn, ba vị Tam Trấn lần lượt giáng cơ theo thứ tự là Quan Thánh Đế Quân (Tam Trấn), Quan Âm Bồ Tát (Nhị Trấn), Thái Bạch Kim Tinh (Nhứt Trấn).

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN THU 2019

HUỆ KHẢI chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN, LÊ ANH MINH

Vẽ bìa & Trình bày: NGÔ BÁI THIÊN

In 1.800 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 2499-2019/CXBIPH/20-41/HĐ

Số QĐXB của NXB: 378/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 16-7-2019.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-9657-4

Thư từ, bài viết... xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com
Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com